

LỜI MỞ ĐẦU

Thưa các vị,

Đức Thầy Từ Minh Đạt thường nhắc nhở chúng ta “hãy sống với cái thật mà mình có được!” Cái thật này là sự sống riêng của mỗi nhân sanh theo căn tánh của mình! Dù cái thật đó còn nhiều yếu kém nhưng đó là cái thật của mình. Chúng ta đang sửa mình mà!

Từ cái thật của sửa mình do ý thức dẫn, chúng ta đi đến cái thật không hiện hành ý thức dẫn là cái thật của người bước vào lìa tâm ý và ý thức, vượt lên mọi chi phối của hành vi bản ngã, sống thật tâm thật tánh. Thật tâm thật tánh thể hiện qua tương quan với thể nhân - với thể sự bằng tâm tánh tự chủ hay tự tại hiện hành qua tư tưởng - lời nói và hành động, hiện hành qua thân khẩu ý:

- Một ý niệm hiện hành mà tâm ý - ý thức phân biệt tự không, giới tướng nơi tâm tự không, là tự tại đi trong dòng tâm thức!*
- Một ý niệm hiện hành mà tâm ý và ý thức phân biệt tự không, giới tướng nơi tâm tự không, là một ý niệm hiện hành định lực qua hành dụng!*

Dòng tâm thức sanh diệt theo luân hồi vốn không thật có nhưng hằng ngày chúng ta vẫn dùng, vẫn có sự sống trong chỗ không thật có! Sự sống này là dùng cái tỉnh của người tỉnh giấc ngủ mơ nơi dòng tâm thức, đi vào tịch tĩnh trong mọi sinh hoạt hiện diện cùng thể sự! Chúng ta dùng lại tâm thức

đi vào thế sự làm nên Nhân Hành Vi tạo Quả Thành Tựu của người đi trong Chánh Niệm, đi trong Chánh Định phát huy Diệu Hạnh, Diệu Trí vượt lên hành vi đi trong ý thức phát huy vọng ngã!

Thế nên, phương tiện công phu đi vào vô niệm là phương tiện trợ lực cho công phu lực gia tăng định lực hành dụng. Chúng ta dùng chỗ trước đây gọi phạm ngã đi vào sự sống chính là phạm ngã quy phục hội nhập chơn ngã thể hiện qua sinh hoạt mà mọi hành dụng là dụng tướng từ thật tâm thật tánh. Thế nên, chơn ngã chính là phạm ngã! Hiểu được, thấy được và sống được với chỗ này là không còn vướng vào dòng tâm thức sanh diệt và từ giải thoát cũng không còn đặt ra nữa!

Thưa các vị! Khai Tâm Điển Pháp tập 2 trình bày qua trao đổi thông tin của các pháp hữu cùng các dữ kiện xảy ra trong sinh hoạt thường ngày như bài học được Đức Thầy Từ Minh Đạt giảng giải và mở thông cho các pháp hữu trong các buổi sinh hoạt hay qua hành dụng thực tế mà chúng tôi được duyên may học hỏi!

Phần trình bày trong tập sách là một phương diện ngôn ngữ tướng, dùng một số hành vi thể hiện qua sự sống thường ngày làm phương tiện để nhận chân sự thật của hành vi đó. Cùng một sự việc đặt ra được nhìn qua nhiều phương diện nên phần trình bày đôi khi không giống nhau hay có thể đối nghịch nhau. Mượn pháp tướng trình bày phương diện Tâm Pháp là việc làm gượng ép, mong các vị hiểu cho!

Thưa các vị! Được sự cho phép của Đức Thầy Từ Minh Đạt nhân dịp phát hành Khai Tâm Điển Pháp tập 2, chúng tôi trân trọng giới thiệu đến các vị một phương tiện Chuyển Hóa Tâm Thức bước vào lời Đức Ngài dạy:

- “Tâm mình phải sáng suốt thanh tịnh, rõ được nhân duyên, nhân duyên tự mất, thì mình không vướng vào cuộc biến hóa nữa, là tự giải thoát!”
- “Nếu giải thoát được tư tưởng là lợi ích cho đời sống hiện tại, chính đó hóa độ lòng sanh diệt thì ta đạt được đạo!”

Sau hết, chúng con kính tâm dập đầu dâng lễ Đức Ngài Pháp Chủ và Đức Thầy Từ Minh Đạt từng bước khai mở cho chúng con và thành tâm kính Đức Ngài Pháp Chủ và Đức Thầy Từ Minh Đạt ân xá chỉ dạy cho những lỗi lầm khi viết lại các bài này theo khả năng có giới hạn của chúng con!

*Nam Mô A Di Đà Phật!
Ban Biên Tập TCQN.*

PHƯƠNG DIỆN TÂM PHÁP CỦA CHÂN TÌNH

Thầy Từ Minh Đạt dạy: “Nên dùng cái chân tình và áp đặt chân tình vào sự việc!”

1. Khái niệm về chân tình:

11. Căn bản về chân tình:

Về phương diện hành, chân tình là tình thật thể hiện cái hạnh chân thật hiện diện cùng sự việc. Thí dụ: Khách đi đường gặp vị cơ hàn cần sự giúp đỡ. Qua vị khách sẽ hiện lên vài nét như:

111. Tư tưởng giúp người của vị khách không phải là tình thật:

Vị khách nhận định cảnh cơ hàn rồi xem xét nên giúp hay không. Đây là hành động theo tư tưởng! Nếu vị cơ hàn là người từng quen biết hay từng có ân nghĩa với mình thì sẵn sàng giúp. Nếu vị cơ hàn là người xa lạ thì không quan tâm đến. Đây cũng là hành động theo tư tưởng!

Tư tưởng mang ý niệm phân biệt giúp hay không, tư tưởng mang ý niệm sở hữu là giúp mà còn lựa chọn, nên tư tưởng nuôi dưỡng tinh thần giúp người mang tính vị ngã. Với người đời, có tư tưởng giúp người là tốt nhưng chỗ giúp người qua tư tưởng này không phải là tình thật! Có chăng là cái tình vị ngã!

112. Tình thật không hiện diện tư tưởng phân biệt so đo - tình thức hay sở hữu:

Vị khách với lòng chân thật, đem phương tiện giúp vị cơ hàn bằng lòng thành. Đây là tình thật giúp người tự nhiên. Tình thật giúp người sẵn có tự lòng mình - tự tâm mình đến với nhiều người chứ không phải chỉ dành riêng cho vị cơ hàn này.

Tình thật giúp người không mang tính lựa chọn giúp người này bỏ người kia. Thấy cần thì sẵn sàng giúp vậy thôi!

Như vậy, chân tình không hiện hữu tư tưởng phân biệt lựa chọn hay ý nghĩ so đo vì tư tưởng phân biệt so đo dễ đem đến kết quả: (1) Cảm thấy vui khi được người đời tán dương. (2) Cảm thấy buồn khi người thọ nhận lạnh nhạt hay sau này họ quên mất ân nghĩa. Chân tình không vướng vào mấy điểm này vì đó là trạng thái phát sanh vị ngã.

12. Dụng tâm hạnh làm chính:

121. Mọi sự việc đều là phương tiện học chân tình!

Giúp vị cơ hàn bằng tình thật thể hiện qua hạnh hữu vi, không thể đo lường chỗ tình thật bằng số lượng phương tiện đem giúp. Giúp nhiều chưa hẳn là giúp bằng tình thật, giúp ít chưa hẳn là không giúp bằng tình thật! Nên nhìn vào tâm giúp không nên nhìn theo hình tướng!

Đi vào mọi sinh hoạt thường ngày, sự việc dù nhỏ đều là phương tiện học hạnh chân tình: Từ cái ăn, cái uống đến sự giao tiếp hay hành hạnh nguyện trên đường tu học đều là chỗ học chân tình. Phương tiện học thật đa dạng mà nhẹ nhàng! Ai cũng có cơ hội học chân tình nơi cuộc sống!

122. Vài nét về mức độ tình thật:

Chân tình đi vào sự việc thể hiện cái thật hiện có được của mỗi chúng ta tùy theo sự khai mở tâm

tánh và sống thật với tâm tánh mình có được. Sự khai mở tâm tánh tùy sự chuyển hóa tập khí phiền não từ thô đến tế như:

- Là người phàm sống với tâm tánh phàm tục thì tình thật thể hiện trong tương quan vợ chồng - con cháu - cha mẹ - ông bà hay trong tương trợ nhau sinh sống. Đây là cái tình còn hạn lượng với đối tượng là người thân hay sự việc cần cho nhu cầu sống. Trong tương quan xã hội thì tình thật tùy mức độ mở rộng lòng mình. Phần đông chúng ta nằm vào cái tình vị ngã.
- Với các vị tu sửa đang thanh lọc dần từ hành động đến tâm thức, tình thật đi vào sự việc tùy mức độ thanh lọc có được.
- Với các vị tổ ngộ lý pháp Chơn Không, tình thật thể hiện trên đường hội nhập từ trí giác ngộ sang hành động sống thật. Tức là đi từ Tri sang Hành. Nói khác đi, tùy từng phần giác tánh mà chân tình mở ra sống thật với từng phần giác tánh đó. Chân tình hiện bày qua tâm tánh hành động thuận theo trí giác hội nhập vào sự việc!

2. Chân tình và vài hình ảnh sinh hoạt nơi pháp đạo:

21. Thỉnh Pháp:

Các vị pháp hữu thỉnh hỏi Thầy thường nằm vào vài điểm chính:

- Có vị vào thời gian đầu đến với pháp đạo, thỉnh thoảng hỏi với ẩn ý thử khả năng Thầy mặc dầu nhìn bề ngoài là người có vẻ thật tình học hỏi.

- Có vị vào thời gian đầu đến với pháp đạo, thỉnh thoảng ẩn ý phô trương khả năng học hiểu trước đây lòng vào câu hỏi: Lời thỉnh pháp mang tính khoe và đối chất!
- Có vị hỏi để hỏi, hỏi cho có hỏi, hỏi để tỏ ra có thắc mắc. Nhìn bề ngoài là người có ý học hỏi nhưng thật tình hỏi để học và hành chưa có.
- Có vị hỏi để mở rộng hiểu biết, chú trọng phần kiến thức hơn là khai ngộ.
- Có vị hỏi và nhận lời dạy nhưng không hành hay trước khi bước vào hành thì ngại chỗ khó khăn phải vượt qua. Chưa hành mà thoái chí!
- Có vị hỏi để ngộ giáo pháp thanh cao và mở tâm hành dụng hay hỏi để ngộ lý và hành theo mức độ khai ngộ của mình là điểm mà chúng ta nên học.

Qua lời thỉnh pháp, tự nhìn mình sẽ nhận ra chỗ thật tình học và hành hay không!

22. Các vị làm việc cho pháp đạo:

Các vị ở xa, thỉnh thoảng đến Thầy vài giờ - vài ngày hay vài tuần, Thầy nhờ giúp 1 vài việc cần cho pháp đạo. Chỗ tình thật không phải ở chỗ việc làm mà là lòng nhiệt tình làm việc với tâm học hỏi. Việc khó - dễ - nhiều- ít không phải là điểm đáng quan tâm!

Các vị thường đến Thầy làm việc hay được Thầy trao việc làm các nơi, chỗ tình thật không phải chỉ là chỗ cố gắng hoàn thành việc vì pháp đạo! Phải có tình thật sống cùng việc làm với niềm tin vui!

Thưa các vị! Thầy giao việc làm, dù việc nhỏ hay ít đều là bài học mà chúng ta phải ngộ ra qua chỗ làm việc mở rộng lòng mình, mở rộng tâm tánh mình, thấy ra lý đạo nơi việc làm và sống với lý đạo mà mình thấy ra đó. Thầy không giao việc khơi khơi cho chúng ta đâu. Tất cả đều có lý do !

Thí dụ: Một vị thường sống theo vị ngã hẹp hòi, Thầy giao cho vài việc làm mà việc làm này đem lợi ích đến nhiều người. Sau thời gian làm việc: Tâm tánh cho mở dần ra, lòng vị tha mở dần ra, âm đức được trưởng dưỡng và chỗ thật tình làm việc mở dần ra mà chính vị này cũng không hề hay biết.

23. Bài học Thầy ban cho pháp hữu chúng ta:

231. Việc làm của Thầy:

Trước đây, gặp phải nhiều việc dồn dập từ các nơi, Thầy đã phải vận dụng đến bộ đầu tính toán đem vào hành sử với từng việc một. Với bộ đầu, tất cả những gì Thầy dự định đều bị thiên ma hay các chư vị ở vô vi nhận biết và ra tay trước nước cờ. Từ đó, Thầy bỏ mọi suy nghĩ lo tính theo bộ đầu, Thầy thuận theo tâm linh, thuận theo tâm thanh tịnh mà làm việc. Tức thuận theo chơn như mà diệu dụng thật tánh vào sự việc.

232. Học bài học của Thầy pháp hữu chúng ta nhận ra:

Với sự việc vì pháp đạo, thấy là làm, làm một cách thật tình mà hành trình đi đến kết quả nhanh chậm không phải là điều đáng quan tâm.

Với tâm không phân biệt như so đo, khen chê, lấy bỏ, đem vào mọi sinh hoạt dần dần chúng ta nhận ra sống và hành với tâm thức thanh sạch dần. Tức là đối việc vẫn thấy biết và làm hay hành sử nhưng không bị chi phối bởi bộ đầu tính toán hay các tình thức so đo phân biệt do giác quan tác động.

Nói cách khác, làm việc mà không vướng vào trạng thái động từ nội tâm vọng khởi, không vướng vào trạng thái động từ ngoại cảnh tác động giác quan. Đây là cái hành đi vào sự việc mà bất nhiễm từ nội tâm đến ngoại tướng. Việc làm, hành động, lời nói, ý niệm đều hiện hữu chỗ chân tình theo tâm tánh bất nhiễm.

3. Chân tình và vài hình ảnh về tình thương:

31. Chân tình và tình thương tác động mở rộng tâm cho:

311. Thí dụ: Tình thương mở rộng tâm cho!

Một vị đến tuổi trưởng thành phải tự lập, thường tiết kiệm phòng thân khi cần, thậm chí còn lo tích lũy tiền của để dành. Tâm cho khép lại! Chỗ tiết kiệm thành keo kiệt do tánh ôm thủ. Dần dần, thấy cha mẹ già yếu, lòng thương cha mẹ mở ra và chăm lo phụng dưỡng. Thấy người thân cơ cực động lòng giúp đỡ. Thấy người tàn tật - trẻ mồ côi sống nơi cơ quan từ thiện phục vụ bất vụ lợi, tình thương người phát khởi và vì tha nhân bất hạnh mà mở lòng giúp đỡ. Đây là thí dụ mở rộng cho dễ hiểu!

312. Sự thật như thế nào?

312.1. Vị ngã nặng khuynh hướng thu về mình khiến tâm cho khép nhỏ lại:

Không ít người tâm cho thường khép lại, ít khi mở rộng đến tha nhân mà vô điều kiện dù rằng mình dư khả năng. Tâm cho mở rộng thường có lý do như bị ách nạn, khúc quanh cuộc đời hay vừa thoát thập tử nhất sinh. Vì sao? Phàm ngã có khuynh hướng thu về mình do lòng tham, kể cả tham danh vị - tham thành đạt một điều gì - tham phước đức hay tích lũy âm đức cho mai sau. Sự cho mang tính trao đổi hơn là tình thật đem cho. Đây là cái cho vị ngã hạn hẹp.

312.2. Chân tình và tình thức vị ngã:

Sự cho mang tính vị ngã, chỗ tình thật áp đặt vào sự cho chưa có, có chẳng là cái tình của vị ngã. Tâm cho mở rộng đến tha nhân như người tàn tật, trẻ mồ côi là cái cho có đối tượng. Cái tình cho nằm vào hạn lượng theo đối tượng của phàm ngã.

Với người đời, như vậy là tương đối tốt. Nhưng chỗ học của chúng ta không dừng lại nơi đây mà là nương theo phàm ngã, gội rửa và thanh lọc dần phàm tánh cho đến khi đủ thanh sạch mà sống với chân tình tự tâm tánh hiện diện cùng sự việc.

32. Chân tình và tình thương mở rộng qua hội nhập:

321. Thí dụ: Tình thương mở rộng từ gia đình đến xã hội qua phàm ngã có khuynh hướng chiếm hữu:

Khi lập gia đình, tình thương đến với vợ hay chồng, hy sinh nhau cho người mình thân yêu. Có con, tình thương mở đến cho con. Sống trong đại gia đình, tình thương mở rộng đến cha mẹ - ông bà - anh em - con cháu - cô dì cậu chú. Bước vào giao tiếp với tha nhân nơi xã hội, tình thương mến - tình thân thiện mở rộng đến bạn bè và nhiều hơn nữa.

Tình thương mở rộng dần qua văn thân hội nhập, lòng vị kỷ khép lại dần. Nhưng chúng ta phải hiểu rằng đây mới là bước đầu mở tình thương được nuôi dưỡng với đối tượng là tha nhân và phần nào còn mang tính chiếm hữu là bạn bè hay người thân. Dù sao đây cũng là tình thương mở ra theo chiều hướng tốt từ gia đình đến xã hội.

322. Thuận theo lẽ tự nhiên mà mở rộng tình thương!

Tạo hóa đặt để con người sanh ra, lớn lên lập gia đình, có con cháu, cùng các mối tương giao từ gia đình đến xã hội là nhân tố phát triển tình thương. Sự tu học của chúng ta không dừng lại nơi đây mà là lia bỏ dần tình thương mang tính hạn lượng - mang tính sở hữu hay chiếm hữu theo đối tượng. Tình thương còn hạn lượng thì tình thật đi vào tình thương chỉ là cái tình hữu hạn theo phạm ngã.

Thí dụ: Đức Ngài là vị Thầy của các pháp hữu Từ Tôn - của tất cả chúng sanh. Tình thương của Ngài ban cho tất cả chứ không dành riêng cho một ai. Mỗi một chúng ta đều thương mến Ngài nhưng không thể buộc Ngài chỉ ban tình thương cho riêng mình.

4. Chân tình và tâm từ bi:

41. Thương người ra đi!

Các vị cùng làm việc với nhau trong pháp đạo, không may một vị ra đi. Tình thương của các vị còn lại đối với người ra đi hiện lên nhiều mức độ:

- Có vị không cảm thấy thương mến chút nào.
- Có vị cảm thấy thương thương nhớ nhớ rồi thôi. Đây là tình thương nhất thời. Cái tình thật cùng chung làm việc với người ra đi là cái tình phàm ngã.
- Có vị tự lòng mình cảm thấy thương mến trước sự ra đi mà mình bất lực. Tuy có cái tình hiện diện cùng vị ra đi nhưng là cái tình do đối tượng tác động vào tâm mà có và tất nhiên tình thật còn mang tính hạn lượng theo đối tượng, tức tình thương còn hiện diện tình thức hay ngã tướng.
- Có vị tự tâm linh hòa cảm cùng người ra đi mà không thể diễn tả nên lời, là tình thật tự tâm tánh. Chỗ tình thật này tương tự như lời người xưa nói: "Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu!" Với tình thật này mới có thể mở ra tâm bi không hiện diện các tình thức thường tình hay ngã tướng đến với tha nhân mà chúng ta nên học hầu sống với tình thật vô biên đến cùng nhân sanh.

Từ đây cho thấy: Áp đặt chân tình vào sự việc là phương tiện đem đạo vào đời qua thật hạnh để thấy đời là trường sống đạo và những phân biệt đời đạo tự tan hóa. Từng bước hội nhập chân

tình vào sự việc là từng bước mở tâm sống đạo và hành đạo, đồng thời là mở tâm hòa nhập nhịp sống nhân sanh.

42. Thương người ở lại! Tâm Đại Bi của Đức Ngài ban cho pháp hữu và chúng sanh.

Vào những năm tháng sắp hồi vị:

- (1) Đức Ngài truyền dạy Pháp của các Đấng Thế Tôn. Có lần chúng ta “lơ là” đang trong giờ tập luyện đúng lúc Đức Ngài vừa đến, sau đó, Đức Ngài nhắc nhở và tự dừng khóc một cách tự nhiên, chúng ta đồng cảm khóc theo Ngài.
- (2) Đức Ngài ban nhiều Bảo Pháp cao quý đến các pháp hữu, cả Bảo Pháp mà Thiêng Liêng ban cho Ngài.

Tình thương của Ngài là tình thương thể hiện Tâm Từ của vị Thầy sắp ra đi ban cho người học trò ở lại có phương tiện pháp tiếp tục tu học. Tình thương của Ngài ban cho đệ tử là tình thương thể hiện Tâm Bi của Ngài ban cho tất cả chúng sanh mà các đệ tử sẽ là người nối tiếp bước chân Ngài mở rộng Vô Vi Quy Nguyên Pháp đến chúng sanh cùng hưởng.

Tự nghiệm, thâm tâm chúng ta nhận ra đây là tình thương vô biên mà Đức Ngài ban các đệ tử thể hiện Tâm Đại Từ Bi làm rung cảm tâm linh hay hòa đồng cảm hóa tâm linh các đệ tử.

Từ đây, bài học dành cho chúng ta: Áp đặt chân tình vào sự việc với tinh thần hướng thiện - hướng thượng, lòng từ bi mở ra. Chỗ học chân

tình đi vào sự việc thể hiện lòng từ bi của chúng ta là lìa bỏ dần các tình thức hay ngã tướng hiện diện cùng từ bi. Như vậy, chân tình đi vào sự việc thì chân tình như bản thể hòa khắp vào sự việc mà từ bi là phương tiện. Tâm phân biệt không còn - tâm hòa đồng mở ra thì Tâm Từ Bi là Tâm Đại Từ Bi.

5. Kết luận: Chân tình thể hiện tín tâm!

Áp đặt chân tình vào sự việc, lòng tin của mình vào sự việc càng vững chắc hơn cho sự thành đạt, lòng tin của tha nhân đối với mình được trưởng dưỡng!

Áp đặt chân tình vào học đạo, lòng tin của mình vào đạo pháp càng vững vàng, huân trưởng tín tâm sâu qua sống đạo và hành đạo, cũng là thể hiện mong chờ của Đức Ngài: Hãy tinh tấn trong công phu và phẩm hạnh, đừng làm mất lòng tin khi Đức Ngài chuyển vận mà Sư Huỳnh thì lúc nào cũng mong muốn các chú mãi mãi cận kề bên. Mong thay!

Chân tình hiện diện từ việc làm nho nhỏ của thể nhân đến tâm hạnh Từ Bi Hỉ Xả của các Đấng Cứu Thế. Chân tình là một yếu tố tiên tu của người hành pháp vì nhân sanh - vì pháp đạo trường tồn theo tiến trình khai mở tâm linh của nhân loại!

Vài nét về lý pháp THÂN TÂM - NIỆM KHỞI

Được tham dự các buổi học về vô vi do Đức Thầy Từ Minh Đạt hướng dẫn giúp các vị pháp hữu nhận ra điểm kẹt với dòng tâm thức sống từ nhiều kiếp lưu hành theo nghiệp lực luân hồi sanh tử. TCQN xin phép ghi lại nơi đây để chúng ta cùng học và kính xin Đức Thầy ân xá chỉ dạy cho lầm lỗi do khả năng có giới hạn của chúng con.

1. Vài nét về thân:

11. Mê thân:

Mỗi chúng ta đều mang 1 tấm thân. Với tấm thân này, có vị chăm lo ăn uống tắm rửa và ngủ nghỉ nhiều đã làm cho Đức Ngài phải nhắc nhở là tham ăn - tham ngủ hơn là siêng năng công phu tinh tấn. Đây là mê vì thân.

12. Bước đầu nhận hiểu:

Với thân này, biết bao thân của các sinh linh mà chúng ta đem vào qua ăn uống có khác nào là thân vay mượn! Tuy nói là thân của mình nhưng mình có làm chủ nó đâu, hiện diện nơi đời 1 thời gian rồi tan rã.

Qua các buổi học về vô vi, chúng tôi nhận ra khi bỏ thân này bước sang cõi khác sẽ mang 1 hình hài khác: Có vị tiếp tục tu học trong vô vi, có vị đầu thai trở lại làm người, có vị đi vào địa ngục, có vị nay đây mai đó như các cô hồn, có vị chuyển làm cầm thú. Tại Đại Hùng Linh Điện, có nhiều rùa, thỏ, chim,... mà tiền kiếp là những vị có danh vị trong xã hội hay có duyên với đạo, nay được Đức Thầy Từ Minh Đạt đem về cứu độ.

Đức Ngài dạy chúng ta nên nuôi dưỡng tử tế để có được thân thể khỏe mạnh, làm phương tiện như ngôi nhà để ngụ mà lo tu hành. Với thân này, nhìn vào điển quang bao phủ bên ngoài là biết chúng ta có siêng năng tu tập hay không!

2. Vài nét về tâm:

21. Mê tâm:

Do thân mà mê tâm: Với tấm thân này, biết bao nhu cầu đòi hỏi đã đưa chúng ta đi vào tham đắm ngũ dục như: Mắt tham đắm vào sắc dục, tai mê theo âm thanh dịu dàng, mũi thích mùi thơm tho, ăn thì chọn món khoái khẩu, thân thích làm đẹp hay lao vào nhục dục. Cho nên, thỏa mãn đòi hỏi cho thân này dễ sanh tâm ái nhiễm hay mê vì trần cảnh.

Do vọng khởi mà mê tâm: Thí dụ như: Chú trọng nhiều về thân tướng, nên nếu có người khen đẹp - duyên dáng thì lấy làm hài lòng, trái lại, thì lấy làm buồn; gặp hoàn cảnh khó khăn thì lấy làm lo và bận bịu vì cái lo này; gặp thời vận làm ăn thì mừng và lòng tham chìm theo thời vận. Đây là đi theo vọng khởi chìm vào cái tôi!

22. Bước đầu nhận hiểu:

221. Nhận ra chỗ bị sống:

Các căn là phương tiện giúp mình tiếp xúc với bên ngoài, giúp mình nhận ra mức độ ô nhiễm nơi tâm mà tu sửa, chớ nên lầm sống để phục vụ các giác quan hay phục vụ tấm thân này mà trở thành bị sống.

Đứng trước sự khó khăn, sanh lo lắng hay nản lòng không dám bắt tay vào việc: Lo lắng hay nản lòng phát sanh từ cảm thấy là việc khó.

Sống giữa nhiều người đua chen làm giàu, gặp thời cơ lòng tham chạy theo như người để không bị thua kém. Lòng tham xuất phát từ môi trường sống.

Do thân khẩu ý tiếp xúc môi trường sống sanh ra, nên tâm tánh bị chuyển đổi theo - không ổn định, đưa mình chìm vào bị sống.

222. Vọng khởi chỉ là tạm thời:

Mượn tấm thân theo luân hồi sanh tử làm phương tiện để ngủ mà tu học, thỏa mãn theo nhu cầu ngũ dục rồi cũng hoàn không, có gì là thật của mình đâu!

Chìm theo ý thức do bên ngoài tác động làm nên và đi vào bị sống rồi tạo thêm nghiệp lực, có gì là thật của mình đâu!

Qua các buổi học về vô vi, chúng tôi nhận ra: Khá đông các phần lực lần đầu tiên đến “đòi nợ” với các pháp hữu có “ân oán” trong tiền kiếp, không vị nào chịu tu hành cả. Đức Thầy với lòng từ bi luôn dành cho các phần lực, các phần lực này thức tỉnh chuyển tâm và quỳ trước Ngôi Tam Bảo xin thọ pháp. Điều này cho thấy, sự sống với vọng khởi chỉ là tạm thời, đưa cái thức đi từ giả cảnh này đến giả cảnh khác, cứ như vậy mà lang thang theo luân hồi sanh tử.

3. Vài nét về gốc niềm khởi do điểm kết bản năng hiện hành vào ý thức:

31. Thí dụ: Điểm kết bản năng giận!

Có vị tinh tấn tu học, được nhiều người mến, nhưng vướng phải cái giận khi tha nhân không đồng ý với mình về sự việc có liên quan đến mình hay sự việc mà tha nhân đem đến trái ý mình. Nhờ thức tâm nên nhận ra giận hiện lên với nhiều ý phóng ra đáp trả. Tuy nhận biết nhưng vẫn không làm chủ được cái giận đang hiện lên như dòng khí lực làm giao động cả thân tâm. Đây là điểm kết bản năng lưu hành từ nhiều kiếp mà không ít các vị tu hành tuy tinh tấn nhưng vẫn vướng phải.

32. Tâm mang điểm kết bản năng từ tiền kiếp lưu vào hiện kiếp:

321. Điểm kết bản năng lưu vào hiện kiếp:

Mang phải điểm kết như giận vừa trình bày là chúng ta đang đi trên vòng luân hồi mang điểm kết. Điểm kết này hiện hành vào ý thức khi gặp việc, có gốc từ:

- (1) Chứng tử A Lại Da thức.
- (2) Cội rễ chấp ngã của Mạt Na Thức.

Nói cách khác: Điểm kết này đi vào hiện kiếp và hiện hành qua ý thức, thể hiện khuynh hướng chấp ngã của Mạt na Thức. Khuynh hướng chấp ngã này đi vào hoạt động của 6 thức vốn có điểm tựa mà Nhân là chủng tử A Lại Da Thức. Tức là, Nhân chủng tử A Lại Da Thức nuôi dưỡng cho khuynh hướng chấp ngã của Mạt Na Thức thể hiện qua ý thức đi vào sinh hoạt hằng ngày và

làm gia tăng thêm chỗ “chấp ngã giả tạm” với điểm kẹt đang vướng phải.

Chỗ chấp ngã giả tạm này, vừa dự phần vào ý thức, vừa dự phần vào A Lại Da Thức, mà khi con người chết đi nó nhập vào A Lại Da Thức làm 1 và đi vào kiếp lai sinh do sự vận hành của A Lại Da Thức theo nghiệp lực nhân quả. Trong hiện kiếp, khả năng hiện có của mình chưa đủ chiếu soi tan trước điểm này nên tiếp tục bị nó dẫn đi qua sinh hoạt hằng ngày.

322. Vài thí dụ về sự lưu hành cái thức từ tiền kiếp vào hiện kiếp:

Thí dụ 1: Một vị bệnh tâm thần tuy không làm chủ ý thức hiện hữu nhưng khi gặp lại người thân của mình thời tiền kiếp tái sanh vào hiện kiếp: 1 vài điểm về tâm thức sống với người thân từ tiền kiếp, hiện ra vào hiện kiếp, mặc dù người bệnh không kiểm soát được mình.

Thí dụ 2: Một vị tạo ân oán cho tha nhân từ tiền kiếp, trong hiện kiếp tha nhân đến với vị này, tựưng tâm linh vị này như bị đánh động và nhận ra mình có điểm không hay với tha nhân này.

Thí dụ 3: Một vị tiền kiếp là vị tướng cầm quân đi vào trận địa quyết đem về chiến thắng cho tổ quốc. Hiện kiếp thức tâm tu học, tâm thống lĩnh trận địa không còn nhưng cái thức chỉ huy tha nhân vẫn còn tồn lưu và hiện ra nếu có môi trường sống thuận tiện. Chỗ thống lĩnh trận địa trở thành chỉ huy tha nhân hiện ra từ “vô thức” tuy

rằng qua sinh hoạt bình thường hằng ngày không hề có.

Như vậy, chỗ chấp ngã giả tạm từ Mạt Na Thức thuận theo sự vận hành của chủng tử nghiệp lực A Lại Da Thức làm nên hiểu biết vốn có từ tiền kiếp. Cái biết này gọi là Thức. Đức Ngài dạy thêm: Diễn Mạt Na Thức khi kết tập thành động khí thì phải nhu động Sắc - Thọ - Tưởng - Hành - Thức mới được làm ra sự biết. Bởi cớ cho nên trong Kinh có câu: “Tri kiến lập tri, tức vô minh bốn!”

4. Lý pháp ngưng gia tăng tiềm lực chấp ngã của Mạt Na Thức:

41. Ý thức là chủ tạo nghiệp với vị trí trung gian của Mạt Na Thức:

Ý thức là chủ tạo nghiệp trong mọi hành vi: Hiện kiếp, sự sống bình thường do ý thức làm chủ và tạo nghiệp do ý thức hiện diện vào hành vi của thân - khẩu - ý. Sự tạo nghiệp này do ý thức, không do Mạt Na Thức vì Mạt Na Thức tuy hình thành chỗ chấp ngã nhưng là vị trung gian đứng giữa chuyển mọi hành vi của thân - khẩu - ý do ý thức làm chủ, đem vào A Lại Da Thức. Trong sinh hoạt, chủng tử A Lại Da Thức chính là chủng tử nghiệp lực tác động lên khuynh hướng chấp ngã của Mạt Na Thức hiện hành vào ý thức đi vào thân khẩu ý mà tạo nghiệp.

Vị thế bị động của ý thức mang điểm kẹt bản năng: Như vậy, ý thức bị chi phối bởi khuynh hướng chấp ngã của Mạt na Thức, bị tác động bởi chủng tử mang điểm kẹt bản năng, được hình

thành 1 cách tự động như có sẵn nơi tiềm thức - như có sẵn nơi vô thức, tức là “hình thành tự động trong vị thế bị động” do chủng tử điểm kẹt nơi A Lại Da Thức làm chủ và trưởng dưỡng thêm cho khuynh hướng chấp ngã của Mạt Na Thức đi vào ý thức.

42. Làm thế nào ngưng gia tăng tiềm lực chấp ngã của Mạt na Thức?

Chủng tử nghiệp lực và ý thức:

Khi nhân căn Mạt Na Thức (ý căn) tiếp xúc pháp trần (tiền ngũ thức gồm: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức và thân thức) khởi sanh ra ý thức thì tiềm lực của Mạt Na Thức mất đi 1 phần nào. Nói cách khác: Ý thức phát sanh là mất đi một phần tiềm lực của mạt Na Thức! Nhưng khi ý thức phóng ra là tạo thêm nghiệp lực mới, nghiệp lực mới này huân tập vào Mạt Na Thức mạnh hơn là tiềm lực từ Mạt Na Thức phóng ra khi ý thức khởi sanh.

Nghiệp lực mới này là món ăn nuôi dưỡng gia tăng thêm tiềm lực chấp ngã giả tạm của Mạt Na Thức, tức gia tăng thêm tiềm lực của dòng tâm thức mang điểm kẹt; đồng thời, gia tăng thêm chủng tử nghiệp lực mới cho A Lại Da Thức. Thế nên, càng tạo thêm chủng tử nghiệp lực thì ngã chấp càng mạnh và ý thức hình thành trong vị thế bị động càng tự nhiên hơn.

Không vướng vào ý thức là yếu pháp ngưng tạo nghiệp trong hiện kiếp và ngưng gia tăng tiềm lực chấp ngã của Mạt na Thức:

- Về phương diện lý pháp, yếu quyết của người học là không tạo thêm nghiệp mới. Muốn được như vậy phải tự lìa ý thức vốn là chủ tác nghiệp:
- Không vướng vào lý trí so đo phân biệt (do ý thức khởi) khi đối việc, tức là không tạo thêm nghiệp lực mới.
- Không vướng vào tình cảm thất tình và các ham muốn (do ý thức khởi), tức là không tạo thêm nghiệp lực mới.
- Không vướng: Không phải là đoạn diệt - cắt đứt, bởi vì ý thức - niệm khởi hay tư tưởng của mình như 1 dòng thác, mà là không thả chạy theo niệm khởi đó. Tức mỗi khi niệm khởi chúng ta đều biết nhưng không theo, tự nó sẽ không tiếp tục hiện hành.

Thí dụ: Ý tham vừa hiện lên, chúng ta nhận ra nó vừa hiện nơi mình là do ngoại cảnh đi vào giác quan mà có, không thả chạy theo, nó tự mất vì không có chỗ nương tựa để tiếp tục. Điều này, trong công phu thì không mấy khó khăn nhưng vào thực tế không phải dễ, mà chúng ta phải học qua chỗ hành dụng.

Không tạo thêm nghiệp lực mới thì chủng tử nghiệp lực không gia tăng, tiềm lực chấp ngã của Mạt Na Thức không gia tăng thêm và cũng không còn cơ hội tham gia vào hành vi của thân khẩu ý. Đây cũng là phương tiện pháp ngưng tạo nghiệp cho thân - khẩu - ý trong hiện kiếp!

5. Lý pháp làm mất tiềm lực chấp ngã và các vi tế!

Đến đây, chúng ta thấy phương tiện trợ lực từ công phu song song với hành động thực tế: Đi vào vô niệm nơi mọi sự việc! Nói dễ hiểu hơn: Không có sự hiện diện của ý thức (vọng thức) trong trau dồi đức hạnh hay trong sinh hoạt thường ngày là học vô niệm nơi sự việc, học tịch tĩnh trong sinh hoạt. Như vậy, các khuynh hướng chấp ngã của Mạt Na thức không có cơ hội phát huy do sự tịch tĩnh đi vào mọi sinh hoạt. Xuyên qua trau dồi đức hạnh hay thiện hạnh trong giai đoạn này: Lòng vị tha mở dần ra, tâm từ - bi - hỷ - xả mở dần ra.

Nói cách khác: Các khuynh hướng chấp ngã của Mạt Na thức nhường chỗ cho khuynh hướng làm lợi ích tha nhân. Các tình cảm thất tình và lòng ham muốn là thể mạnh của ý thức trong sinh hoạt thường ngày nhường chỗ cho lòng từ - bi - hỷ - xả hiện dần ra. Với lòng từ - bi - hỷ - xả mở ra đi vào trau dồi đức hạnh hay thiện hạnh vì lợi ích tha nhân sẽ “làm nên” chủng tử công đức hay chủng tử thiện vô lậu cho A Lại Da Thức.

Đây là phương tiện pháp làm mất hẳn tiềm lực chấp ngã của Mạt Na Thức, tức đánh rớt cái thô chấp. Đồng thời, là bước vào thanh lọc vi tế chấp, còn gọi là vi tế vô minh, xuyên qua hành Bồ Tát Đạo thực thi khai mở tâm không phân biệt - tâm hòa đồng - tâm từ bi hỷ xả qua hành dụng.

6. Kết Luận: Tìm học tôn ý Đức Ngài về hướng đi trên con đường đã vạch sẵn!

Trước ngày hồi vị, Đức Ngài có hỏi Đức Thầy Từ Minh Đạt đạo Phật là gì và chính Đức Ngài tự trả lời đạo Phật là Tịch Diệt.

Đức Ngài dạy tu thiền là tâm - ý - ý thức, đồng thời với “công phu là phương tiện, trau dồi đức hạnh là căn cơ” và thực hiện “đời đạo song hành”.

Từ đây, chúng ta thấy Đức Ngài vạch sẵn hướng đi: Dụng công phu làm phương tiện, đi vào vô niệm, để thanh lọc ô nhiễm nơi tâm, để thấy rõ nơi tánh qua trau dồi đức hạnh nơi đời. Nói cách khác: Học trau dồi đức hạnh qua tánh hành động không có sự chủ động dẫn dắt của tâm - ý - ý thức, tức là học vô niệm trong trau dồi đức hạnh hay trong sinh hoạt thường ngày mà từng bước mở ra tánh giác và sống thật với tánh giác mà mình ngộ.

Nói nôm na là mượn công phu đi vào vô niệm để thấy rõ nơi mình từng phút từng giây và sống với cái thấy này tức là cái giác này trong mọi sinh hoạt. Đây là hướng nhập thể khai tâm và cũng là hướng nhập thể hành đạo mà người học phải hành nơi thể sự với phương châm Đời Đạo Song Hành, lấy thể sự làm đối pháp để học tự tại qua tánh hành động thanh tịnh - bất nhiễm mà thể nhập Đời - Đạo Song Hành!

Như vậy, Tịch Diệt mà Đức Ngài dạy ở đây không phải là đi vào vô niệm với công phu thiền định làm cứu cánh của các vị tắm mình vào thường thức thiền vị để rồi rơi vào “cái không của trầm

không thủ tịch” mà TCQN. đã trình bày trong “Bước đầu mở hướng giải thoát tri kiến”.

Tịch Diệt mà Đức Ngài dạy chúng ta đang trên đường tu học ở đây là dụng công phu làm phương tiện học sống vô niệm (tịch) trong sinh hoạt - trong trau dồi đức hạnh mà ngộ ra cái giác hay tánh giác (chiếu). Từng bước mở ra từng phần tánh giác cho đến viên giác (thường chiếu). Song song, không những tiềm lực chấp ngã của Mạt Na Thức không còn mà chỗ tiềm ẩn vi tế chấp cũng lần lượt tự tan hóa trước lực chiếu soi của tánh giác (trí giác).

Chỗ này Đức Ngài dạy chúng ta:

- “Tịch là tịch tĩnh thường chiếu”, “Diệt là diệt trừ hết vọng tưởng” và “Tịch Diệt là Nhất Tâm”.
- “Duy chỉ có Nhất Tâm, tâm tịch mà tu, chân vọng đều lìa cả tức là Tự Giác Thánh Trí “.
- Từ đây cho thấy: Sau khi đã lìa cái thô chấp của Mạt Na Thức, đi vào “chân thể tạm thời yên lặng”, nhưng “chân thể tạm thời yên lặng” này vẫn còn tiềm ẩn phần vi tế chấp, vẫn còn tiềm ẩn phần vi tế điểm kẹt. Từng bước mở ra tánh giác qua hành dụng hay qua hành trình Bồ Tát Đạo là từng bước các vi tế này lần lượt tự tan hóa trả lại “chân thể thật sự yên lặng”, mở đường đi vào cuộc sống không còn ảnh hưởng các giác quan thường tình, sống ung dung tự tại giữa dòng đời và nhận

chân chân vọng chỉ là 2 mặt của Nhất Tâm.

Vấn tắt: Chúng ta học lời Đức Ngài dạy:

- “Làm sao tìm hạnh phúc và lợi ích hiện tại? Tất cả do ở trạng thái Tâm hoạt động mà hạnh phúc chính ở tinh thần ổn định. Đời sống với tư tưởng con người do sự mong cầu và ham muốn mà tạo tác mới bị trầm luân trong bể khổ. Nếu giải thoát được tư tưởng là lợi ích cho đời sống hiện tại, chính đó hóa độ lòng sanh diệt thì ta đạt được đạo!”
- “Tâm mình phải sáng suốt thanh tịnh, rõ được nhân duyên, nhân duyên tự mất, thì mình không vướng vào cuộc biến hóa nữa, là tự giải thoát.

PHƯƠNG DIỆN VÔ MINH CỦA HIỂU BIẾT

1. Sự hiện hữu căn bản của hiểu biết vô minh.

Từ thơ bé đến ngày nay chúng ta đã nhận rất nhiều hiểu biết đi vào tâm trí thâm nhập tiềm thức. Không ít chúng ta, các hiểu biết này vương phải nét vô minh mà mình chưa hay biết:

11. Vài thí dụ về thành kiến:

Ý niệm xấu về hành vi của tha nhân:

Gặp vị có tiền tích xấu như cờ bạc - trộm cắp - nghiện ma túy; gặp vị nóng tánh hay cãi cọ bất chấp người trên kẻ dưới; gặp vị thường thất tín với tha nhân chúng ta dễ ý niệm xấu về các vị gần như tự nhiên.

Ý niệm xấu về tư tưởng hệ:

1 vị từng trải trường đời nhìn các em trẻ vừa rời nhà trường với ý niệm chưa có kinh nghiệm sống. Trái lại, các em trẻ tuy kính người lớn tuổi nhưng ý nghĩ các vị cao niên mang vài tư tưởng không còn thích hợp thời nay mà vẫn giữ. Cả 2 đều mang ý không hay đến tha nhân!

Không đặt vấn đề tốt xấu hay đúng sai! Ở đây, chúng ta vương phải cái nhìn về tha nhân như đã hình thành sẵn nơi tâm trí với ý xấu về người. Ý xấu như đã có sẵn từ tiềm thức dù có gặp người đó hay không và cho dù người đó không hề có ý xấu hay hành vi xấu về mình. Đây là thành kiến làm nên vô minh!

12. Vài thí dụ về định kiến:

Đánh giá phẩm hạnh tha nhân theo hình tướng:

Gặp 1 vị ăn mặc lôi thôi, lè phè, lại đi đứng không mấy nét na, liền đánh giá thấp về nhân cách vị này. Gặp 1 vị ăn mặc chỉnh tề - sạch sẽ, đi đứng trang nghiêm, liền đánh giá cao về nhân cách vị này. Đây là đánh giá theo hình tướng với ý riêng.

Quan điểm trên đường tầm đạo:

Nói đến tu hành, không ít người liên tưởng đến xuất gia - vào tu viện hay phải trường chay tuyệt dục, nếu như tìm thầy học đạo mà gặp vị thầy ăn mặn - có gia đình như người đời thì lòng sẽ dối ngay.

Trái lại, gặp 1 vị có vài khả năng như thần thông - thông thiên đạt địa - trị hết các bệnh “bị tà nhập”, nhất là với các vị xuất gia, thì lòng nghĩ tốt về vị này và có ý cầu học. Không đặt vấn đề tốt xấu hay đúng sai! Ở đây, chúng ta vương phải ý niệm chủ quan phóng ra kết luận - đánh giá như được hình thành sẵn nơi tâm trí với cái nhìn 1 chiều theo ý riêng. Đây là định kiến làm nên vô minh!

13. Vài thí dụ về chấp nhất:

Cứ 1 mực giữ đúng theo chỗ hiểu của mình:

Chúng tôi có dịp tiếp xúc vài vị mỗi khi gặp việc gì thì 1 hướng giải quyết - 1 số việc phải làm như đã sẵn có là phải như vậy không thể khác được. Cứ 1 mực giữ đúng theo chỗ hiểu của mình. Tức là những gì mình đã học, đã hiểu, đã trải qua thực tế, đã kinh nghiệm và thấy là đúng. Bên cạnh thấy đúng đó là tâm trí cứ khẳng khẳng giữ là đúng. Khi dự định hay bắt tay vào việc thì luôn đi theo

chỗ thấy là đúng đó, tức là phải “như vậy” mới được việc.

Tìm thầy học đạo:

Hằng bao thế kỷ nay, không ít vị học đạo trước hết là tìm đến thiền môn vì nhận thấy rằng pháp thiền định là con đường duy nhất nhận ra chân lý và giải thoát sanh tử. Nếu gặp vị thầy hướng dẫn khác đi một chút, như không đặt nặng thiền định mà là hướng học đạo vào đời sống thực tế làm đối pháp chỉ thẳng vào tâm thức phàm ngã đang ngự trị thân tâm mình, giải phẫu vạch trần những tâm tư tình cảm - những thất tình lục dục tiềm ẩn, thì lòng trần của mình sẽ dội ngay, thậm chí ý nghĩ ông thầy đi sai đường mà Đức Phật đã từng lưu lại hậu thế.

Không đặt vấn đề theo chỗ đúng sai - tốt xấu! Ở đây, chúng ta vướng phải ý niệm khẳng khẳng giữ lấy chỗ gọi là đúng theo khả năng hiểu biết của mình. Đây là chấp nhất làm nên vô minh!

14. Vài hình ảnh bị động vì hiểu biết:

Sự việc tác động tâm trí động:

Có vị khi gặp việc thường vận dụng khả năng phân tích - nhận định - suy lường rồi đi vào hành động theo sự hướng dẫn với khả năng hiểu biết mà mình có được. Có vị khi gặp việc bất ngờ dồn dập đưa đến phải giải quyết thì nhiều hiểu biết xưa nay hiện lên dẫn mình đi. Có vị sống trong môi trường luôn hiện diện” sự việc mà mình cho là ngang trái - nghịch ý - nghịch lòng” và tâm trí luôn bị động, đồng thời, luôn tìm mọi cách - mọi cơ hội đáp lại cho thỏa mãn lòng mình.

Chí hướng lay động vì hiểu biết:

Có vị đã từng tìm học nhiều nơi, sau khi thọ pháp, tuy thân vào pháp mà tâm trí những tưởng các pháp khác hay hơn. Hoặc, trải qua thời gian tu tập, gặp phải thử thách nhằm đánh ngã cái tôi xuống thì lý trí loạn lên vì lâu nay sự học đạo của mình đặt nền trên cái tôi này.

Không đặt vấn đề hiểu biết như thế nào! Ở đây, chúng ta vướng phải chỗ bị lý trí dẫn đi - bị các hiểu biết dẫn vào hành vi từ ý niệm đến hành động. Phương tiện hiểu biết không còn là phương tiện mà hiểu biết trở thành chủ nhân sai khiến mình đi vào sự việc. Đây là bị động vì hiểu biết!

15. Nói chung: Đây là gốc vô minh hiện tại!

Thành kiến - định kiến - chấp nhất - bị động vì hiểu biết đi vào sự việc:

- Mình bị các hiểu biết này dẫn đi.
- Tâm trí - tâm tánh hay cái hạnh của mình đem lại kết quả do các hiểu biết này làm nên.
- Mọi hoạt động từ ý niệm đến hành vi thể hiện chỗ vị ngã hay cái tôi, không phải là cái thật của mình.

Nói nôm na là hiểu biết sự việc theo khả năng giới hạn của mình và đi vào hành vi đáp ứng hay thỏa mãn theo chiều hướng của vị ngã. Các hiểu biết này được quy vào loại “tri kiến lập tri” và là gốc của vô minh.

Đức Ngài nhắc nhở các pháp hữu là không sợ sai lầm mà sợ không biết sai lầm, nếu biết sai lầm và tu sửa đó là nền tảng của người học đạo.

2. Vài đặc điểm về phương diện vô minh của hiểu biết: Vốn tam thời và phiên diện theo khuynh hướng vị ngã.

21. Về phương diện ý thức:

Hiểu biết đi theo môi trường hoàn cảnh sống:

Một vị trưởng thành ở nông thôn thấu hiểu biết nhiều về nông nghiệp. Một vị trưởng thành ở thành thị thấu hiểu biết nhiều về các mặt phát triển xã hội. Một vị từng trải qua vài thế hệ, từng giao tiếp nhiều phong cách sống cá nhân - nhiều tác phong sống của các xã hội từ Á sang Mỹ, thấu hiểu biết về nhiều mặt của các cộng đồng xã hội theo khả năng nhận hiểu của mình.

Một vị trưởng thành từ môi trường khoa học, thấu hiểu biết nghiên cứu nhiều về khoa học và thường nhìn sự việc theo chiều hướng của khoa học. Một vị trưởng thành từ tu viện, thấu hiểu biết nghiên cứu nhiều về đạo pháp và thường nhìn sự việc theo chiều hướng của đạo pháp.

Hiểu biết đi theo trình độ - căn tánh:

Cùng một hoàn cảnh sống - cùng một thời điểm sống với sự việc đang diễn ra mà mỗi người cùng nhìn một sự việc với những nhãn quan khác nhau.

Cùng 1 bài thuyết pháp của Đức Ngài ban ra: Mỗi chúng ta nhận hiểu không đồng do căn tánh và trình độ khác nhau, qua thời gian tu học sự hiểu

biết về lời Đức Ngài dạy được mở rộng theo mức khai mở tâm trí.

Cùng 1 việc làm vì chúng sanh thức giác trở về đạo pháp tu sửa thân tâm, Thầy dùng nhiều cách - dùng nhiều mặt từ hữu vi đến vô vi. Một vài vị nhận hiểu việc làm của Thầy theo cái nhìn của người đời nặng hình tướng hữu vi hay theo cái hiểu chủ quan của mình rồi tư tưởng nhận định hay đánh giá, mà không hiểu rằng đây là những phương tiện quyền thiết theo đồng tâm thức và căn cơ từng chúng sanh mà hành đạo. Chúng ta không nên vội nhìn theo hình tướng rồi kết luận mà phạm thượng!

Qua vài thí dụ từ đời đến đạo, chúng ta thấy những thành kiến - định kiến - chấp nhất hay các hiểu biết tâm thức chỉ là 1 phương diện của vọng thức. Ở đây, không đặt vấn đề hiểu biết như thế nào vì mỗi chúng ta đều có khả năng giới hạn, mà chỗ vướng phải của chúng ta là cái nhìn phiến diện 1 chiều: Nhìn theo môi trường trưởng thành của mình mà không nhìn theo tiến trình tiến hóa của xã hội luôn thay đổi, nhìn theo cái nhìn của mình mà không nhìn theo cái nhìn của tha nhân, nhìn theo cái biết chủ quan của mình mà không mở rộng tâm trí với cái nhìn khách quan.

22. Về phương diện thời gian:

Hiểu biết và kinh nghiệm sống thường thay đổi theo thời gian:

Khi còn bé chúng ta đón nhận sự dạy dỗ trong gia đình, vào nhà trường phổ thông với trí suy nghĩ mở dần ra, vào đại học mở dần óc sáng kiến -

phát minh nên tâm trí mở rộng tầm nhìn, vào đời học kinh nghiệm. Theo thời gian tâm trí phát triển mãi không ngừng, nhận quan sống cũng thay đổi theo tiến trình phát triển xã hội. Các khuynh hướng phạm ngã cũng bị chi phối theo.

Như vậy, thành kiến - định kiến - chấp nhất hay bị động vì hiểu biết chỉ là cái hiểu nhất thời của vọng thức. Ở đây, không đặt vấn đề hiểu biết thay đổi theo thời gian, mà chỗ vướng phải của chúng ta là không mở rộng lòng mình - không mở rộng tâm trí mình đón nhận mọi hiểu biết theo tiến trình thời gian làm phương tiện sống. Hiểu biết còn bị chi phối bởi vọng ngã thì tấm lòng dù có mở ra cũng chỉ ở vào phạm vi của vọng ngã.

23. Về phương diện không gian:

1 vị sanh ra tại VN., lớn lên trong môi trường Phật - Nho và thâm thập hiểu biết theo tinh thần trọng đạo của nền văn minh VN, bước sang Hoa Kỳ với môi trường Tin Lành - Công Giáo và thâm thập hiểu biết theo tinh thần thực dụng của nền văn minh khoa học kỹ thuật ngự trị đời sống con người. Sự hiểu biết thay đổi từ mỗi người theo mỗi vị trí địa dư trên cả quả địa cầu này. Các khuynh hướng hiểu biết của mình tuy thay đổi theo hội nhập xã hội nhưng vẫn là cái hiểu giới hạn của vọng ngã.

Như vậy, thành kiến - định kiến - chấp nhất hay các hiểu biết tâm thức thường chỉ có giá trị trong phạm vi mình hiện diện. Ở đây, không đặt vấn đề hiểu biết thay đổi theo vị trí địa dư, mà chỗ vướng phải của chúng ta là ôm lấy hiểu biết theo môi

trường sống của vị ngã, ôm lấy ý thức trường thành trong môi trường sống mà không biết phát huy trí hiểu mở rộng vô hạn - không bị chi phối do môi trường sống hay giác quan thường tình của người đời.

24. Hoạt động sống theo phương diện vô minh của hiểu biết chỉ là lớp vỏ bao phủ bên ngoài:

Khi bắt tay vào việc làm, chúng ta quen suy nghĩ chính chắn rồi mới làm theo cái đúng của suy nghĩ. Khi bước vào tu học, chúng ta ý thức về lập hạnh - trau dồi đức hạnh, thấy được tiến trình tốt mà mình phải đi. Tuy đây là hướng tốt cho hành vi sống bình thường thuận theo tâm thức chung của nhân sanh, nhưng sự tu học của chúng ta không dừng lại nơi đây.

Vì sao? Thật ra, cái tốt - cái đúng đó là sự vận hành của cái thức, nó đưa từ tâm trí đến hành vi đi vào sự việc như 1 khuôn khổ thuận chiều hướng của vọng thức. Tất cả hành vi sống từ tâm trí đến cái hạnh như lớp vỏ trông có vẻ tốt - đúng đó là bề mặt, thay đổi theo thành kiến - định kiến - chấp nhất hay các hiểu biết vọng thức.

Thế nên, tâm trí trường thành trong môi trường vô minh của hiểu biết hay trường thành qua kinh nghiệm sống dồi dào mở rộng nhãn quan và góp phần làm nên sự thông thái của con người, chỉ là lớp vỏ tô điểm lên bề mặt. Ở đây, không đặt vấn đề lớp vỏ này như thế nào mà nên nhận chân 2 mặt của lớp vỏ đi vào sự việc:

Nhận ra sự hiện diện của hiểu biết như lớp vỏ là bước vào tự thức, thoát dần lưới mê vô minh của hiểu biết. Mọi hiểu biết đều là phương tiện dùng hữu ích.

Không nhận ra sự hiện diện của hiểu biết như lớp vỏ là sống cùng “cái tôi” chìm vào lưới mê vô minh của hiểu biết. Mọi hiểu biết là chủ nhân dẫn mình đi. Đa số nhân sanh sống trên cõi đời này thường vướng phải lưới mê này.

3. Mở hướng giải thoát tự thân qua hiểu biết và hành vi sống:

31. Đi dần vào tĩnh tâm nhận ra hiểu biết theo vọng thức chỉ là bề mặt:

Hằng ngày, hoạt động - ý niệm hay tư tưởng chúng ta thường bị chi phối quá nhiều do thành kiến - định kiến - chấp nhất hay các hiểu biết do vọng thức, nó như lớp vỏ bao lên đời sống tinh thần. Trợ lực thoát lớp vỏ này nên dùng công phu làm phương tiện lắng đọng dần các phương diện vô minh của hiểu biết, phàm trí đi dần vào tĩnh lặng thì vọng thức cũng tĩnh lặng dần theo. Từ đây cho thấy:

- Mọi lưu hành của vọng thức và mọi tác động từ bên ngoài, làm nên hiểu biết vô minh, đưa mình hiện diện cùng sự sống nơi đời với thể thái nhân tình đổi thay có khác chỉ mình đang sống trên sân khấu vậy thôi.
- Mọi hiểu biết tích lũy - dự trữ như của cải để dành là chỗ của vị ngã.

- Mọi hiểu biết khiến lòng mình động - khiến tâm trí mình động, đều làm nên vô minh.

Tất cả như bề mặt hay lớp áo tô điểm thêm sự sống thế trần!

32. Từ giới luật đến công phu đi vào tự thức và tự giải thoát hiểu biết:

Khởi đầu tu học, thường thuận theo giới luật - thuận theo pháp lệnh tu sửa thân tâm cho có nền nếp làm phương tiện đi dần vào lắng động phần nào vài phương diện căn bản của vô minh. Từ bước đầu này, có thể nhận ra các phương diện vô minh của hiểu biết không phải là trí hiểu thật của mình mà bước vào tự thức.

Mở dần tự thức sáng suốt này nhờ công phu đi dần vào tĩnh tâm là bước dần vào mở trí huệ! Từ đây mới có thể đi dần vào tự giải thoát từ vọng thức đến hiểu biết từ bên ngoài đem vào cùng hành vi sống hằng ngày.

Tu để giải thoát! Chỗ giải thoát đầu tiên phải là giải thoát từ hành động đến tâm thức mỗi chúng ta. Trong mỗi hành vi của thân - khẩu - ý chưa được giải thoát do ảnh hưởng của hiểu biết vô minh mà nói đến Niết Bàn an lạc là chuyện tưởng tượng.

33. Giải thoát qua sự sống thường ngày:

Kết hợp phương diện công phu và hành vi sống nơi đời mà mở dần tự thức sáng suốt, đi dần vào hành động hoàn toàn tự chủ:

Đây cũng là hướng nương theo ngã tướng nhận ra tự tánh sáng suốt của mỗi chúng ta.

Đồng thời, nhận ra vô minh hay sáng suốt chỉ là 2 mặt của hiểu biết mà chỗ yếu quyết ngộ ra qua hành động sống nơi đời là tâm trí không vướng víu vào hiểu biết với những thủ xả (lấy bỏ) - có không. Từ đây mới có thể sử dụng mọi hiểu biết - mọi kinh nghiệm như phương tiện sống. Đường giải thoát mở ra ngay nơi sự sống đời thường của mỗi chúng ta.

4. Kết luận: Mở tâm hòa đồng vào tâm thức nhân sanh mà dẫn độ:

41. Một phương diện mà Đức Ngài đến với nhân sanh:

Ngày xưa, các vị huynh trưởng được Đức Ngài cho phép hướng dẫn nhân sanh đến với pháp đạo vào giai đoạn đầu. Các vị huynh trưởng đến với Đức Ngài không vị nào giống vị nào về mặt tâm thức hay căn cơ và quan niệm sống đời - sống đạo. Mỗi 1 vị huynh trưởng thời bấy giờ thường là đại diện cho 1 loại chúng sanh và có bốn phận hướng dẫn các vị cùng hướng đi như mình.

Khi Đức Ngài đến với mỗi vị huynh trưởng cùng các đệ tử của vị huynh trưởng đó, Đức Ngài hòa đồng theo tâm thức hay tâm linh các vị mà dẫn độ!

42. Một phương diện mà Thầy Từ Minh Đạt đến với nhân sanh:

Nhân sanh đến với Vô Vi Quy Nguyên từ nhiều thành phần với nhiều tư tưởng khác nhau. Qua

thời gian tu học, các vị trình bày quan niệm hay hiểu biết về đạo pháp và gởi về Vô Vi Quy Nguyên. Những điểm trình bày này mang đủ sắc thái sống của nhân sanh. Thầy Từ Minh Đạt đón nhận tất cả!

Vào từng thời điểm thích hợp: Từng loại chúng sanh đến với pháp đạo hay từng vị pháp hữu đến giai đoạn cần đến, Thầy cho phổ biến những điểm trình bày của các vị. Thầy ban lại cho mỗi giới chúng sanh có cùng quan niệm với các vị để họ cùng học như các vị.

Hay các vị đến với Thầy tại Đại Hùng Linh Điện, mỗi một vị có thể xem là đại diện điểm kết cho mỗi loại chúng sanh. Thầy đến với các vị, đến với mỗi loại chúng sanh bằng hòa đồng tâm thức các vị - hòa đồng tâm linh các vị mà dẫn độ. Từ đó, tác phong hay cái hạnh sống đạo và hành đạo của Thầy mang nhiều mặt khác nhau của nhiều loại chúng sanh.

Vài hình ảnh đến với nhân sanh của Đức Ngài Pháp Chủ và Thầy Từ Minh Đạt hiện diện tâm hòa đồng xóa tan những thành kiến - định kiến - chấp nhất hay vọng thức phân biệt và là bài học quý cho các vị huynh trưởng trên đường hành pháp. Chúng con thành tâm kính xin Đức Ngài và Thầy ân xá cho khi viết lại vài thí dụ này.

PHƯƠNG DIỆN TÂM PHÁP CỦA MÊ GIÁC

Thỉnh thoảng Thầy Từ Minh Đạt hỏi các vị pháp hữu về sự việc xảy ra hay góp ý về vấn đề cần hành xử. Ý kiến của các vị pháp hữu thường nằm vào 3 dạng chính: Một là nhìn sự việc rồi đưa ra ý kiến xuất phát từ sự việc đó. Hai là nhìn sự việc rồi đưa ra ý kiến xuất phát từ tâm tư tình cảm của mình. Ba là nhìn sự việc rồi đưa ra ý kiến trong tương quan giao cảm giữa mình và sự việc. Nhân những ý kiến này, Thầy mở ra cho chúng ta thấy nhiều điểm liên quan đến mê vọng và giác ngộ trên bước đường tu học. Dưới đây, chúng ta cùng nhau tìm hiểu:

1. Vài nét về Mê!

11. Thí dụ: Sự việc đưa đến lòng mình lo lắng!

Lo lắng do sự việc làm nên, lòng mình bận bịu vì sự việc, nên gọi là mê: Mê là do đem lòng mình lồng vào sự việc và bị sự việc chi phối. Mê là do trong cảnh bị chi phối vì sự việc mà thấy là cảnh sống thật của mình.

12. Mê do nhận sự việc làm đối tượng cho các thức hiện hành:

Thí dụ về tình cảm:

Với tha nhân, nếu đem tâm tư tình cảm của mình mà nhìn thì cái nhìn về tha nhân có sự chi phối bởi tâm tư tình cảm.

Với phong cảnh hiện có, nếu lấy lòng mình mà nhìn với “người buồn cảnh có vui đâu!” thì cái nhìn về phong cảnh bị chi phối bởi nỗi lòng của mình.

Cái nhìn về tha nhân - về phong cảnh là cái nhìn của tình thức, bị chi phối bởi tình thức, không phải là cái nhìn giải thoát tình thức, nên gọi là mê.

Thí dụ về lý trí:

Với sự việc đưa đến, đem khả năng trí lực áp đặt vào sự việc mà phân tích - nhận định. Chỗ phân tích - nhận định thể hiện tiềm năng trí lực theo tư tưởng - cảm nhận hay nhận thức.

Trước khi quyết định một vấn đề, chúng ta thường chọn lợi bỏ hại - chọn tốt bỏ xấu. Chỗ chọn lựa mang tính chất lấy bỏ thuộc vọng ngã.

Phân tích - nhận định hay lựa chọn lấy bỏ là tự đặt mình vào sự chi phối bởi các thức hiện hành từ tư tưởng đến hành động, không phải là chỗ giải thoát lý trí, nên gọi là mê.

13. Vài thể hiện Mê:

131. Mê vì đời sống vật chất hay ngoại tượng như:

Có vị sống vì vật dụng - vật thực như: Lo ăn uống tẩm bổ tối đa, kén chọn quần áo thỏa mãn sở thích. Cái thức của mình bị chi phối do tầm thân.

Có vị thích trang hoàng cảnh trí nơi mình làm việc là chuyện bình thường, nhưng vương phải: Nếu người khen thì cảm thấy vui, trái lại, thì cảm thấy buồn. Cái thức của mình bị chi phối vì ngoại cảnh - vì lời nói tha nhân.

Tha nhân - ngoại vật - thân tướng tác động cái thức hiện hành nên gọi là mê.

132. Mê vì đời sống tinh thần hay nội tâm như:

Có vị, từ bé đến lớn say mê sách vở, thâm nhận “tinh hoa tư tưởng” làm vốn quý cho hành trang vào đời như một chủ đạo cuộc sống tinh thần hiện tại và mai sau. Đây là điểm tốt và thường được khuyến khích với người đời nhưng sự tu học của chúng ta không dừng lại nơi đây vì vốn tinh hoa tư tưởng tích lũy đi vào cuộc sống có khác nào như “khuôn khổ” sẵn có, có khác nào “tâm thức tuy sống nhưng đã chết” đối với sự linh hoạt của người thấu triệt toàn thể cuộc sống.

Có vị, trong giao tiếp luôn tỏ ra lịch thiệp - từ ái với tha nhân nhưng đời sống tâm linh thì không tương ứng.

Nên biết rằng, mỗi một hoạt động của thân - khẩu - ý phụng sự hay đáp ứng cho lý trí - tình cảm hay vọng ngã là một chủng tử nghiệp lực được hình thành đưa chúng ta quanh quẩn theo vòng luân hồi như vòng tròn không có cửa đi ra.

133. Mê vì niệm khởi:

Niệm khởi do tâm có đối tượng để phát sanh. Đối tượng có thể là ngoại vật - ngoại cảnh hay các trạng thái diễn biến của tư tưởng, như:

Những lúc rảnh rỗi - thật nhàn hạ, lòng mình hiện lên ký ức - dĩ vãng - việc đã qua, rồi phân tích - nhận định, là đưa ý niệm hòa đồng cùng sự vận hành của tâm thức theo thời gian.

Gặp việc hiện đến, cảm nhận và phóng ý đáp ứng theo khả năng hiểu biết là chỗ bình thường của người đời hiện lên như thói quen thường xuyên.

Đây là chỗ hình thành chủng tử nghiệp lực!

134. Mê vì quên chính mình!

Đức Ngài dạy:

Các chú có bao giờ tìm hiểu học đạo để làm gì không? Học Đạo tức đánh thức Linh Hồn, gọi rửa Phàm Tánh, làm cho nó trở nên sáng suốt, cởi bỏ đi những u mê, tăm tối, phiền não, ô trược, cắt đứt mọi sợi dây kiềm tỏa luyến ái dục tình, tách rời cảnh phù vân mộng ảo, phá tan bức màn Vô Minh để trở về Nguồn Cội của mình là Điện Linh Quang của Thượng Đế.

Tu thiền là lìa bỏ tâm ý và ý thức, lìa bỏ hết nhất thiết ngoại tướng, lìa bỏ hết ưu sầu vọng tưởng cảnh giới. Chỉ trở cái Tâm Như Lai của mình, cái Tự Chứng Thánh Trí. Như vậy, Đức Ngài đã mở hướng đi còn giải mê là do mỗi chúng ta.

2. Vài nét về Giác!

21. Thí dụ: Sự việc đưa đến mình lo lắng! Tự thân thấy biết là có lo lắng hiện lên. Tự thân thấy biết, đó là giác:

Tự thân nhận ra lo lắng nhưng không bị chi phối - không bị ảnh hưởng vì lo lắng. Tuy ở vào “chỗ gọi là lo lắng” nhưng “chỗ gọi là lo lắng” đó không có lòng mình trôi theo. Khi “chỗ gọi là lo lắng” không còn hiện hành, tự thân nhận ra không còn.

Giác là trực giác: Thấy biết thẳng sự việc, thấy biết thẳng “chỗ gọi là lo lắng” do lòng mình áp đặt vào sự việc hay do sự việc tác động lòng mình sanh ra. Tức thấu nguồn gốc phát khởi “chỗ gọi là lo lắng”. “Lo lắng” tự chìm vào tịch lặng trước thấy biết thẳng từ trực giác, nên “chỗ gọi là lo lắng” chỉ là hư huyền.

22. Giác không hiện diện tình thức vọng ngã!

Thí dụ 1: Với phong cảnh mình đang hiện diện.

Nhìn phong cảnh mà không có lòng mình áp đặt trong đó. Qua thời gian, dù phong cảnh tốt đẹp hay hoang vắng, chỗ thấy biết vẫn là phong cảnh hiện hữu không có tình thức chi phối, cũng không bị ảnh hưởng ngoại cảnh khác trong tương quan cảnh vật. Nhìn hay thấy biết phong cảnh mình đang hiện diện bằng trực nhận với tâm trí tĩnh lặng - lặng nhìn thường thức trọn vẹn bức tranh thiên nhiên.

Thí dụ 2: Với tha nhân.

Thông thường, khi tha nhân gần gũi mình một thời gian hay mở lòng trong giao tiếp thì mình cảm thấy thiện cảm. Khi tha nhân lạnh nhạt hay khép lòng mình lại thì chỗ thiện cảm cũng phai mờ đi. Giác không vướng vào chỗ này!

Nhìn tha nhân nhưng chỗ nhìn này không có tình thức của mình đặt vào tha nhân, không do người xung quanh hay hoàn cảnh sống của tha nhân chi phối. Nhìn tha nhân nhưng không vướng vào kết luận nhất định nào vì vướng vào kết luận nhất định là tự đóng khung tư tưởng, thiếu mất chỗ

linh hoạt trong tương quan giao cảm trọn vẹn giữa tha nhân và mình.

Nói chung: Giác là thấy biết - hiểu biết thẳng, không hiện diện tình thức vọng ngã. Thấy biết phong cảnh - tha nhân là trực nhận, là lặng nhìn phong cảnh hiện hữu - tha nhân hiện hữu. Xong rồi thôi, không lưu vướng phong cảnh hay tha nhân nơi tâm. Đây là chỗ khó với phần đông thể nhân vì sự lưu vướng nơi tâm là bình thường đã trải qua nhiều đời kiếp rồi.

23. Giác không hiện diện lý trí so đo phân biệt!

Giác “thể hiện” nhìn thẳng - thấy thẳng - nhận thẳng - hiểu thẳng - biết thẳng hay đi thẳng vào hành vi từ các căn: Mắt - tai - mũi - lưỡi - thân, không có sự hiện diện của lý trí như một tiến trình của tư tưởng tâm thức.

Vì sao? Lý trí thể hiện nhiều khuynh hướng chấp ngã hiện diện vào sự việc, là chỗ dụng của tâm thức nhận sự việc làm đối tượng mà sanh ra. Lắng tâm thức này thời thấy biết thẳng - trực nhận thẳng như một “tiến trình duy nhất”, tự nó giải thoát mọi tác động do tiến trình tư tưởng tâm thức.

Giác là trực giác, không phải hiện tượng của lý trí hay tình thức. Trực giác nhận ra lý trí và tình thức là hiện tượng vô thường, là tướng dụng của tâm vọng nơi người mê.

Vì sao? Lý trí có thể hướng dẫn tình cảm đi vào chiều hướng tốt xấu mà mình muốn. Lý trí có thể

phụng sự tình cảm hay khuynh hướng chấp ngã nhưng lý trí không thể nhận biết trực giác, có nhận biết chẳng là chỗ nhận biết của lý trí với đỉnh cao là tưởng tượng. Trực giác nhận ra lý trí mang tính chất “đơn độc” vì không thể hiện diện cùng trực giác: Lý trí với tạp khí ô nhiễm tự tan hoá trước lực chiếu soi từ trực giác. Trực giác giải phóng lý trí!

24. Vài thể hiện Giác:

241. Giác thể hiện qua môi trường động tịnh:

Khi gặp việc, vận dụng hết khả năng hiện có nhưng vẫn chưa thấy hướng đi:

- Có vị cứ tiếp tục “nhìn vào sự việc”, dường như mình và sự việc là một khối duy nhất, bất chợt nhận ra “tia sáng chỉ hướng” thấu suốt toàn diện sự việc và những liên quan.
- Có vị đủ lực “định tâm ngay nơi sự việc” hay “nhập định đi vào tịch tĩnh”, trong tích tắc trực nhận toàn diện sự việc với tất cả những mối tương quan liên hệ từ bản thân đến sự việc như một tiến trình duy nhất.

Đây là tia sáng trực giác mở ra trực nhận sự việc dù ở môi trường động hay môi trường tịnh, nhưng sự mở này chưa được liên tục.

242. Giác thể hiện qua hành vi sống:

Từ giác ngộ đi vào hành vi sống với thân khẩu ý làm phương tiện thể hiện nhiều mức độ khác nhau là do sự thanh lọc các phiền não - các vi tế chấp.

Thí dụ:

Sống với phàm ngã, tuy “thức giác” tu học nhưng chỗ ô nhiễm nơi tâm chưa lìa hết nên chỗ nhận biết “thức giác” là do tâm ô nhiễm khởi. Sự sống còn vướng vào phàm thức chi phối thì chỗ “thức giác” chỉ là “từng phần thức giác” theo cái hiểu của phàm thức.

Có vị tuy mở cánh cửa giác ngộ “nhìn về chân lý” nhưng chưa sống với chân lý: Thường là mở ra trong giây phút rồi đóng, cứ như vậy mà khi đóng khi mở. Khi mở thì thật là sáng suốt, khi đóng thì có khác gì mê vọng đâu! Song song, trên đường tu học với thử thách từ ngoại cảnh đến nội tâm dồn dập đưa đến thì chỗ tín tâm sâu vào đạo pháp vẫn còn có thể bị lay động do các tạp khí ô nhiễm vi tế hay các điểm kẹt bản năng làm chủ. Thế nên, sự thoát chuyển trên đường tu học là thường tình.

Có vị tuy lìa bỏ tâm - ý - ý thức , lìa bỏ ngoại tướng nhưng còn vướng phải chỗ mà Đức Ngài dạy: “Nếu đã ở trong cái Tự Chứng Thánh Trí mà còn khởi phát ra cái chấp hữu vô thì cái trược ngã - nhân - chúng sanh - thọ giả lại hiện ra. Hễ còn cái ý về tồn ngã - giác ngã đều là chướng ngại”. Từ đây cho thấy hễ tâm còn vướng vào cái giác và thấy mình là vị giác giả đều là chướng ngại cho giác ngộ.

Có vị học sống với trực giác, học thân khẩu ý an trú trong chánh niệm ngõ hầu có thể thuận theo tâm tánh chọn thật đi vào sự việc. Đây là học hạnh tự tại của người sống với chân lý!

25. Nói chung: Giác thể hiện tự do - tự chủ đi vào sự sống!

Không bị ảnh hưởng bởi tư tưởng - nhận thức - cảm nhận vốn bị chi phối do dòng tâm thức hiện hành.

Không bị ảnh hưởng bởi ngoại tướng - ngoại cảnh chi phối giác quan.

Không bị ảnh hưởng bởi các khuynh hướng của Mạt Na Thức và chủng tử nghiệp lực với vòng luân hồi hiện hành theo thời gian.

Tự chủ! Từ tâm không vọng, từ tánh không bị động đi vào hành vi từ tư tưởng đến hành động; không phải chỗ bị động vì các thức khởi sanh do trần cảnh tác động các căn.

3. Tương quan Mê Giác:

31. Tương quan Mê Giác theo tâm động tịnh.

Qua thí dụ về sự việc đưa đến:

Mê là thấy biết do lòng mình đi vào sự việc - do sự việc cuốn lòng mình đi, là thấy biết do tâm động. Từ đây đi vào sự việc thể hiện trí mê vọng làm chủ.

Giác là thấy biết sự việc không do lòng mình chi phối, không phải do sự việc tác động tâm trí. Tuy hiện diện cùng sự việc nhưng không có mình trôi lăn theo, là thấy biết do tâm tịnh. Từ đây đi vào sự việc thể hiện trí giác ngộ làm chủ.

Từ đây cho thấy:

Khi đối việc, nhận sự việc vào tâm là nhận đối tượng cho vọng khởi. Khi đối việc, không nhận sự

việc vào tâm là không có đối tượng cho vọng khởi phát sanh.

Thấy biết do tâm động làm nên vọng niệm khi hiện khi mất, là thấy biết do tâm sanh diệt. Thấy biết do tâm tịnh tự nó giải thoát vọng niệm khi mất khi còn nhờ trực giác, là thấy biết do tâm chơn thật.

Thế nên, chỗ chính yếu chuyển mê thành giác, chuyển động thành tịnh là không đem sự việc áp đặt vào tâm và không đem tâm áp đặt vào sự việc, tức “không nhận đối tượng phát sanh vọng tưởng”. Lịch trình “diễn tiến của tư tưởng hay tình thức” tự không; nếu có chẳng là phương tiện dùng từ thật tâm - thật tánh, không phải phương tiện dùng từ vọng tưởng.

Phương tiện dùng từ thật tâm - thật tánh thể hiện trí tịnh - tánh tịnh đi vào sự việc với hạnh hữu vi có thể động, có thể tịnh. Trong khi đó, với trí mê - với tánh mê do tâm vọng làm chủ thường hiểu lầm qua cái nhìn duyên theo hình tướng bên ngoài là cái hiểu bị ngã kiến chi phối. Thế nên, chỗ khác biệt giữa mê và giác là chỗ dụng từ tâm động hay chỗ dụng từ tâm tịnh chứ không phải cái hạnh hữu vi động hay tịnh.

32. Tương quan Mê Giác theo nội dung hành vi:

321. Mê - Giác qua hành sử sự việc.

Với mê vọng, chúng ta thuận theo phân tích - nhận định hay đặt mình vào sự việc mà nhìn là cái nhìn của vọng khởi.

Với giác ngộ, chúng ta lặng nhìn quan sát sự việc nhưng không có tâm tư tình cảm của mình làm thay đổi tính chất hiện hữu của sự việc. Lặng nhìn mà nhận hiểu nhưng không nhận định - diễn giải hay đi đến kết luận nhất định nào là cái nhìn trực giác thuận theo trí giác ngộ.

Giác hay trực giác mất đi khi ý thức hay vọng khởi hiện, khi phân tích - nhận định hay đi đến kết luận nhất định.

- Vì sao? Nhận định hay đi đến kết luận là do tư tưởng dựa vào điểm chuẩn hay qui định làm mẫu mực. Giác là trực giác - trực nhận hay lặng nhìn quan sát với mỗi tương quan toàn diện như một về “sự việc và bản thân”, về “đối tượng và chính mình”, nên trực giác tuy nằm vào lịch trình tư tưởng nhưng vượt lên trên lịch trình tư tưởng vì không bị chi phối theo sự vận hành của tư tưởng tâm thức. Đi theo lịch trình tư tưởng tâm thức là tự mình che lấp trực giác!
- Vì sao? Hoạt động của ý thức hay tư tưởng tâm thức mang tính chất kinh nghiệm về việc đã qua, tích lũy hiểu biết qua tiến trình hoạt động, bị chi phối bởi đối tượng nhận hiểu, bị chi phối do chỗ tỉnh thức của mỗi chúng ta. Hoạt động do ý thức tự nó trói buộc hành vi của thân khẩu ý, tự nó trói buộc từ hành động đến tư tưởng.

Trực giác là trực nhận thực tại, trực nhận đối tượng, tự nó giải thoát mọi kinh nghiệm - mọi tích

lũy - mọi thói quen hay tập quán cá nhân. Trực giác giải thoát cả chỗ gọi là thức tỉnh vì thức tỉnh là tiến trình chuyển hóa tâm thức sống hiện tại lên mức độ khá hơn mà thôi. Nên trực giác tuy thể hiện qua thân khẩu ý làm phương tiện dùng khi cần nhưng không nằm vào sự vận hành phàm ngã.

322. Mê - Giác qua khai tâm:

322.1. Mê với tâm hạnh hiện hành ngã tướng:

Mê thì hạnh hữu vi do vọng niệm hiện bày. Hạnh hữu vi là tướng hiện bày qua bên ngoài, là cái dụng của tâm vọng. Sống với tâm vọng có thể dụng mọi lý trí và tình cảm đi vào sự việc mà thân khẩu ý là phương tiện hoạt động. Trong trường hợp này, lý trí và tình cảm là vọng ngã, do sự việc (trần cảnh) tác động mà có.

Lý trí và tình cảm là tướng dụng của tâm vọng ngã đi vào khai tâm trên đường trau dồi đức hạnh thì tâm từ bi hỉ xả mở ra phụng sự cho vọng ngã, huân tập thêm khuynh hướng ngã pháp chấp cho Mạt Na Thức và nuôi dưỡng thêm chủng tử nghiệp lực. Hướng hoàn hảo kho tàng A Lại Da Thức chính là hoàn hảo kho tàng chủng tử nghiệp lực đi theo luân hồi. Tức là Tâm Từ Bi Hỉ Xả hay “Diệu Hạnh” hiện hành ngã tướng.

322.2. Giác với tâm hạnh vô ngã mở ra vô cùng tận:

Giác thì hạnh hữu vi do trực giác hiện bày. Hạnh hữu vi là tướng hiện bày qua bên ngoài, là cái dụng của tâm chơn thật. Sống với tâm chơn thật có thể dụng trực thức - trực giác đi vào sự việc

mà thân khẩu ý là phương tiện hoạt động. Lý trí và tình cảm, nếu có, là phương tiện tướng dụng của tâm chơn. Trong trường hợp này, hạnh hữu vi còn gọi là diệu dụng thật tánh do trí giác hướng dẫn đi vào hành động - đi vào sự việc qua sinh hoạt hằng ngày, thể hiện bên ngoài với các hạnh có vui - có buồn - có giận - có thương... như nhân sanh nhưng xong rồi thì thôi, không lưu vương vào A Lại Da Thức như mê vọng.

Tướng dụng của tâm chơn đi vào khai tâm trên đường trau dồi đức hạnh thì tâm từ bi hỉ xả mở trên tinh thần vị tha, góp phần hoàn hảo kho tàng chủng tử vô lậu. Tức là hành vi thân khẩu ý không vướng vào chủng tử nghiệp lực hữu lậu nơi thế gian - không vướng vào A Lại Da Thức. Tâm Từ Bi Hỉ Xả hay Diệu Hạnh mở ra với ngã tướng tự không. Chỗ này, Đức Ngài nhắc nhở các pháp hữu là nên đi vào cảnh định để Tâm Từ (Từ Bi Hỉ Xả) mở ra vô cùng tận.

322.3. Thí dụ đơn giản về mặt hành dụng:

Đức Ngài dạy công phu và đức hạnh phải đi song song. Nếu chỉ lập hạnh như bố thí, làm phước mà không công phu giống như người đem gạo đổ vào bình cát đổ để dành dùng, dùng hết thì chìm theo họa phước với luân hồi sanh tử.

Chúng ta ở trần thế, mặc chiếc áo trần thế, làm việc của người trần thế thì lập hạnh - trau dồi đức hạnh - tạo âm đức song song với tinh tấn công phu đúng pháp mới có thể trở về nguồn:

- Đức Hạnh // Công Phu = Quả vị tương ứng! Thiếu 1 trong 2 không thể thành. (

Ghi lại tôn ý Đức Ngài dạy trên sân tập Quận 8, khoảng năm 1992).

Chỗ này Thầy Từ Minh Đạt đã mở thêm cho các pháp hữu thấy: Công phu đúng mức thời điểm quang đủ là có phương tiện lực để đi. Trau dồi hạnh lành thời tâm mở rộng là có con đường để đến. Công phu mà không trau dồi đức hạnh - không hành thiện hạnh thì tâm không mở rộng như người đi không biết đích đến.

Nói chung: Tuy sống cùng nhân sanh - sống như nhân sanh nhưng chúng ta đang đi ngược dòng sanh tử - đi ngược luật tiến hóa chung của nhân sanh và vũ trụ. Đức Ngài dạy thêm: Chúng ta hãy tinh tấn trở thành vị thừa sai của Thiêng Liêng phụng sự nhân sanh thức tâm tu học trở về nguồn cội!

4. Từ các căn nhân ra Mê Giác:

41. Từ các căn nhận ra Mê:

Thân có 5 căn là mắt - tai - mũi - lưỡi - thân, 5 căn tiếp xúc với 5 trần là sắc - thanh - hương - vị - xúc, sinh ra ngũ thức. Ý căn lấy mặt na thức làm nhân, tiếp xúc ngũ thức, sanh ra ý thức với thấy biết phân biệt.

Chỗ thấy biết phân biệt do trần cảnh tác động gọi là vọng. Sống với vọng là mê! Thí dụ: Do sự việc tác động sanh ra lo lắng nên gọi là mê.

Từ mê đi ra tánh hành động bị động qua sinh hoạt nên gọi là mê tánh. Mê tánh thể hiện bất tịnh hạnh qua các căn như: Mắt chạy theo hình tướng hay sắc tướng, tai chạy theo âm thanh, ý chìm

vào tình thức. Thực tế, sự sống của phần đông thể nhân chìm vào mê tánh.

42. Từ các căn nhận ra Giác:

421. Học vô niệm mà giác niệm:

Chỗ thấy biết không có sự hiện hành của ý thức làm chủ là thấy biết với ý thức tự lìa: Nhận biết sự việc đưa đến, nhận biết lo lắng hiện hành vốn có rồi mất nên chỉ là hình ảnh tạm thời nơi tâm. Nhận biết lo lắng không phải là mình, không phải của mình, chỉ vì vọng niệm khởi mà có, nên tuy hiện diện cùng sự việc nhưng không bị lo lắng hay sự việc cuốn đi.

Thí dụ: Với ý thức tự lìa, đi vào bình tĩnh trong sinh hoạt, thể hiện tịnh hạnh qua các căn như: Mắt thấy nhưng không tham sắc tướng, tai nghe nhưng không chìm vào âm thanh êm dịu, ý nhận biết nhưng không đắm mình vào tình thức thể nhân hay lựa chọn - khen chê. Sống với thấy biết này là sống với giác niệm. Tuy sống với giác niệm nhưng ý thức tự lìa là sống với vô niệm.

422. Nhận ra Tánh Giác từ các căn:

Thế nên, không vướng vào lý trí và tình thức, không vướng vào các thức phân biệt là đi vào định tĩnh:

Tuy định mà thông suốt các diễn tiến từ nội tâm đến ngoại cảnh là mở đường đi vào sự sống tuy không vướng vào các thức phân biệt (nhờ vô niệm) mà nhận biết rõ ràng các sự việc (nhờ giác niệm). Như vậy, giác niệm hiển lộ ở các căn như: Mắt thấy gọi là tánh thấy, tai nghe gọi là tánh

nghe, ý hiểu biết gọi là tánh hiểu biết. Từ các căn với tánh thấy - tánh nghe - tánh hiểu biết tuy khác nhau nhưng cùng một tánh là tánh giác, còn gọi là bản giác mà chúng ta nên học hầu trực nhận sự thật hay chân lý hiện hữu cùng sự sống nơi mỗi chúng ta.

5. Kết luận: Nhân chân Mê - Giác:

51. Học định lực mà trực nhận các căn vốn trống không và tự chủ đi vào cuộc sống!

Trên đường tu học, chúng ta nên tập cho mình định lực hầu có thể soi lại tâm mình mà nhận ra các diễn tiến nội tâm với các điểm kẹt hay các vi tế chấp lưu hành từ nhiều kiếp theo dòng tâm thức chỉ là hiện tượng. Các hiện tượng này chìm vào tịch lặng do định lực chiếu soi - do định lực từ trí giác. Từ đây, trực nhận các căn không tham nhập ngũ hành, trực nhận các căn vốn trống không và chỗ gọi là hiện tượng nơi tâm nếu có là phương tiện dùng đi vào sự việc mà thôi. Nói cách khác, các căn hay các giác quan tự chủ đi vào sự sống chứ không phải bị động vì sự sống. Nơi đây, mọi hiểu biết đồng tâm kim cổ - tinh hoa tư tưởng nhân loại và kinh nghiệm tha nhân cùng bản thân là kho tàng phương tiện dùng khi cần. Tức tự chủ dùng phương tiện đi vào sự sống chứ không phải phương tiện định hướng đi vào sự sống của mỗi chúng ta.

52. Mê - Giác có khác chi đâu!

Đứng vào vị trí phân chia mê giác: Từ tánh mê đi vào hạnh hữu vi, tức tướng dụng của tánh mê hiện hành vào sự việc. Từ tánh giác đi vào hạnh hữu vi, tức tướng dụng của tánh giác hiện hành

vào sự việc. Đây là cái nhìn từ vọng thức của người đời thức tỉnh tìm về đạo pháp.

Đứng vào vị trí tự tại: Từ tự tại đi vào hạnh hữu vi, tức tướng dụng của định lực - tướng dụng của tâm lực tự tại hiện hành nơi sự việc thì tất cả các hạnh hữu vi chỉ là phương tiện dùng từ tâm thể hiện qua các căn làm phương tiện. Cho nên, mê - giác có khác chi đâu. Đây là cái nhìn của bậc tự tại!

Vì sao? Từ trực giác với định lực mà dụng tâm tánh đi vào sự sống với thân khẩu ý làm phương tiện thì mê giác, chơn vọng đều giải thoát với bậc tự tại. Thí dụ như người chưa thấy được hướng đi thì sợ lạc đường, một khi nhận ra hướng đi rồi thì cứ việc đi và không ngại lạc đường. Còn đối với các hướng khác muốn đi hay không do mình, chỗ lạc đường không còn đặt ra nữa. Sống với trực giác thời không vướng vào vọng khởi, nhưng có thể tự chủ - tùy nghi dụng niệm khởi vào hành vi của thân khẩu ý mà luôn là hành vi giải thoát từ hành động đến tư tưởng. Cho nên, vô minh - mê vọng không còn đặt ra với bậc đại trí.

53. Vấn tắt: Mở hướng nhận chân Mê Giác qua thực tại sống!

Hướng đi mở ra cho chúng ta là nên học sống bằng trực giác thể hiện qua hành vi của thân khẩu ý làm phương tiện. Song song, là từng bước thanh sạch hóa các điểm kẹt, thanh sạch hóa các vi tế chấp, tâm thức đủ thanh cao mà chuyển phàm ngã quy phục chơn ngã. Nơi đây,

định lực tự tại chính là chơn ngã! Như vậy, mê vọng - giác ngộ không còn đặt ra nữa!

Chúng ta hãy nghiệm lời Đức Ngài dạy: “Nhất Tâm lập ra 2 môn: Tâm Chơn Như và Tâm Sanh Diệt. Nhất Tâm là nguồn gốc của Mê Ngộ”.

Phương Diện Tâm Pháp Của Dục Vọng

Đức Ngài dạy: “Phải tinh tấn mãi để thoát khỏi lưới dục vọng mà chứng đạo!”

Thỉnh thoảng, chúng ta gặp vài trường hợp như: Có vị quá thương con cháu và mong muốn con cháu trở thành người tốt theo ý của mình nên đã

áp đặt ý của mình vào hướng đi của con cháu. Có vị bôn ba tìm thầy học đạo nhiều nơi và tiếp thu hiểu biết về đạo pháp qua “sự thanh lọc do vốn kiến thức tích lũy” chủ động làm thước đo hay đánh giá và nhiều trường hợp khác. Nhân dịp này, Thầy Từ Minh Đạt mở ra cho các pháp hữu thấy nhiều điểm liên quan đến dục vọng của người tu học.

Mời các vị cùng chúng tôi tìm hiểu về dục vọng với phần trình bày từ phạm ngã đang trên đường thanh lọc tâm thức. Bài viết không trình bày theo điểm nhìn của các vị dụng phương tiện pháp trên đường hành đạo, không trình bày theo điểm nhìn của các bậc đã thoát phiền não - tự chủ đi vào phiền não của nhân sanh mà cứu độ.

1. Khái niệm về dục vọng:

11. Dục vọng là tham muốn - ham muốn không thật!

Thí dụ về cảm giác dục vọng:

Cuộc sống bình dị qua năm tháng! Nhìn lại người xung quanh giàu có vật chất, mình cảm thấy thua kém rồi sinh ý muốn làm giàu như người. Phóng ý muốn làm giàu khi nhìn tha nhân hơn mình là dục vọng.

Thường ngày ăn uống đạm bạc, nhân dịp đến nhà hàng với “thức ăn sang trọng”, nẩy sinh ý từ đây về sau sẽ tìm món ăn ngon khoái khẩu. Phóng ý thường thức thức ăn ngon khoái khẩu là dục vọng.

Vật chất - món ăn là bên ngoài, mình đem lòng ham thích là do giác quan bị động vì bên ngoài. Phóng ý làm giàu với cuộc sống vật chất hay thường thức thức ăn ngon khoái khẩu là 1 cách “thường thức cảm giác”. Tất cả là cảm giác không thật do tâm trí áp đặt vào mà có khác nào mộng ảo!

Thí dụ về tri giác dục vọng:

Cuộc sống vật chất thiếu thốn, chúng ta vẫn thân làm việc mong mỗi có được cuộc sống đầy đủ hơn. Có được cuộc sống đầy đủ đáp ứng phương tiện cần dùng chúng ta mong mỗi trở thành giàu có hơn.

Sống trong môi trường “ăn uống sang trọng” thường thức nhiều món ngon miệng, dần dần luôn mong muốn thường thức nhiều món “cao lương mỹ vị” khác.

Sống trong cảnh giàu - thường thức món ăn ngon là trực tiếp nhận thức về cuộc sống và món ăn, gọi là tri giác. Lòng người không dừng lại nơi đây mà đi từ ham muốn này sang ham muốn khác. Đó là hình ảnh bên ngoài mà mình đón nhận qua cảm giác - tri giác hay nhận thức chính là tâm trí mình áp đặt vào. Tâm trí trở thành phương tiện phục vụ cho dục vọng.

Thí dụ về tánh hành động:

Hạnh lành với tánh hành động dục vọng: Chúng ta làm hạnh bố thí với tâm niệm như: Để trả nợ trần ai mà trước đây mình phạm phải. Để tránh bớt tai ương ách nạn trong cuộc đời. Để lưu âm

đức cho mai sau. Như vậy là đặt kết quả lên trên thực hành. Tâm niệm áp đặt vào hạnh lành này thể hiện tánh hành động dục vọng.

Tánh tham khởi sanh từ chủng tử: Bình thường, tánh tham không hiện ra hay dường như không thấy có. Gặp cơ hội mua bán đem lại lợi nhuận nhiều, tánh tham hiện lên. Tánh tham này như sẵn có từ tiềm thức - từ vô thức, gặp cơ hội đánh động thì đi vào hành vi mà nhiều người gọi là có máu tham. Từ đây cho thấy, tánh hành động dục vọng khởi từ 2 nguyên nhân chính: 1 là do ngoại cảnh, 2 là do chủng tử A Lại Da Thức. Cả 2 đều hiện tánh tham đi vào hành động là cái hạnh hữu vi không có gì là thanh sạch cả.

Nói chung: Cảm giác - tri giác và tánh hành động dục vọng đủ hiện bày hành vi từ tư tưởng đến hạnh hữu vi là phương tiện phục vụ cho tham muốn - ham muốn- mong muốn - ước muốn - khao khát, vốn không phải thật.

12. Vài phương diện về mức độ thể hiện dục vọng:

121. Phương diện tốt xấu theo ý nghĩa:

- Dục vọng xấu, như:

Nghe 1 bản nhạc hợp ý, đem lòng ham thích. Nhìn cô gái với nét mặt vui cười tươi sáng, đem lòng thương mến. Đem lòng ham thích - thương mến là do bản nhạc - cô gái tác động lòng mình khởi, huân tập thêm tình thức áp đặt vào lòng mình. Nói cách khác, lòng lành bị động vì ham thích hay thương mến là hoạt động của ý thức tình cảm có khả năng tác nghiệp và chi phối đời

sống tinh thần nặng về tình thức, nên gọi là dục vọng xấu.

- Dục vọng tốt, như:

Bỏ dục vọng xấu cảm thấy nhẹ nhàng nên tâm ý thích hướng vào mọi tốt đẹp - thanh cao. Đọc Ngũ Giới, xem Bát Chánh lấy làm vui mừng ước mong thực hiện được. Đây là dục vọng tốt do thức giác mà có và là căn bản chuyển tâm vào thiện pháp. Dục vọng tốt thường đi theo người học trong suốt hành trình trên đường tu sửa. Tuy tốt nhưng là dục vọng mà người học phải tự thức lìa bỏ! Vì sao? Mê vì phương tiện pháp tu tập là một cách ái pháp!

Thế nên, dù dục vọng xấu hay dục vọng tốt đều là dục vọng cả!

122. Phương diện thô tế theo tâm chấp:

Bận bịu vì công việc làm ăn với ước mong có được cuộc sống giàu có, là dục vọng thô thể hiện tính vị ngã.

Nhận ra dục vọng xấu, mong muốn dứt bỏ nó. Nhận ra dục vọng tốt, mong muốn thực thi. Mong muốn này là dục vọng tốt, là động cơ thúc đẩy tu hành tinh tấn nhưng cũng là nhân tố phát triển động niệm do lòng bị động vì ham thích thiện pháp.

Các bậc cha mẹ mong muốn con mình trở thành người tốt bằng cách đem khả năng học hiểu và kinh nghiệm trường đời áp đặt lên tâm trí người con. Cái quý của bậc cha mẹ là tình thương,

nhưng áp đặt lên người con kinh nghiệm - hiểu biết của mình là đem cái tôi của mình đặt vào thực hành hay kết quả việc làm - đặt vào hướng đi của người con. Như vậy, chỗ dục vọng lòng vào chấp thủ hiện ra đó!

Các vị hành pháp vì nhân sanh, lòng vị tha - lòng từ bi các vị mở ra, nhưng đồng thời hỷ lạc cũng theo đó hiện lên, là dục vọng thể hiện tính vi tế chấp.

Từ đây cho thấy bước đầu chuyển tâm thường đi từ xấu đến tốt - từ thô đến tế, là tiến trình chuyển hóa tâm thức lên mức độ khá hơn. Mọi áp đặt theo mong muốn của mình lên sự việc chính là áp đặt tâm trí của mình - áp đặt vị ngã của mình vào sự việc. Mọi ham muốn hiện lên tâm trí, mọi vui sướng hay hỷ lạc lòng do hướng đi - do kết quả mang lại đều là dục vọng thể hiện qua cảm giác - tri giác hay nhận thức. Chúng ta đang sống với tâm thức phàm ngã và đang thanh lọc tâm thức phàm ngã mà!

2. Vài thể hiện dục vọng căn bản:

21. Ngũ dục:

Lòng ham muốn dấy động do Sắc - Thinh - Hương - Vị - Xúc như:

- Sắc dục: Nhìn màu sắc, hình dáng vật chất tốt đẹp sanh lòng ham thích. Nhìn người khác phái sanh lòng tham đắm.
- Thinh dục: Nghe âm thanh tiếng nói, nghe tiếng đàn câu ca sanh lòng tham đắm.

- Hương dục: Ngửi mùi thơm sanh lòng ưa thích.
- Vị dục: Nếm vị ngọt ngon sanh lòng ưa thích.
- Xúc dục: Đụng chạm vật mịn màng, đụng chạm thân nam nữ êm ấm mát mẻ sanh lòng ái nhiễm.

Sắc - Thính - Hương - Vị - Xúc làm khởi dậy lòng mình. Với thường nhân sanh lòng ái nhiễm thường thức qua cảm giác - tri giác như 1 lạc thú. Với các vị tu hành, ngũ dục có “tiềm lực” thu hút các vị sanh lòng ái nhiễm, tâm ý không trong sạch lắm!

22. Dục vọng theo ngã pháp chấp:

Dục vọng phiền não:

Gặp lợi liền đem lòng tham. Được phong chức vụ lấy làm vui mừng. Thấy tướng mạo tốt đẹp, phong cách uy dũng của tha nhân sanh lòng cảm mến. Đi theo bên ngoài như: Lợi, chức vụ, tướng mạo, phong cách, gọi là phiền. Nơi lòng sanh tham, vui mừng, cảm mến là não. Chấp lấy mấy món này gọi là dục vọng phiền não.

Dục vọng sở tri:

Học nhiều kinh luận cổ kim, học vài vị thầy mà mình được diện kiến và có dịp kiểm nghiệm thực tế: Tự thấy mình hiểu nhiều về giáo pháp tu học. Đi vào đời, nhìn sự việc tự thấy mình sáng suốt về sự việc đó. Từ đây cảm thấy hài lòng - vui mừng với khả năng hiện có, gọi là dục vọng sở tri.

Phiền não và sở tri qua vài thí dụ này là loại dục vọng ma chướng đầy động lòng ham muốn - tham đắm - ái nhiễm, ngăn cách bước tiến tu, đi ngược hướng thanh lọc tâm thức thanh sạch!

3. Vài thể hiện dục vọng qua sống đời:

31. Thí dụ về danh:

Trên thị trường buôn bán, sản phẩm được nhiều người ưa chuộng trở thành nổi danh, sản phẩm ít người ưa chuộng trở thành mai một, đó là do người đời đặt để. Nếu phóng ý vui mừng vì sản phẩm của mình được nổi danh hay phóng ý mong muốn sản phẩm của mình được nổi danh là thể hiện tham danh dù chỉ trong tích tắc.

Bước vào đời, nhờ học vấn nên được xã hội trọng dụng đặt cho chức vụ tương xứng. Nhưng lòng người nào dừng lại, luôn mong muốn bước thêm lên nấc thang xã hội.

Những tiếng tăm - danh vị - địa vị - bằng cấp là do xã hội đặt! Mong muốn bước chân cao lên chỗ xã hội gán cho là tự mình đem thân tâm mình cho ý đời đặt để. Đây là danh thế tục áp đặt lên đời sống tinh thần, những nổi chìm - vinh nhục theo đây mà có. Với người đời, tranh danh có thể là lạc thú! Với người trên đường thanh lọc tâm thức, tranh danh là tạp khí phiền não đầy động dòng thức sống.

32. Thí dụ về lợi:

Công việc buôn bán với thu nhập ổn định thường ngày, chúng ta không cảm thấy lòng mình mang nặng ham lợi hay tranh giành quyền lợi với tha

nhân. Bất chợt, có người cạnh tranh với mình, khách hàng từ từ rời bỏ mình sang họ:

- Buôn bán với lợi lộc kém dần và có thể đi đến phá sản: Tâm trí cảm thấy lo lắng! Như vậy là “cái lợi” về sự buôn bán ổn định nay tác động lòng mình.
- Mình quyết cạnh tranh chiếm lại địa vị cũ như phá giá chẳng hạn, như vậy, chỗ tham lợi hiện ra nơi lòng rồi đó.
- Lợi là món mồi trướng dưỡng lòng tham luôn khuấy động tâm thức hướng về ham muốn - tham đắm theo đời sống vật chất và áp đặt lên đời sống tinh thần. Tiến trình trướng dưỡng lòng tham lợi là tiến trình dục vọng đưa tâm trí đi từ ham muốn này đến ham muốn khác với những ước muốn - hoài bão không có giới hạn. Tham lợi hiện hành vào tâm trí! Tâm trí vướng vào vô số sở hữu như về quyền lợi hay của cải, tâm trí đi vào cuộc sống tự mình gia tăng trói buộc mình vào dục vọng.

33. Thí dụ về tiền của:

Với việc làm bình thường hằng ngày, không may xảy ra tai nạn làm tổn thương đến tha nhân và liên lụy đến luật pháp. Đứng về mặt đời, chúng ta có thể phần nào tránh né luật pháp bằng nhiều cách - làm giảm thiệt hại tiền của do hậu quả của tai nạn gây ra. Nhân dịp này, qua lời dạy của Thầy Từ Minh Đạt, chúng ta hiểu ra:

- Là người thọ pháp tu học, chúng ta luôn lấy Bát Chánh Đạo làm hướng đi căn bản giải quyết trong mọi việc dù cho có thiệt nhiều về mình.

- Biết đâu thiệt hại đó là bài học “trả nghiệp mang tính ân xá” thay vì phải trả nghiệp nặng theo đúng luật nhân quả - hay chuyển đổi cách số tốt hơn thay vì có thể chấm dứt định mạng nếu không có việc thiệt hại đó xảy ra.

Như vậy, thay vì phải trả nghiệp trải qua nhiều đời kiếp chưa chắc xong, nay chúng ta đón nhận nghiệp lực nhưng nhẹ nhàng hơn - ngắn hơn vào thời Mạt Pháp này và không nên quá lo lắng vì mất mát một ít tiền của mà lòng tham bị đánh động. Đây là “ân xá” mà Thiêng liêng dành cho các vị thức tâm tu học thời nay!

34. Thí dụ về tình:

Nam nữ không quen biết nhau nhưng môi trường xã hội đem lại cơ hội gặp nhau rồi dần dần tình cảm nảy sinh. Từ tình cảm mến trong giao tiếp đi dần đến tình thương yêu nhau. Cái tình ngày trước không có nay hiện ra là cái tình vị ngã!

Từ nhà trường bước vào đời gần như chúng ta ai cũng trải qua đoạn đường tình ái. Tình thương yêu ban đầu cũng có thể phai mờ dần vì chuyện không đâu. Từ bỏ người yêu này tìm đến người yêu khác, đến khi có mái gia đình thật sự mà đường tình này vẫn không dừng lại. Như nhìn người khác phái ý dục - niệm dục vẫn hiện lên.

Chỗ này có 2 nguyên nhân chính: 1 là chúng ta đang đi trong cõi dục - chủng tử dục vọng đã sẵn có, 2 là do tha nhân tác động giác quan khởi sanh cảm giác! Dục vọng này hiện lên do tâm trí áp đặt

vào tha nhân mà có, cho dù là một ý niệm tưởng tượng trong tích tắc.

Tâm trí dục vọng dù chỉ trong giây phút ngắn ngủi là tâm trí phục vụ cho hình ảnh bên ngoài để đón nhận cảm giác hay tri giác. Đó là tình thức vị ngã! Tình thức vị ngã này nếu đi vào sự việc sẽ thể hiện “cái ta hay cái tôi” trong mọi quyết định. Dù mình có sáng suốt đến đâu, cái sáng suốt này vẫn là cái sáng suốt của cái tôi.

35. Đức Ngài nhắc nhở về danh - lợi - tiền - tình:

Con người vì mê muội, cứ đem mình vào cái khổ, cái danh. Vì danh, vì lợi, vì tình mà phải giành giựt, giết hại lẫn nhau. Cái bả lợi danh, mùi phú quý làm đắm chìm con người xuống vực thẳm.

Sự thỏa thích miếng ăn, áo mặc mà phải lừa đảo lẫn nhau, vì những vật chất phù hoa, với những trí óc suy tưởng tìm mọi khía cạnh để thu gọn danh lợi về mình. Đó là cái gông rất nặng mang vào linh hồn, đầy đọa xác thân, lấm bụ trần dấy động, Tánh Chơn Như bị che lối, phải chịu vào cái luật tiến hóa của Thượng Đế.

Các chú cứ chen chân nhiều vào Danh - Lợi - Tình thì cạn bản dấy động. Các chú loại bỏ cạn bản ấy đi, tức là tu tập, sửa đổi lại đi!

4. Vài dục vọng thể hiện hướng “sống đạo”:

Thức giác trước danh - lợi - tiền - tình dễ đưa tâm trí chìm vào dục vọng, chúng ta tìm về cuộc sống đạo. Từ nặng đời chuyển sang hướng đạo là sự

chuyển hướng của phàm ngã trên đường phục thiện là đem đạo vào đời.

41. Thí dụ về hạnh lành hưởng nhân quả phước báo:

Làm được việc lợi nhỏ cho tha nhân, lòng cảm thấy vui sướng nhẹ nhàng rồi mong muốn được nhiều dịp làm lợi cho tha nhân. Đây là bước chuyển của phàm ngã trên đường thức giác. Lòng lành mở ra đi vào hành động lành là bước đầu mở tâm, nhưng ham muốn làm lành là dục vọng thiện và chỗ mở tâm này là mở tâm phàm ngã đi vào dục vọng trên đường hướng thiện, không phải là chỗ mở tâm giải thoát dục vọng.

Trên bước chuyển tâm tu học, phần đông thể nhân thường dừng lại ở đây. Như: Làm phước giúp người, đi chùa - lễ lạy - cúng dường. Với thời nay, được như vậy là quý lắm! Nhưng dừng chân nơi đây chỉ là đem tâm trao đổi theo nhân quả phước báo. Đây là biểu hiện tính chất Mạt Pháp đang khép kín dần hướng phát triển đời sống tâm linh thật của các vị làm hạnh lành này. Đức Ngài dạy:

- *Các chú đừng nghĩ rằng: Khi làm việc thiện, việc lành, được người tán dương các chú, sẽ lễ bái các chú. Đó là cái danh của thể tục mà thôi. Gọi là thể tục sẽ bị ràng buộc bởi ngũ hành, thì càng bị đổ kỵ, phi báng.*
- *Các chú đừng mong những danh lợi đó, cố tạo sao được Hồng Ân cõi Thượng mới quý!*

42. Thí dụ về tâm trí áp đặt vào hạnh lành:

Đứng trước một sự việc, cái nhìn của mình bị thiên lệch do lòng ham muốn đã áp đặt vào sự việc rồi. Tâm trí mình do lòng ham muốn chi phối. Đây là tâm trí chuốc lấy phiền não đi vào sự việc, không phải tâm trí giải thoát dục vọng.

Đứng trước việc hành sử, tánh hành động của mình bị chi phối bởi ý nghĩ đã phóng ra từ ý thức - từ tiềm thức - từ vô thức hay từ việc đang hành sử tác động giác quan. Đây là tánh hành động do các thức dẫn chớ không phải tánh hành động giải thoát các thức. Tâm trí hay tâm tánh mở ra qua tánh hành động này góp phần phát triển vọng ngã. Từ đây cho thấy, mong muốn làm hạnh lành qua chỗ đem tâm trí áp đặt vào sự việc là chuốc lấy phiền não phát triển dục vọng. Đi vào hạnh lành tuy lòng vị tha hay lòng từ bi mở dần ra nhưng sự khai mở này là chấp thủ khai tâm, không phải giải thoát bản ngã tâm thức.

43. Thí dụ về khép mình vào giới tướng:

Sống với vọng ngã dễ chìm vào danh lợi tiền tình cho nên cần có giới luật ngăn lại - cần khép mình vào khuôn phép giúp phần nào ổn định tâm trí thoát lưới mê. Như vậy, từ ý nghĩ đến hành động tuân theo giới pháp tạo cho mình giới hạnh. Cao quý! Tuy quý với người đời nhưng thực ra đây là tướng hạnh bên ngoài đi theo khuôn khổ giới luật, tạo cơ hội cho vọng ngã phát triển dẫn dắt “đạo hạnh”!

Phần đông sự giữ giới cấm - pháp dụ của các vị bước đầu tu tập đều nằm vào chỗ này: Đây là

giới bên ngoài! Đi vào đời, gặp cơ hội đánh động dục vọng theo sự đời như danh - lợi - tiền - tình thì tâm ý dục vọng hiện ra. Vì sao? Điểm chính yếu là tự nhìn - tự thấy mình, nương theo giới mà tu sửa mình chứ không phải áp đặt mình vào giới để tu sửa theo giới. Áp đặt mình vào giới hay áp đặt tâm trí vào giới và đi theo giới là một cách tác động bản ngã thể hiện đạo hạnh giả, đạo đức giả do giới bao phủ lên. Cái dục vọng tự thân tâm bị che khuất bởi lớp áo giới bên ngoài nay có cơ hội hiện hành.

44. Áp đặt tâm trí bản ngã vào học đạo!

- Có vị từng trải tâm trí vào kho kinh luận với ước mong sáng tỏ “lý đạo nhiệm mầu” nhưng hàng chục năm trôi qua vẫn chưa thỏa mãn!
- Có vị từng đến từ vị thầy này rồi vị thầy khác tìm hiểu hình ảnh sống đạo thực tế nhưng vẫn chưa hài lòng.
- Có vị dùng lý đạo mà mình được hiểu đem đối chiếu thực tế qua tinh thần phân giải của khoa học nhằm sáng tỏ lý đạo bằng tinh thần khoa học, nếu không thì lý đạo coi như đi vào mai một.

Tích lũy hiểu biết qua kinh luận là mở rộng phạm trí. Dem hiểu biết này sánh với thực tế là áp đặt phạm trí vào sự việc rồi nhận định - đánh giá là mở rộng thêm trí phân biệt. Dem cái hiểu này vào tinh thần phân giải của khoa học là đem kết quả của khoa học định hướng đi học đạo. Làm sao có thể dụng phạm trí trọng thực nghiệm có hạn lượng để kiểm soát hay định hướng?

Vun bồi các hiểu biết càng cảm thấy mình sáng suốt - thông thái và hiểu nhiều về đạo lý. Phần đông chỗ học đạo của nhân sanh thời nay thường chú trọng nhiều vào chỗ này và lấy nơi đây làm thước đo đánh giá khả năng hiểu dùạo. Đây là mở rộng hiểu biết đạo lý từ bên ngoài, giúp mình có cái nhìn về hướng học đạo tương đối sáng suốt hơn và góp phần cung cấp phương tiện cho người hành pháp thức tỉnh tha nhân tu hành, nhưng chỗ hiểu này - chỗ thức tỉnh này không phải là chỗ tỏ ngộ lý đạo tự tâm cho người học đạo! Vì sao?

Càng đeo đuổi càng “nuôi dưỡng sở hữu kiến thức đạo lý” làm vốn luyện - làm cơ sở định hướng cho học đạo, là tự mình ôm vào mê vọng che lấp “tỏ ngộ lý đạo tự tâm” vì hiểu biết này là hàng rào phòng vệ cho bản ngã thêm vững chắc. Mọi tìm cầu học đạo hay tiếp nhận cái mới đều qua cái nhìn của kiến thức tích lũy - kinh nghiệm - trí nhớ hay ký ức như một hàng rào cho bản ngã với bức tường “nhân ngã chấp” mà đôi khi những hiểu biết về lý đạo qua nhân ngã này tạo nên những đợt sóng xung đột nội thể, thậm chí đôi khi mâu thuẫn nhau.

Hãy thử buông bỏ hàng rào phòng vệ cho bản ngã - buông bỏ bức tường nhân ngã, sẽ nhận ra rằng: Mọi mong muốn tìm cầu tỏ ngộ lý đạo trước đây chỉ là tạo thêm dục vọng bản ngã lồng vào tiến trình cầu đạo nên không bao giờ thỏa mãn với những mong muốn - mong ước - ước ao - khao khát.

Vì sao? Tổ ngộ lý đạo là tự tâm - tự tâm trực ngộ! Không vương víu gì đến kho kinh luận - chỗ nuôi dưỡng sở hữu kiến thức đạo lý hay sáng tỏ qua khoa học. Chỉ có hành mới có thể bước từng bước tỏ ngộ lý đạo - bước từng bước mở tâm trí qua tự biết - tự hiểu!

Đức Ngài dạy:” Hành thật Hành! Nhìn rõ cái hành đó, ta mới biết, mới hiểu cái biết đó. Đó ta mới thật hành, mới thật biết vậy. Đó cũng là chân giá trị của Chánh Pháp”.

45. Đem tâm trí áp đặt vào hành pháp:

Vì tha nhân thức tâm tu học, các vị huynh trưởng - các vị hướng dẫn đem hết khả năng mở đường cho tha nhân thông hiểu giáo pháp mà thực hành. Đứng vào tự tâm mình, trên đường hành pháp vì tha nhân, lòng mình cảm thấy vui sướng - thích thú hiện lên khi tha nhân thông hiểu, đó là mở niệm tự mãn vào đường hành pháp khởi sanh cảm giác hay tri giác dục vọng. Đây là điểm vi tế của người hành pháp trên đường thanh lọc bản ngã tâm thức chính mình!

5. Dục vọng trên đường tu học:

51. Dục vọng là chướng ngại trên đường tu học!

Dục vọng gia tăng tiềm lực tham dục cho bản ngã:

Tôi nghèo, tôi muốn có tiền để sống qua ngày. Có đủ tiền tạm sống qua ngày, tôi muốn có nhiều tiền hơn để cuộc sống thoải mái hơn - dư giả hơn. Đây là tham dục! Không bằng lòng với hiện tại, cái thức luôn đi tìm cảm giác thoải mái mà không biết đủ là huân tập tham dục vào bản ngã. Sự gia

tăng tiềm lực tham dục tạo nên cái thức là công cụ phục vụ cho đồng tiền và cảm giác hay tri giác dục vọng.

Dục vọng nuôi dưỡng vọng tưởng phục vụ cho bản ngã:

Vài thí dụ như: Ham muốn tổ ngộ lý đạo thanh cao. Ham muốn phát sanh trí huệ cao siêu thông hiểu chân lý thường còn, vượt lên mọi hiểu biết thường tình của thế tục. Ham muốn đạt thiền định - thấy tánh - chứng đạo quả. Được ban pháp hộ bệnh, đã giúp nhiều người khỏi bệnh, ham muốn trở thành vị thầy hộ bệnh giỏi. Ngoài ra, vào thời nay, nhiều người đến pháp đạo với ý mong cầu thần thông, mong thể nghiệm nhiều “cảnh giới cao siêu”, mong thể nghiệm “nội lực siêu phàm”!

Mong muốn - ham thích! Tâm trí hướng thiện - hướng thượng đó tuy tốt với người đời nhưng chỗ hướng đến này đưa tâm trí đi vào dục vọng vọng tưởng hiện hành. Dục vọng này là ma chướng đánh ngã các vị tu hành còn mang nặng Nhân Ngã. Dục vọng này biến người tu hành thành phương tiện hoạt động cho chúng. Cho nên, người học nói là tu hành nhưng thực ra chỉ là thành viên phục vụ bản ngã dục vọng. Nên nhìn lại tâm tánh mình - soi lại tâm trí mình mà tu sửa, thanh lọc thanh sạch hơn là đi tìm cái bên ngoài hay mong cầu thành đạt một điều gì!

52. Dục vọng là nấc thang tiến tu!

521. Dục vọng do tâm nhận đối tượng mà có!

Vài thí dụ vừa rồi cho thấy dục vọng có là do các căn giao tiếp trần cảnh như: Sắc - Thính - Hương

- Vị - Xúc - Pháp sanh ra ham muốn - tham muốn. Trần cảnh là đối tượng sanh dục vọng. Đối tượng hiện diện mọi mặt trong đời sống như: Tha nhân, việc làm, danh lợi tiền tài, hoàn cảnh vui buồn thuận nghịch, tìm cầu hay đáp ứng sự việc gì. Dục vọng được đáp ứng bằng cảm giác - tri giác hay nhận thức, còn gọi là dục giác.

Nên biết, nếu tâm không nhận lấy đối tượng, tức không lưu vương đối tượng vào tâm: Trần cảnh đến hay đi là việc của trần cảnh, dục vọng không có chỗ đứng nơi lòng mình, dục vọng chỉ là hư ảo. Chỉ vì tâm mình quen đón nhận - quen tiếp thu đem vào nên vương phải dục vọng mà thôi. Chỉ có vậy thôi!

Chúng ta đang sống nhờ vào thân xác phàm tục thì dục vọng hiện hành là chuyện của dục vọng. Điểm Thức của mình là nhìn thấy dục vọng hiện hành và không chạy theo để không phải bị vương vào nó. Không chạy theo - không vương vào nó thì tuy hiện diện cùng sự nổi dậy của dục vọng nhưng tâm ý giải thoát khỏi dục vọng. Còn chạy theo thì tâm ý mình trở thành phương tiện phục vụ nhu cầu dục vọng. Thí dụ: Sự việc đến với mình, mình trực nhận, hiểu biết thẳng sự việc, đi thẳng vào sự việc lấy cái hành đặt lên trên kết quả, thời mọi áp đặt của tâm trí bản ngã vào sự việc tự là, mọi cảm giác hay trí giác dục vọng đến với sự việc tự không, mọi tham muốn hay ham muốn nơi lòng vì sự việc tự vắng. Dục vọng chỉ là hư ảo!

522. Tự nhìn tâm trí mình có lìa khỏi dục vọng không?

- Trong thí dụ tiến trình tham dục về đồng tiền từ thiếu thốn đến dư giả, bây giờ chúng ta hãy nhìn lại tâm trí mình:
- Giải thoát khỏi dục vọng tham tiền đến mức độ nào?
- Giải thoát khỏi sự sở hữu của dục vọng như 1 phương tiện - như 1 dụng cụ phục vụ đến mức độ nào?

Mức độ giải thoát tâm trí khỏi dục vọng - khỏi sự sở hữu của dục vọng, đó là bước tiến tu của chúng ta!

523. Tự nhìn tâm tánh mình có lìa khỏi dục vọng không?

Cái trí sáng suốt hiện bày khi nhận ra dục vọng chỉ là hư ảo, nhưng tánh hành động đi vào sự việc - đối diện với thực tế có giải thoát khỏi dục vọng không? Cũng thí dụ về tham tiền ở trên cho thấy:

- Những lúc “thảnh thơi - tâm trí thanh nhàn”, chúng ta không thấy sự chi phối của đồng tiền lên tham dục.
- Những lúc thiếu thốn mà gặp nhiều sự việc đưa đến cần chi tiêu bức bách, chúng ta mới thấy sự tác động của đồng tiền lên tâm trí. Tánh hành động đi vào sự việc trong lúc này phần nào chịu tác động của dục vọng về đồng tiền.

Mức độ thanh tịnh của tánh hành động đi vào sự việc giải thoát khỏi dục vọng hiện lên mức độ tịch

tĩnh nơi sự việc, hiện lên mức độ tri hành hợp nhất của mỗi chúng ta là bước tiến tu đó!

Sự thử thách - sự khảo đảo đến từ cuộc sống nơi trường đời dành cho người học là phải có! Đôi khi nó đến chúng ta trong nhiều trường hợp chỉ là sự việc thường tình thôi. Một tâm ý phóng ra trong tích tắc, tánh hành động bất chợt diễn ra đáp trả đủ hiện lên mức độ lìa dục vọng của chính mình rồi!

6. Dung thiền tâm rỗng tuếch vào lìa bỏ dục vọng!

Đức Ngài dạy: Chính lúc thiền tâm rỗng tuếch không nhớ tưởng bất kỳ cái gì, dù tưởng Phật cũng không, đó là Quán Tâm Pháp vậy!

61. Học giải thoát khỏi dục vọng:

Dục vọng do tâm nhận đối tượng đem vào - do tâm áp đặt hay lồng vào đối tượng mà có, là vọng tưởng. Chính lúc thiền tâm rỗng tuếch thời vọng tưởng không có chỗ nương dựa để hiện hành, dục vọng không có chỗ khởi sanh dục giác theo đối tượng!

Nói cách khác: Mỗi chúng ta sống với vọng ngã mà mình phải nương theo trong tiến trình tu học! Chúng ta học thiền tâm rỗng tuếch là học vọng ngã không! Chỗ này cho thấy: Yếu quyết của người học không phải là đoạn dứt dục vọng mà là không vướng vào dục vọng thời dục vọng không!

Thí dụ về giải thoát khỏi tham dục:

Gặp phải sự việc đánh động lòng tham thì tham dục nổi lên. Sự việc trôi qua, lòng tham nguội dần! Rồi thời gian và sự việc trôi đi, tất cả đều chìm lặng trả lại sự bình thường (Thực tế, ý niệm tham dục tuy chìm nhưng chủng tử tham dục nơi A lại Da Thức vẫn còn đó). Nhìn lại việc đã qua nhận ra hành vi tham dục hiện hành từ ý nghĩ đến hành động chỉ là cách đáp trả của tâm ý phục vụ dục vọng.

Trong cuộc sống đụng chạm hằng ngày, lại gặp sự việc khác khiến tham dục hiện lên. Cứ như vậy mà suốt cuộc đời không biết bao nhiêu lần tham dục đến rồi đi - nổi rồi chìm. Từ đây cho thấy, tham dục khác nào gợn sóng trên mặt nước: Gió động thì sóng hiện, gió yên thì sóng lặng. Nước làm thành sóng rồi sóng trả lại nước. Tức là, tất cả do tâm mình mà có hay không có tham dục! Diệt bỏ hay đoạn bỏ dục vọng là bỏ đi đâu khi từ tâm mà hiện?! Tham dục hiện lên, nếu chúng ta cứ chạy theo nó, đáp ứng theo nó, nuôi dưỡng nó thì tham dục sẽ gia tăng tiềm lực ngày càng mạnh chi phối hoạt động của thân khẩu ý tạo nghiệp lực. Tham dục hiện lên, nếu chúng ta không chạy theo nó, không đáp ứng theo nó, không nuôi dưỡng nó thì tham dục không có chỗ nương tựa để tiếp tục hiện hành, có đó rồi mất đó, nó chỉ là hình ảnh hư ảo không thật có. Do đó, với chúng ta đang trên đường thanh lọc tâm thức, chỗ yếu quyết là nhận ra tham dục chỉ là hình ảnh hư huyền - hư ảo, thời không vương vào cuộc biến hóa của tham dục nữa là tự giải thoát vậy!

Không vướng vào cuộc biến hóa của tham dục? Tham dục là hình ảnh hư huyền, sở dĩ có là do tâm nhận sự việc làm đối tượng mà khởi sanh. Không vướng tức không nhận sự việc làm đối tượng cho tâm, không áp đặt tâm trí mình vào sự việc để khởi sanh tham dục. Hiện diện cùng sự việc nhưng không vướng tức là lặng nhìn sự việc - lặng nhìn chỗ gọi là đối tượng đang hiện hành mà tâm ý không hề khen chê - lấy bỏ - nhận định - đi đến kết luận nhất định theo tiêu chuẩn hay định mức nào đó, thời tham dục không có nơi dựa khởi sanh! Lặng nhìn quan sát sự việc diễn tiến - lặng nhìn quan sát tham dục hiện hành nhưng tâm không vướng víu vào các thức phân biệt đó tuy rằng mình đang hiện diện, là lặng nhìn bằng trực giác! Nhìn sự việc đang diễn tiến, nhìn tham dục hiện hành khác nào chàng kịch sĩ đang diễn tuồng mà tác giả lại là chính mình!

62. Đi vào sự việc học lặng nhìn thân nhiên mà nhân chân dục vọng!

Học lặng nhìn thân nhiên:

- Từ môi trường công phu tâm rỗng tuếch đem vào sinh hoạt hằng ngày là đi vào hành vi nơi môi trường động, các dục vọng tạm lắng đọng từ công phu có cơ hội khởi sanh qua hành động thực tế. Chúng ta nương nơi đây mà học lặng nhìn thân nhiên hay học tịch tĩnh:
- Học lặng nhìn thân nhiên với dục vọng - với vọng tưởng hiện lên thời không vướng vào nội tâm những tham sân si ái!

- Học lặng nhìn thân nhiên với “sự việc làm đối tượng cho tâm” thời không vướng vào ngoại cảnh với danh lợi tiền tình!

Như vậy là học lặng nhìn thân nhiên hay học tịch tĩnh từ nơi sự việc, từ các hành vi tạo tác hàng ngày để nhận ra rằng:

Nương theo sự sống do vọng ngã chủ động dẫn đi với vô số dục vọng mà lâu nay mình từng tấp mịch chạy theo, mà trở về “sự sống thật” của mỗi chúng ta vốn không vướng vào căn - trần - thức, không vướng vào giới tướng nơi tâm là sự sống Vô Ngã. Nói cách khác, mỗi nhân sanh sống với phàm ngã mà mình nương theo trong tiến trình tu học, “phàm ngã mất khi Thân Chứng Lý Vô Ngã hay phàm ngã quy phục Chơn Ngã!

Nhân chân dục vọng về phương diện hành dụng:

Chúng ta phải đi vào các đối tượng khởi sanh dục vọng, dụng thể sự thuận nghịch khởi sanh dục vọng, lấy đây làm phương tiện pháp đối chứng mà học giải thoát mọi dục vọng từ thô đến tế. Đây là chỗ học lặng nhìn thân nhiên: Nơi tâm không vướng vào đối tượng hay thể sự mà mình đang hiện diện, nơi đối tượng hay thể sự mà mình đang hiện diện không có tâm mình vướng víu vào. Tâm rỗng tuếch là đây! Tâm rỗng tuếch - lặng nhìn thân nhiên cùng sự việc là trực diện cùng sự việc với thực tại. Trí huệ sáng suốt linh hoạt mở ra!

Trí huệ sáng suốt này không vướng vào các thức hiện hành nên gọi là trí không phân biệt. Chỗ học

không phân biệt của chúng ta là nơi đây! Những trạng thái đối lập như dục vọng - thanh sạch, vọng - chơn tự vắng. Từ trí không phân biệt đi vào nhiều sự việc - đối diện nhiều sự việc thuận nghịch ngang trái mà học trí bình đẳng, nhận chân thanh sạch hay dục vọng đến với mình đều như nhau! Đây là chỗ học hòa đồng cùng sự việc - “hòa đồng pháp giới” hay học “bình đẳng pháp giới”! Từ đây, chúng ta nhận ra: Thiền tâm rỗng tuếch, không nhớ tưởng bất kỳ cái gì, dù tưởng Phật cũng không, đi vào thực tế hành dụng: Không tham muốn trừ dục vọng, không mong cầu tìm chơn thật, không vướng lấy bỏ - khen chê, thời nhận chân “chỗ gọi là dục vọng” vốn từ tâm thanh sạch bất nhiễm hiện bày là diệu dụng chơn như hay chơn như tánh. Tất cả đều chân thật! Tất cả đều như!

7. Kết Luận: Thoát lưới dục vọng - chìa khóa mở cửa Niết Bàn!

7.1. Bước đầu chuyển chỗ bị động vì dục vọng:

Đời sống tinh thần do ý thức làm chủ thể hiện qua lý trí và tình cảm. Dục vọng là phương diện thể hiện của lý trí và tình cảm, góp phần làm nên tạp khí phiền não và sở tri là điểm kẹt chung của phần đông thể nhân. Thí dụ: Đứng trước Danh Lợi Tiền Tình, chúng ta có thói quen phân tích - nhận định rồi đưa ra hướng đi đáp ứng cho dục vọng, tức đáp ứng cho nhu cầu bản ngã dục vọng. Đây là lý trí phụng sự cho dục vọng! Thế nên, bước đầu chuyển tâm thức giác của người học đạo là nhận ra chỗ bị động - chỗ bị dẫn dắt bởi dục vọng thể hiện qua cảm giác - tri giác và tánh hành động. Từ bước đầu nhận biết mà dần

dần lìa bỏ tức không bị vướng vào dục vọng trong mọi sinh hoạt.

72. Học Thiền tâm rộng tuếch - lìa bỏ dục vọng hiện hành vào sinh hoạt hay hạnh lành:

Thiền tâm rộng tuếch, không tưởng bất kỳ cái gì là phương tiện pháp học:

- Không vướng vào lý trí và tình cảm phụng sự cho bản ngã dục vọng.
- Không vướng vào sự hiện hành của ý thức lý trí và ý thức tình cảm thường tình, là không vướng vào sự tác nghiệp cho thân khẩu ý.
- Không vướng vào sự hiện hành của ngã pháp chấp thể hiện qua sự chủ động của ý thức trong mọi sinh hoạt mà cội rễ là Mạt Na Thức.
- Tự chủ ngũ căn vốn đã từng làm phương tiện phục vụ cho dục vọng!
- Dụng thiền tâm rộng tuếch vào sinh hoạt - vào hạnh lành là một cách mở lòng vị tha và từ bi hỉ xả. Thế nên, không những ngưng tạo nghiệp mà còn tiêu trừ các nghiệp, thanh sạch hóa dần chủng tử nghiệp lực A Lại Da Thức và gia tăng dần hoàn hảo chủng tử vô lậu A Lại Gia Thức nhờ hạnh lành với tâm thanh sạch bất nhiễm.

Đức Ngài thường nhắc nhở chúng ta tinh tấn trong công phu và phẩm hạnh, cũng là nhắc nhở chúng ta tu hành để tiêu trừ các nghiệp lực và hoàn hảo kho tàng chủng tử thiện hạnh vô lậu cho A Lại Da Thức. Vì sao? Tâm A Lại Da Thức

nơi mỗi chúng ta chính là chủng tử nghiệp lực hoạt động theo sanh tử luân hồi. Phàm trí mê vọng mở ra! Tiêu trừ nghiệp lực thì Tâm A Lại Da Thức thanh sạch trong sáng, chỗ bị hoạt động theo sanh tử luân hồi chấm dứt. Tâm A Lại Da Thức thanh sạch trong sáng hiện bày trí huệ sáng suốt nơi mỗi chúng ta! Đến đây, chúng ta nhận ra chìa khóa mở cửa sanh tử là Tâm A Lại Da Thức với chủng tử nghiệp lực và mở cửa Niết Bàn là Tâm A Lại Da Thức với chủng tử vô lậu.

Sau hết, chúng ta cùng học lời Đức Ngài dạy: “Vậy các chú hãy cố gắng công phu và trau dồi đức hạnh nhiều thì quả vị cao thấp tùy nơi các chú!”

Có thể nào diệt Tham - Sân - Si?

Sự việc xảy ra trái ý chúng ta dễ hờn giận, nóng nảy và chán ghét, nhưng nếu hợp ý thì vui mừng và hài lòng.

Sự việc đem lại nhiều lợi chúng ta dễ khởi lòng tham, nhưng nếu làm tổn hại bản thân hay gia đình thì liền từ bỏ không luyến tiếc.

Những ngày trên ghế nhà trường còn mang nặng tinh thần khoa học và trọng thực tế nên đối với đạo pháp không những không tin mà còn nghi ngờ! Đến tuổi trưởng thành đi vào đời sống buông thả thỏa mãn theo phàm tánh, đáp ứng mọi đòi hỏi theo nhu cầu phàm tánh, chú trọng nhiều về vật chất, xem nhẹ phần tinh thần, không thiết đến mọi hậu quả. Đó là thể hiện của si mê - si ái.

Sự việc làm khởi tham - sân - ái - vui mừng - hài lòng - chán ghét - nghi ngờ là các tình thức, còn gọi phiền não. Sự việc là đối tượng của tâm! Sự việc là đối tượng cho niệm khởi phát sanh đi liền theo là các thức so sánh phân biệt - nhận định - suy lường - diễn giải làm nhân tố khởi phát tình thức hay phiền não. Tất cả đều do tâm mà sự việc là đối tượng. Tất cả là vọng khởi theo dòng tâm thức bản ngã của mỗi chúng ta, nó hiện lên như dòng thác tuông chảy. Vậy diệt tham sân si như thế nào?

1. Diệt trừ tham sân si?

Gặp phải sự việc thì tham sân si hiện, đó là hình ảnh sinh hoạt bình thường của vọng ngã, diệt trừ là tạo cơ hội cho:

- Dùng ý niệm để triệt tiêu ý niệm đang hiện hành!
- Dùng tư tưởng để triệt tiêu tư tưởng đang hiện hành!

- Dùng khả năng hiểu biết hiện có “đối diện sự việc làm khởi phát tham sân si” là một cách hướng ngoại để triệt tiêu cảm giác, tri giác hay tánh hành động mang tính tham sân si.

Chúng ta đang mang thân xác phàm tục và chịu sự chi phối của ngũ hành, diệt trừ tham sân si này thì tham sân si khác hiện. Như vậy là tạo đấu tranh diệt trừ trong nội thể, tạo trạng thái vọng ngã xung đột. Tâm còn đối tượng để tình thức khởi là tự mình giới hạn vào đó thì làm sao có được giây phút trong sạch thanh cao, làm sao mở rộng tâm và làm sao “thấy được mình”?! Diệt trừ tham sân si là việc làm phung phí lực!

2. Mở hướng tham sân si tự lìa!

Đối diện sự việc thời tham sân si khởi! Tham sân si hiện hành như dòng thác, không thể đoạn trừ, diệt bỏ hay cắt đứt hoàn toàn! Điểm cần yếu là tâm mình không có chỗ thọ nhận đem vào, không có chỗ sở hữu sự việc thời đối tượng không hiện hành lưu tâm. Như vậy là không còn “cái tôi” và “cái của tôi” hiện hành nơi sự việc hay áp đặt vào sự việc, thì tham sân si không có nơi tiếp tục nương tựa, không còn đủ lực hiện hành và làm chủ dẫn mình đi, chúng tự tan rã tắt liệm. Đơn giản vậy thôi, phải không? Thừa các vị!

Nói nôm na, tự bản thân không đặt sự việc thành đối tượng đáng lưu tâm chú ý, không đặt sự việc vào vị trí nào đó nơi tâm thì sự việc không còn là đối tượng đối với tâm, thời tham sân si tự lìa vì nơi nương tựa là tâm không còn. Như vậy là

không phải diệt tham sân si mà tham sân si tự lìa tuy rằng mình đang hiện diện cùng sự việc.

Về phương diện thực hành, điểm cần yếu nơi người tu học:

- Công Phu Tinh Tấn: Tùy mức độ công phu tinh tấn mà có phương tiện thanh diệt trợ lực cho các căn định tương ứng, tuyệt đỉnh là các căn thanh tịnh.
- Trau Dồi Đức Hạnh: Dụng phương tiện công phu định căn, đi vào sự việc - đối diện sự việc là tạo cơ hội cho “tham sân si tiềm ẩn nơi định” nổi dậy trong môi trường động của sự việc mà tiếp tục thanh lọc đi dần đến các căn thanh tịnh khi đối diện.

Nói cách khác: Tham sân si hiện lên nếu luôn luôn được thỏa mãn sẽ trở thành tiềm lực tham sân si chi phối giác quan và tánh hành động, ngược lại, nếu không được đáp ứng thỏa mãn nhờ định căn hay thanh tịnh căn thì tiềm lực tham sân si chi phối giác quan và tánh hành động không còn. Từ đây cho thấy, dụng phương tiện công phu đi vào đối diện sự việc với áp lực giác quan chi phối tâm tánh tham sân si nhẹ dần - nhẹ dần đến không còn nữa, tương ứng theo khả năng định của các căn hay mức độ thanh tịnh của các căn.

Như vậy, trau dồi đức hạnh ở đây thể hiện sức định của các căn đi vào sự việc. Bước thêm một bước: Đức Hạnh chính là Tâm Hạnh thể hiện qua Đức Tánh của Tâm Thanh Tịnh mà các căn là phương tiện dùng! Thế nên, công phu tinh tấn

đến đâu thì định căn - thanh tịnh căn đến đó và đi vào sự việc với đức hạnh tương ứng đến đó! Tham sân si tự lìa dần từ thô đến tế mà không phải diệt trừ loại bỏ!

3. Mở hướng tâm tánh tự chủ đi vào sự việc!

Nhận ra tham sân si hiện lên khi đối việc mà không được đáp ứng thỏa mãn nên không còn đủ tiềm lực tiếp tục hiện hành, vừa có đó rồi mất đó, là hình ảnh nhất thời của tâm nên chỉ là hư ảo. Thấy được chỗ hư ảo này, tập tự chủ để không còn bị trôi lăn theo chúng bằng cách nương theo sự việc tập đi vào hành động tự chủ dùng thân khẩu ý:

- Tập dùng thân khẩu chớ không phải bị thân khẩu dẫn bởi tham sân si làm chủ.
- Tập dùng “chỗ gọi tình thức” chớ không phải bị tình thức chi phối, khi cần, nhất là có thể dùng làm phương tiện pháp trên đường hành đạo.
- Tập dùng giác quan chớ không phải bị giác quan lôi cuốn vào sự việc và chi phối tánh hành động.

Đồng thời, với tự chủ dùng thân khẩu ý và thấy được chỗ hư ảo của tham sân si, chúng ta có thể lặng nhìn hình ảnh hoạt động của tham sân si đang hiện hành nhưng không có mình trôi lăn theo chúng tuy rằng đang hiện diện cùng sự việc làm khởi sanh “chỗ gọi tham sân si”. Như vậy, diệt trừ tham sân si không còn đặt ra vì tâm không còn vướng víu vào chúng và có thể dùng “chỗ gọi tham sân si”, khi cần. Trong bước đầu,

tự chủ là tạm dùng đối với thể bị động của thân khẩu ý và đi dần đến rốt cùng của tự chủ là tự tại.

4. Mở hướng dùng tham sân si với tâm tánh tự chủ!

Với tự chủ, chúng ta nhận ra tham sân si không còn tiềm lực làm chủ dẫn tâm tánh mình theo chúng. Trái lại, chúng trở thành phương tiện dùng của tâm tánh khi cần:

- Là phương tiện dùng, tham sân si đi vào từng sự việc tương ứng, chúng là chỗ dụng của tâm tánh thể hiện qua hạnh hữu vi. Với người đời, hạnh hữu vi này thể hiện con người tham sân si. Với các vị tự chủ, hạnh hữu vi này là phương tiện dùng để hành sử sự việc nào đó, xong rồi thôi, tâm không lưu vướng.
- Là phương tiện dùng, là chỗ dụng từ tâm tánh tự chủ nên tham sân si tuy hiện có nhưng vốn tự Không. Thế nên, tham sân si còn gọi là hư ảo hay hư huyễn.
- Là phương tiện dùng từ tâm tánh tự chủ nên hành vi của thân khẩu ý dù hiện diện cùng “chỗ gọi tham sân si” nhưng là hành vi giải thoát vì không còn hiện hành bản ngã hay cái tôi riêng của mình vào đó! Như vậy là chúng ta quy hướng “chỗ gọi tham sân si” thành niệm niệm giải thoát, tâm tánh không bị vướng víu vào chúng.
- Là phương tiện dùng từ tâm tánh tự chủ nên hành vi của thân khẩu ý tuy hiện diện cùng “chỗ gọi tham sân si” nhưng là hành vi tự chủ không hiện diện cái tôi bản ngã, là hành vi do tình thật mà có. Thế nên,

“chỗ gọi tham sân si” đều là chân thật, dù cho chúng là hư ảo.

- Là phương tiện dùng từ tâm tánh tự chủ nên “chỗ gọi tham sân si” không phải là chỗ do sự việc tác động giác quan, nên vọng khởi phân biệt không còn tiềm lực làm chủ. Như vậy, chúng ta đã quy hướng vọng thành chơn, vọng và chơn đến với mình đều bình đẳng như nhau!

Từ đây cho thấy, khi nhìn sự việc, khi đối diện sự việc, khi hành sử sự việc với mỗi mỗi việc làm mà tâm tánh tự chủ đi vào sự việc chính là chuyển đưa dòng tâm thức sống với phiền não đang tuông chảy như dòng thác quy hướng về tánh hành động thanh tịnh bất nhiễm. Tánh hành động thanh tịnh bất nhiễm này không do dòng tâm thức với phiền não tác động làm nên! Tánh hành động thanh sạch bất nhiễm này từ tâm tự chủ hiện bày mà tuyệt đỉnh là tâm tự tại cùng sự việc! Như vậy là chúng ta hướng bản ngã tâm thức với thiên hìnhh vạn trạng trở về quy phục chơn ngã.

5. Vắn tắt:

Nương theo ngã tướng, nương theo bản ngã tâm thức như tham sân si hay các tình thức làm phương tiện giúp mình tự giải thoát. Tự giải thoát khỏi phiền não, thời tất cả tham sân si hay tình thức đều là tướng dụng từ tâm tánh tự chủ mà có. Tất cả đều chân thật! Tất cả đến với mình đều như nhau! Chỗ gọi diệt trừ tham sân si không còn đặt ra nữa vì chúng là hình ảnh biến hiện từ tâm, có chăng là chỗ tự chủ dùng hay không mà thôi.

Điểm yếu quyết tu tập của chúng ta là thanh lọc dòng tâm thức bản ngã, thanh lọc các căn - các giác quan với phiền não thế gian đã từng dẫn mình đi, trở thành thanh sạch đủ thanh cao để có thể phát triển đời sống tâm linh thật ngã.

Từng bước tu tập của chúng ta là từng bước đi từ “mộng cảnh” lìa bỏ tham sân si này sang “mộng cảnh” lìa bỏ tham sân si khác cho đến khi các vi tế không còn thời tâm tánh hoàn toàn tự chủ - tâm tánh an nhiên tự tại giữa dòng đời!

Sau hết, chúng ta thực hành “Tu là sửa! Công phu là phương tiện! Trau dồi đức hạnh là căn cơ!” trợ giúp đi dần vào lời Đức Ngài dạy:

Phải sống một cách “có ý thức” trong cuộc đời để trui rèn thanh lọc và thực chứng chơn tâm. Tư tưởng, lời nói và hành động luôn luôn an trú trong chánh niệm. Đạo pháp nằm vào tâm hồn và thể xác của ta chứ không đâu xa cả!

Nương theo ngã tướng ta mới được chơn như!

12 TRỞ LƯỢC THƯỜNG GẶP TRÊN ĐƯỜNG TU

Nhiều sự việc là bài học đến với các pháp hữu hay đạo pháp được Thầy Từ Minh Đạt giảng giải bằng nhiều hướng nhìn. Được duyên may dự các

buổi học này, chúng tôi chọn lọc theo chỗ hiểu của mình về các trở lực thường gặp làm chậm bước tiến tu. Phần trình bày với điểm nhìn từ tâm pháp luận của người trên đường thanh lọc tâm thức. Với lòng hỉ xả luôn rộng mở của các vị, chúng tôi không ngần ngại viết ra đây một vài điểm khó tránh khỏi làm phật lòng. Sau hết, kính xin Thầy ân xá và chỉ dạy cho các lầm lỗi do khả năng có giới hạn của chúng con!

1. Trở lực do áp lực dục giác của giác quan!

11. Nằm căn là phương tiện phục vụ thể hiện sự áp đặt của tâm ý và ý thức:

Mỗi chúng ta đều mang một tấm thân, tiếp xúc bên ngoài đòi hỏi nhiều nhu cầu cần được đáp ứng.

Thí dụ:

Đi đường thấy cảnh vật đẹp, thấy ngôi nhà kiến trúc lạ liền dán mắt nhìn! Thấy bông hồng liền chăm chăm nhìn theo. Nếu không nhìn thỏa mãn có cảm giác thiếu thiếu cái gì đó. Nhìn theo là một cách đáp ứng nhu cầu đòi hỏi từ thị giác. Cảm giác thiếu thiếu cái gì đó do nhu cầu đòi hỏi không được đáp ứng!

Bản nhạc được nổi lên, liền thả theo thường thức “lời ca tiếng nhạc” cho thỏa mãn. Nếu không, cảm thấy tiếc uổng. Thả theo thường thức cho thỏa mãn là một cách đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của thính giác. Cảm giác tiếc uổng do nhu cầu đòi hỏi không được đáp ứng!

Khi ra khỏi nhà thường sửa soạn cách mặc và trang điểm thu hút tha nhân chú ý nét đẹp của mình. Càng sửa soạn và trang điểm cho đẹp là càng thỏa mãn đòi hỏi từ thân tướng. Nếu hôm nào quên, không sửa soạn và trang điểm khi đi ra đường, thường cảm thấy khó chịu. Cảm thấy khó chịu do nhu cầu đòi hỏi không được đáp ứng!

Ngủ nghỉ là việc thường ngày! Ngoại trừ vì bệnh tật hay sức khỏe, không ít vị nơi nằm nghỉ đòi hỏi phải êm ấm thoải mái. Càng êm ấm thoải mái là càng chịu theo nhu cầu đòi hỏi của thân thể. Ngược lại, nếu nơi nằm nghỉ tạo nên mệt mỏi, không an thân, lòng cảm thấy khó chịu bức dọc!

Nhu cầu sống cần thiết của con người ai cũng có! Các nhu cầu sống này biểu lộ qua 5 căn là mắt - tai - mũi - lưỡi và thân. Năm căn là phương tiện phục vụ cảm giác - tri giác hay niệm lòng. Đáp ứng đòi hỏi vốn không biết đủ là gia tăng thêm tiềm lực cảm giác - tri giác hay niệm lòng dục vọng làm chủ thân khẩu ý, gia tăng thêm khuynh hướng dục vọng của vị ngã.

Thật ra, 5 căn thể hiện thấy biết bình thường của con người ai cũng có. Thí dụ như tai nghe - mắt thấy - mũi ngửi. Sở dĩ có nhu cầu cần được đáp ứng hay có áp lực của giác quan là do phóng tâm ý đến hay áp đặt tâm ý vào vài thấy biết bình thường này. Áp lực dục vọng của giác quan bị chi phối bởi nhiều khuynh hướng vị ngã của Mạt Na Thức và chủng tử A Lại Da Thức, nên khuynh hướng chung của giác quan là thuận theo tình

cảm và lòng ham muốn của vị ngã, kể cả lý trí phục vụ tình cảm và lòng ham muốn này.

12. Thí dụ đơn giản về sự áp đặt của tâm ý:

Khi vào bàn ăn, chúng ta đón nhận và dùng món ăn một cách tự nhiên mà không hề phóng ý đi tìm - không hề áp đặt tâm ý vào món ăn để thưởng thức, để lựa chọn hay khen chê ngon dở.

Đây là chỗ đón nhận món ăn bình thường, không có cái tôi riêng để thưởng thức món ăn, không do phóng ý áp đặt bản ngã hiện diện nơi món ăn để lựa chọn khen chê. Điểm này thể hiện tâm trí tĩnh lặng không bị chi phối bởi ngoại cảnh là món ăn, không bị chi phối bởi áp lực của giác quan khi hiện diện cùng món ăn. Tâm trí tĩnh lặng này là tâm trí thưởng thức trọn vẹn món ăn với “tinh thần vô ngã”!

Khi vào bàn ăn, chúng ta đón nhận và dùng món ăn theo cái tôi thưởng thức, theo tâm ý áp đặt vào để lựa chọn khen chê. Đây là chỗ đón nhận món ăn do cái tôi vị ngã, do phóng ý hiện diện cùng món ăn theo bản ngã của mình. Điểm này thể hiện tâm trí vọng động, thể hiện tâm trí bị chi phối bởi áp lực của giác quan khi hiện diện cùng món ăn. Tâm trí vọng động này là tâm trí thưởng thức món ăn với “cái tôi bản ngã”.

Từ thí dụ món ăn với hai trường hợp, cho thấy: Nếu nhìn theo hình tướng, cùng một sự việc như nhau, cùng một cách đón nhận sự việc theo bề ngoài như nhau. Nếu nhìn theo tâm ý, sự khác biệt là tâm trí tĩnh lặng và tâm trí vọng động khi

đón nhận món ăn - khi thường thức món ăn! Mê
giác thể hiện nơi đây!

**13. Một phương diện thanh lọc niệm lòng dục
vọng: Sức định tĩnh do công phu trong đối
diện ngoại tướng!**

Trên thực tế, khuynh hướng dục vọng được đáp
ứng thỏa mãn, lòng cảm thấy an vui - thoải mái.
Chỗ an vui - thoải mái thể hiện lạc thú của con
người với áp lực dục vọng từ giác quan khi đối
diện ngoại cảnh, nó tác động lòng ham muốn -
tham muốn - ưa thích chi phối đời sống tinh thần
và vật chất.

Người học đạo không phải ra sức tiêu diệt hay
loại bỏ lòng dục! Tuy Biết nó đến, tuy hiện diện
cùng sự việc khởi sanh ra nó, nếu có, nhưng chỗ
học là tâm trí tĩnh lặng thản nhiên, không bị trôi
lắm theo - không bị vương vấn theo tuy rằng
mình hiện diện cùng “sự việc khởi sanh lòng dục”.

Thực hành chỗ này đòi hỏi khả năng định tĩnh từ
các căn do công phu thường ngày đem lại còn
gọi là “công phu lực hay thiền lực”. Khả năng
công phu chưa đủ lực mà đi vào sự việc làm hiện
bày lòng dục như phương tiện học tâm trí tĩnh
lặng là tấp mình vào phát triển thêm lòng dục.
Còn mang nặng cái tôi đòi hỏi nhiều nhu cầu cần
được đáp ứng mà tấp mình vào sự việc khởi
sanh lòng dục là cơ hội chìm sâu bể nhân dục.
Thế nên, đi vào sự việc làm hiện bày chỗ gọi lòng
dục như phương tiện tu tập phải song hành với
công phu tinh tấn mới có thể đủ lực đi dần vào
tâm thức tự lìa cấu bần, đi dần vào tâm trí tĩnh

lặng. Đây là phương diện đối diện ngoại tướng thanh lọc tâm thức bằng “Sức định tĩnh do công phu tinh tấn!”

Mở rộng ra: Có thể hiện diện cùng “chỗ gọi sự việc khởi sanh lòng dục” nhưng không có sự áp đặt hiện hành của tâm ý và ý thức, không có cái tôi bản ngã hiện hành thường thức thỏa mãn. Hay, hiện diện cùng chỗ gọi “sự việc khởi sanh lòng dục” khi cần nhưng xong rồi thôi không lưu vướng nơi tâm. Được như vậy, tuy ở vào “chỗ gọi sự việc khởi sanh lòng dục” nhưng giải thoát khỏi lòng dục nhờ tâm trí tĩnh lặng. Đây là chỗ các bậc tự tại tự chủ đi vào sự việc thế nhân như phương tiện dùng! Các Ngài vào mà thoát!

14. Đức Ngài nghiêm huấn về từu sắc: Một phương diện dục giác của giác quan!

Riêng với chúng ta đang chìm trong bể nhân dục và đang trên đường thanh lọc tâm thức thì chưa đủ lực vào mà thoát như các Ngài. Do đó, Đức Ngài nghiêm huấn các pháp hữu bằng lời dạy của Tam Giáo.

Nho có dạy: “Phi lễ vật thị, phi lễ vật động”. Nghĩa là chẳng phải lễ chẳng ngó, chẳng phải lễ chẳng động.

Thích có chép: “Vong nhờn, vong ngã, vong chúng sanh”. Nghĩa là “quên mình, quên người, quên chúng sanh”.

Đạo: “Thị chi bất kiến, thính chi bất văn”. Nghĩa là “coi đó chẳng thấy, nghe đó chẳng hay”.

Ba lời này là thuốc trừ căn tửu sắc!

Lời dạy này của Đức Ngài đối với chúng ta trên đường thanh lọc tâm thức thì phương tiện công phu định tĩnh đi vào đời đối diện sự việc - đối diện ngoại cảnh là phương tiện pháp thực hành thực tế. Dần dần, đi vào tự nhiên trước sự việc. Đây cũng là một phương diện học:

Học niệm mà vô niệm trước ngoại cảnh! Tuy hiện diện cùng ngoại cảnh, thấy biết ngoại cảnh nhưng tâm ý tĩnh lặng trước ngoại cảnh thời không vướng ngoại cảnh nơi tâm.

Học trụ mà vô trụ trước ngoại cảnh! Không phóng ý hay áp đặt tâm ý hiện hành vào ngoại cảnh. Tuy hiện diện cùng ngoại cảnh, thấy biết ngoại cảnh nhưng nơi ngoại cảnh không có tâm ý hiện hành dẫn đi.

Nói chung, trở lực căn bản khi đối diện bên ngoài hay ngoại cảnh là chưa đủ công phu lực nên niệm khởi đi theo đòi hỏi của tình thức hay các ham muốn thường tình, áp lực dục giác của giác quan chi phối từ tư tưởng đến hành vi của thân khẩu ý.

2. Trở lực do sự việc bên ngoài tác động sanh vui buồn!

21. Lòng thọ nhận hay từ chối sự việc đem lại vui buồn:

Khi gặp sự việc - sự vật hay hoàn cảnh mà mình nhận vào thể hiện qua tình cảm vui buồn như:

Kết quả việc làm thành công bất ngờ, đậu cao trong kỳ thi tốt nghiệp, mua được 1 vật dụng hằng ao ước lâu nay: Lòng vui thật là vui, thích thú thật là thích thú và tận hưởng thật vui thật thích thú đến nỗi tâm trí tháo động.

Kết quả việc làm thất bại, rớt trong kỳ thi tốt nghiệp, không mua được 1 vật dụng hằng ao ước lâu nay: Lòng buồn thật là buồn! Cái buồn làm lòng mình lo lắng - không ổn định, cứ vương vấn mãi!

Việc làm - kỳ thi - vật dụng thuộc bên ngoài khiến lòng vương vào vui buồn là do mình nhận lấy.

Đứng trước sự việc đem lại vui buồn, quyết không thọ nhận để giải thoát khỏi vui buồn: Đó là cái thức không thọ nhận vui buồn, không phải chỗ giải thoát khỏi vui buồn, không phải chỗ giải thoát khỏi các thức chi phối vì còn “đối tượng là cái thức không thọ nhận” cho vọng thức khởi mà. Vương vấn hay từ bỏ không thọ nhận đều là vọng thức cả vì đó là một cách đáp trả của ý thức thọ nhận hay không thọ nhận!

Nói chung, trở lực căn bản khi đối diện ngoại cảnh - sự việc trong sinh hoạt là mang tâm lấy hay bỏ, đón nhận hay từ chối.

22. Một phương diện mở hướng hòa nhập trong thanh lọc tâm thức:

Vui buồn, chúng ta ai cũng có! Điểm quý của người học đạo không phải ra sức tiêu diệt - loại trừ, mà là không có cái tôi bản ngã hiện hành vào

vui buồn đó để nhận lấy hay hưởng thụ. Được như vậy, tuy ở vào chỗ gọi vui buồn nhưng tâm không vương vấn! Chỗ gọi vui buồn tự nó không còn đủ tiềm lực tiếp tục làm chủ chi phối lòng mình. Đây là một phương diện mở tâm hòa đồng vô ngã hội nhập sự việc.

Mở rộng đến với tha nhân: Chúng ta có thể hiện diện cùng sự vui buồn từ tha nhân, hòa mình vào nỗi lòng của tha nhân mà học tâm thức bất nhiễm nơi bản thân nhằm nâng cao tần số rung động thanh cao có khả năng hòa nhập vào mọi trạng thái tư tưởng - đời sống tinh thần khác nhau do tha nhân đem đến. Đây là một phương diện mở tâm hòa đồng vô ngã hội nhập tâm thức nhân sanh và cũng là dụng phương tiện pháp từ tha nhân trên đường hành pháp: Đứng vào vị trí của tha nhân, thuận theo tha nhân mà chuyển tha nhân đi theo chiều hướng của họ quy hướng về đạo pháp mà Thầy Từ Minh Đạt đã từng hướng dẫn các pháp hữu.

3. Trở Lực do hiểu biết nhằm lẫn với cái tôi hiện hành!

31. Tự tạo trở lực bản thân!

Bản ngã thường vướng phải vài nhằm lẫn do tự mình ôm lấy gọi là vọng.

Thí dụ: Được ban phương tiện pháp tu tập từ chư Đức Phật rồi cho mình là người có mức tu học khá cao. Được ban kim Cang Bảo Pháp rồi cho mình là vị Kim Cang. Được khai huệ làm việc rồi cho mình là người có huệ nhãn - có thần thông.

Hiểu giáo pháp, từng đi hành pháp giúp mình sáng tỏ sâu thêm về giáo pháp qua hành dụng rồi cho mình là người thông hiểu đạo và ngộ đạo.

Từng học đạo, từng hành pháp đem lại nhiều lợi ích cho bản thân và tha nhân rồi cho mình là người tu chứng đạo hay đắc quả vị nào đó.

Từng học đạo, từng hành pháp, được nhiều người biết đến, kính mến và theo học rồi cho mình là vị thầy, là người cứu độ tha nhân.

Từng tu thiền và đi vào trạng thái siêu nhiên, thấy cảnh giới siêu phàm; từng hành pháp và thành công về việc liên quan đến siêu hình mà khả năng người đời qua phàm trí không thể nhận hiểu, rồi cho mình là người thông hiểu về huyền linh siêu nhiên.

Vướng phải vài nhảm lẫn là do tâm tưởng! Tự tạo trở lực, tự che lấp sự thật nơi bản thân, tự rời bỏ sáng suốt tự thân. Trở lực căn bản là ôm lòng ngã mạn và giới hạn tâm trí vào nơi ôm lấy đó, khác nào đóng khung nên dễ vướng vào định kiến - thành kiến hay chấp nhất.

32. Đức Ngài dạy:

Mọi sự giả dối là ngăn cách chân lý của lòng mình. Những hành động không lành, lời nói không thiện là ngăn cách Chơn Tâm, tức Tánh Chơn Như bị che khuất thì đi vào vòng luân hồi sanh tử. Đó là vô minh đẩy các chú!

Tâm là không có một pháp nào cả! Hay, tu thiền tâm rỗng tuếch, dù tưởng Phật cũng không, đó là Quán Tâm Pháp!

Chúng ta hãy học lời dạy này của Đức Ngài đi vào hành pháp đối diện sự việc để thấy chỗ rỗng tuếch của “cái tôi bản ngã và tâm tưởng” nơi tâm mình! Chừng nào tâm trí còn vương vấn vào mức độ cao thấp khác nhau hay những sai biệt khởi sanh trên đường học đạo và hành pháp do cái tôi bản ngã áp đặt vào đều là tự giới hạn và nhốt kín tâm trí theo thành tựu - theo mức độ - theo cái thức so đo phân biệt.

4. Trở lực do tích lũy nhiều hiểu biết!

41. Tích lũy hiểu biết là đại nạn cho ngộ đạo!

411. Hướng chủ đạo tinh thần như cái khung định sẵn!

Có vị tìm hiểu nhiều mặt về đạo pháp, tìm hiểu nhiều pháp môn hay phương tiện tu tập, dần dần tự thấy hiểu thông nhiều về đạo pháp như:

- Đến với một pháp môn liền biết pháp đó cao thấp hay tu tập đem lại kết quả nhanh chậm.
- Mình có khả năng chỉ hướng tha nhân tu học đúng đường!
- Ai nói điều gì liên quan đến học đạo đều thông hiểu!

Tìm hiểu nhiều và góp nhặt dự trữ hiểu biết có thể góp phần phát triển đời sống tinh thần và phẩm hạnh hữu vi. Theo cái nhìn của người đời, đây là điểm tốt vì họ cho là “người có học - có tư

cách”. Với người học đạo giác ngộ - giải thoát, đây là cái gông trói buộc tâm trí phục vụ hiểu biết tích lũy, là cái gông trói buộc tương hạnh trường thành theo chiều hướng hiểu biết có được, nên là đại nạn cho trau dồi đức hạnh vì hướng chủ đạo tinh thần do tích lũy hiểu biết chi phối có khác nào cái khung thì làm sao có được tâm trí định tĩnh và sáng suốt linh hoạt! Như vậy:

Quá trình mở mang trí hiểu biết trong trường hợp này là quá trình gia tăng tiềm lực ham muốn gom thâu hiểu biết về mình cho thật nhiều! Đây là cơ hội tạo thêm sở hữu cho cái tôi! Chỗ học đạo và chỗ sống đạo trong trường hợp này là phương tiện của tâm trí phục vụ hiểu biết tích lũy.

Làm sao giải thoát tâm trí - làm sao tâm trí linh hoạt sáng suốt khi nó mãi vương vấn vào trí nhớ - ký ức hay thành quả có được từ quá khứ như một định hướng cho tương lai?!

Chúng tôi có dịp tiếp xúc vài vị, qua trau dồi nếu như có ý kiến nào “khác thường” đối với những gì các vị đã học hiểu hay kinh sách ghi chép thì liền nhận được “phản ứng”. Chỗ này, Thầy Từ Minh Đạt đã dạy các pháp hữu trên đường hành pháp, nếu có cơ hội thì học tất cả nhưng chỗ học của chúng ta như vật bỏ túi khi cần thì dùng, không cần thì để đó! Và chẳng, tìm học đạo lý, chỗ hiểu chưa hẳn đúng vì còn mang phạm ngã - còn lưu hành cái tôi. Từ tìm học đến ngộ lý còn một khoảng cách. Từ ngộ lý đến sống với chỗ ngộ còn một khoảng cách hay thấy chân lý và sống

với chân lý còn phải trải qua tiến trình hành dụng thể hiện tri và hành!

412. Hiểu nhiều mà chưa định tĩnh dễ sanh cuồng trí!

Ôm nhiều lý hiểu tạo cơ hội cái tôi hiện diện như lớp rào bảo vệ những gì học hiểu. Khi đối diện sự việc, lý trí hướng đến sự việc rồi so đo phân biệt, nhận định, suy luận, diễn giải là nhân tố khởi phát cái tôi phạm trí chủ động tham gia vào. Trong khi đó, sức định từ các căn chưa có là cơ hội tốt cho lý trí khởi.

Vì sao? Những hiểu biết do học hỏi qua tiến trình vun bồi từ quá khứ đã in đậm sâu vào tiềm thức và đi vào phát triển đời sống tinh thần hay trau dồi phẩm hạnh, nay gặp dịp thì những hiểu biết này trở thành cái dụng tích lũy mở hướng phóng tâm ý ra ngoài dẫn dắt đối diện sự việc. Cuồng trí khởi sanh từ đây!

Thực tế, mang nặng trí nhớ, ký ức, suy luận dễ chìm vào như cái khung vốn sẵn có, rất khó mở cánh cửa giải thoát vì các hiểu biết chính là hàng rào bảo vệ bản ngã, làm chủ trong mọi sinh hoạt. Đây là đại nạn cho ngộ đạo vì phạm trí nặng nhân ngã làm chủ nhân ông dẫn dắt học đạo và hành đạo!

42. Một phương diện tìm hướng đi tỏ ngộ!

421. Trút sạch quá khứ đi vào nhập định!

Khi dụng ý hiểu biết vào sự việc thì : Hiểu biết đó do ký ức - trí nhớ phóng ra! Hiểu biết đó hình thành do tư tưởng - kinh nghiệm phóng vào sự việc! Hiểu biết đó là tiến trình tích lũy được nổi

tiếp đi vào sự việc phát triển thêm kinh nghiệm và tư tưởng sống, cứ như vậy mà trải dài theo cuộc đời. Đó là cái gông xiềng xích tâm trí!

Muốn mở cái gông phải chấm dứt dòng thức sống mang tích lũy chất chứa hiểu biết hay tư tưởng - kinh nghiệm hướng ra ngoài phóng vào sự việc. Nhưng khi chúng ta khởi ý chấm dứt chính là tạo thêm tiềm lực cho dòng thức sống này phát triển mạnh hơn và chỗ gọi là chấm dứt nếu có chỉ là lớp vỏ bên ngoài do tâm tưởng tạo nên.

Vậy thì làm sao? Đối diện thẳng sự việc, hành sử thẳng sự việc không qua trung gian hiểu biết tích lũy hay tư tưởng - kinh nghiệm dẫn dắt, thời mọi hiểu biết tích lũy hay tư tưởng - kinh nghiệm không còn lưu vướng nơi tâm nữa, mà người học không phải dụng lực lìa bỏ. Đây là mở hướng “trút sạch quá khứ đi vào nhập định!” Trí hiểu biết linh hoạt sáng suốt trực diện sự việc, không bị dẫn vì kiến thức - tư tưởng - kinh nghiệm, mới có thể mở ra!

Nói cách khác: Đi thẳng vào sự việc, nhận biết thẳng sự việc và không khởi động niệm để phải bị chi phối bởi hiểu biết tích lũy - tư tưởng - kinh nghiệm, là chỗ học thấy biết và hành sử sự việc mà bất nhiễm, là chỗ học niệm mà vô niệm.

422. Đức Ngài dạy thêm:

“Các chú có kiến thức là mau tỏ ngộ chân lý, từ đó dễ ngộ đạo!” Tuy nhiên, nếu để tư tưởng mắc

kẹt trong kiến thức văn tự và làm tường là cứu cánh thì không bao giờ đạt được đạo.

“Phải biết phá bung mọi chấp trước, phải hiểu tinh thần của kinh điển, dựa vào kinh điển chẳng khác nào chỉ thấy nắm lá mà không thấy lá cả rừng cây”.

5. Trở lực do nhân cách trong tương quan với tha nhân!

51. Nhân cách bản ngã:

Mỗi chúng ta đều có vài đặc điểm “nhân cách riêng”. Nhân cách này có thể tạo nên phản ứng từ tha nhân và khiến tâm trí mình bị động theo.

Thí dụ: Có vị thẳng thắn, thấy sự việc thế nào nói thế đó, kể cả sự việc mà khi nói ra chạm đến tự ái - tự ti - mặc cảm của tha nhân. Tha nhân phản ứng, vị này bị động vì phản ứng.

Có vị tự cao trong giao tiếp, gặp tha nhân thẳng tắp bài bác khiến vị này cảm thấy khó chịu. Vừa đón nhận “việc làm không mấy tốt” của tha nhân, vừa nhìn qua “tướng hạnh không đẹp” từ tha nhân, liền phản ứng đáp trả không một chút rộng lượng.

Bên cạnh nhân cách riêng là tạo dáng nhân cách theo sự việc - theo đối tượng mình hiện diện. Đây là nhân cách trọng hình thức do cái tôi áp đặt, tâm trí và tướng hạnh chạy theo sự việc - chạy theo đối tượng và chạy theo cả chỗ gọi danh dự, địa vị do bên ngoài gán cho hay do tự mình đặt để. Tạo dáng nhân cách có cơ hội phát huy trong sinh hoạt, thể hiện tâm hồn trưởng thành trong

khuôn khổ hình thức do khả năng ý thức chủ động xuyên qua tạo tác thể diện bên ngoài, là đi vào nhân cách mang tiềm lực vọng ngã tạo nghiệp vì tự dối mình.

Mỗi chúng ta đều có thể vướng phải vài khuyết điểm về cách sống, cách làm việc mà đôi khi mình không nhận thấy hay nhận thấy nhưng vẫn khăng khăng giữ lấy theo lẽ phải do cái tôi bảo vệ. Đây là loại “nhân cách chấp nhất” - “nhân cách định kiến”- “nhân cách ngã tướng” nên thường bị động khi có phản ứng từ tha nhân. Vì sao? Đó là nhân cách làm cho mình trở thành người có nhân cách với hành vi tiềm tàng cái tôi bản ngã, không phải nhân cách giải thoát hành vi bản ngã.

52. Nhân cách trau dồi đức hạnh:

Nhân cách riêng thể hiện qua cách sống - cách làm việc - cách đối tha. Điểm chính yếu là nhân cách đó không hiện hành cái tôi bản ngã hay tâm trí thanh thần tự nhiên qua hành vi nhân cách đó. Tự nhìn mình thời thấy ngay:

Nhân cách là ở tâm! Nhân cách không phải ở lý trí hiện bày ra, không phải ở tình thức hay dục vọng chỉ bày, không phải ở tướng hạnh hình thức. Khi nhân cách bị chi phối - bị hướng dẫn do lý trí, do tình thức hay dục vọng, do thể diện qua tướng hạnh là nhân cách thuộc lớp rào bản ngã che chở. Nhân cách thể hiện tâm hạnh thanh thần là nhân cách từ đức tánh đi vào tướng hạnh hữu vi, là nhân cách góp phần trau dồi đức hạnh của người học đạo.

Đức Ngài dạy thêm về đối tha: “Sự Huỳnh thường nhắc cho các pháp hữu nên đối xử với nhau bằng chơn tâm, chớ đừng chấp vào hữu vi huyền tướng!”

6. Trở Lược do mang lấy phiền não!

61. Phiền não sanh do đối việc - do hành dụng!

Khi đối việc phiền não sanh, đó là cái tướng phiền não của tâm vọng hiện bày chúng sanh tánh mà chúng ta ai cũng có. Chỗ học đạo không phải ra sức tiêu diệt tướng phiền não, không phải ra sức tiêu diệt chúng sanh tánh nơi lòng! Vì sao?

Khi va chạm sự việc phiền não hiện hành thể hiện bằng cảm giác phiền não, tri giác phiền não và tánh hành động phiền não. Sự việc là đối tượng khởi dậy phiền não! Phiền não này ít nhiều gì đều mang cái tôi bản ngã, nó là dòng thức sống của mỗi chúng ta vốn là một cá nhân sinh động.

Diệt phiền não, diệt chúng sanh tánh nơi lòng là diệt cả dòng thức sống sinh động đang hiện hữu nơi mỗi chúng ta, trong khi chúng ta đang hiện diện cùng mọi sinh hoạt - hiện diện cùng sự sống nơi thế sự. Như vậy, có diệt được chăng, có diệt hết chăng với bản thể chúng ta do ngũ hành cấu tạo và đi vào sự sống?

Vả chăng, mỗi chúng ta có cái nhìn khác nhau về sự việc tác động nội tâm sanh phiền não và mức độ phiền não không đồng. Sự khác biệt này do ý thức sống, do khuynh hướng Mạt Na Thức, do

chúng tử A Lại Da Thức lưu hành từ nhiều kiếp. Tất cả các món này làm nên Tiềm Lực Nội Thể. Tiềm lực nội thể có thể tạo nên xung đột - mâu thuẫn - đối nghịch - chống đối với nhiều mức độ tần số rung động khác nhau ngay trong chính bản thân, nhất là trải qua các chuyển biến trong tâm thức mà tự mình có thể nhìn thấy dễ dàng.

622. Một phương diện tìm hướng đi: Không phân biệt từ nơi tâm!

Tiềm lực nội thể hiện hành vô số trạng thái khác biệt là cái tướng phiền não mang nhiều sắc thái trong nội thể do chúng ta nhìn bằng ý thức so đo phân biệt và sống bằng ý thức so đo phân biệt.

Tuy phiền não hiện diện nơi lòng nhưng thực chất do phóng tâm hướng ra ngoài bởi sự việc tác động mà có. Không phóng tâm hướng ra ngoài thì không bị áp lực giác quan do ngoại cảnh chi phối, không có đối tượng là sự việc do tâm đón nhận vào thì làm gì có phát khởi tiềm lực nội thể như lời đáp trả tạo nên phiền não!

Khi tiềm lực nội thể này không còn hiện hành những trạng thái như xung đột - mâu thuẫn - đối nghịch - chống đối làm chủ dẫn mình đi, không còn hiện hành các tướng phiền não khác nhau nơi tâm do ý thức phân biệt dẫn dắt khi đối diện sự việc thì không có vấn đề tiêu trừ phiền não, tiêu trừ chúng sanh tánh hay tiêu trừ dòng thức sống sinh động của con người. Như vậy, diệt phiền não, diệt chúng sanh tánh hay cắt đứt dòng thức sống phiền não không còn đặt ra nữa!

Điểm quý của người học đạo là mở trí không phân biệt các trạng thái sai khác từ nơi tâm mình - mở trí không phân biệt các tướng gọi là phiền não từ nơi tâm mình tuy rằng mình đang hiện diện cùng sự việc làm khởi sanh chỗ gọi là phiền não, nếu có. Mở trí không phân biệt từ nơi bản thân mới có thể đi dần vào trí bình đẳng nhận chân tướng phiền não dù mang nội dung như thế nào, tất cả đến với mình đều như nhau!

7. Trở lực do tình thức!

Không đi sâu vào phương diện tâm pháp, ở đây chúng tôi xin trình bày 2 thí dụ thường gặp:

71. Tình thương nam nữ:

711. Bài học từ bản thân:

Khi đến Đức Ngài học đạo, tôi chưa có gia đình. Thời gian sau, tôi học thêm về Đông y để tìm hiểu bệnh tật của bản thân và gặp người bạn gái cùng lớp trao đổi bài vở. Dần dần, tôi tự thấy lòng mình có ý niệm thương thương cô bạn và hướng dẫn cô bạn đến vị huynh trưởng xin thọ pháp tu học.

Được vị huynh trưởng nhắc nhở “rán lo tu hành” đã giúp tôi một phần nào tỉnh thức. Ít hôm sau, tôi đến Đức Ngài để được hộ bệnh. Vừa đứng trước Ngõ Tam Bảo và vừa chấp tay xá thì nghe Đức Ngài dạy “lúc này lo chuyện gia đình...!” khiến tôi bừng tỉnh một cách lạ thường chỉ vì một câu nói của Ngài thấu tận tâm ý chưa từng nói ra cho ai.

Từ bản thân, nhìn nhiều trường hợp thanh niên nam nữ đang tiến bước trên đường tu học phải

dùng chân hay sa chân vì tình thương nam nữ.
Dần dần, chúng tôi nhận ra:

- Phần đông giới trẻ quyết tâm vấn thân tu học thường vướng phải “thử thách về tình ái” là điểm yếu của tuổi trưởng thành và là trở lực lớn nhất của người trẻ tuy thức tâm tu hành nhưng chưa đủ dũng lực vượt qua.
- Không những giới trẻ mà cả các vị tu hành chân chánh dù tại gia hay xuất gia đều trải qua thử thách tình ái. Thực tế, không ít vị rớt vì thử thách này ngay từ ý niệm chưa thể hiện qua hạnh hữu vi! Bản thân đi vào thử thách, thấy được điểm yếu qua hạnh hữu vi là quá muộn rồi!

Những ai trên đường tu học chưa gặp phải sự việc tạo cơ hội tác động tình ái bản thân như thử thách, nên xem lại đạo hạnh của mình!

712. Một phương diện tìm hướng đi: Tự Thắng Tâm!

Đúng về phương diện thử thách thanh lọc tâm thức và trên đường tu học giải thoát luân hồi sanh tử, chúng ta thấy rằng:

Việc tu học tại cõi thế có thể nói rằng tình ái - tình dục là cửa ải khó vượt qua nhất. Đa số các vị được thử thách đều rớt! Các vị tu hành chân chánh đều có cơ hội đi vào thử thách về tình ái hay tình dục là phương tiện tạo cơ hội thanh lọc tâm thức vì đây là một trong các điểm kẹt căn bản của chúng sanh nơi cõi dục này. Chưa vượt qua

thì còn phải học và đi vào thử thách tiếp. Đời này chưa vượt qua được thì đời sau hay các đời sau nữa! Nếu không đủ Trí Lực và Dũng Lực tự thắng mình thì rơi vào biển ái dục, chìm theo vòng tục lụy thế nhân!

Thưa các vị! Chúng ta bước vào đạo pháp tu học giải thoát khỏi sanh tử luân hồi! “Muốn giải thoát khỏi sanh tử luân hồi trước phải giải thoát khỏi vòng tục lụy! Muốn giải thoát khỏi vòng tục lụy trước phải tự thắng tâm mình!”

Ngoại trừ các Đấng Cứu Thế - các vị Minh Sư từ bên ngoài sanh tử luân hồi tự chủ đi vào sanh tử luân hồi, tự chủ đi vào tục lụy nhân sanh tiếp dẫn nhân sanh trở về Nguồn Cội, phần đông chúng ta đang chìm vào tục lụy - đang chìm vào bể dục vọng thế gian - đang bị đi trong sanh tử luân hồi và nay bước vào đạo pháp tu học giải thoát thì bước đầu tiên phải là Tự Thắng Tâm!

Chúng tôi nêu thí dụ này để hiển minh một điều: Nơi mỗi chúng ta, ý niệm tình ái - tình dục vốn sẵn có, chỉ vì chưa có cơ hội bột phát nên còn tiềm ẩn đó thôi, chứ không có ý ngăn việc lập gia đình thuận theo lẽ Âm Dương tự nhiên của tạo hóa.

72. Lý trí phục vụ tình thức: Lòng chưa rộng mở!

Nhìn tha nhân qua sinh hoạt thường ngày với nhiều hành vi không hay hay vụng về từ tư tưởng đến hành động do “khả năng hiểu biết kém”, lòng cảm thấy không mấy thiện cảm với họ. Trái lại, nhìn tha nhân “có trình độ hiểu biết” nên trong

giao tiếp tỏ ra lịch sự, lòng cảm thấy thiện cảm với họ.

Bản thân sống trong cảnh nghèo, nhìn tha nhân đồng cảnh ngộ hay kém may mắn hơn mình động lòng thương. Bản thân quen sống trong cảnh giàu, nhìn tha nhân sống trong cảnh nghèo lòng “không mấy thân thương” hay tuy có động lòng thương nhưng như khách qua đường.

Thiện cảm hay không thiện cảm, động lòng thương hay không mấy thân thương: Thể hiện lòng mình bị chi phối thay đổi theo hoàn cảnh bản thân, thay đổi theo hoàn cảnh và hành vi sống của tha nhân. Đây là cái tình do nhận thức làm chủ chi phối, do giác quan dẫn đi và có hạn lượng theo đối tượng. Chỗ thiện cảm hay động lòng thương thể hiện lý trí phân biệt phục vụ cho tình cảm hạn lượng, là tình thức vị ngã mà chúng ta ai cũng có. Nhưng nếu dừng lại ở mức lý trí phục vụ tình thức thì dù có mở rộng lòng đến đâu cũng không thể nào giải thoát cái tôi vị ngã hạn lượng.

Hai thí dụ vừa rồi thể hiện: Khuynh hướng của Mạt Na Thức còn hiện hành mạnh qua ý thức, tức tình cảm và dục vọng. Thế nên, việc phát tâm tu học, việc phát tâm trau dồi đức hạnh và việc mở rộng tình thương hay từ bi vẫn còn vương vấn cái tôi bản ngã. Ngay cả trí lực thể hiện tình thương và dũng lực thể hiện tình thương trong trường hợp này vẫn còn vương vấn cái tôi bản ngã. Tất cả đều chưa thoát khỏi cội rễ ngã pháp chấp!

Nói chung: Lòng mình dành cho tha nhân dù có mở ra, tình thương dành cho tha nhân dù có mở ra nhưng đều vướng phải cái tôi bản ngã hiện hành đi vào tha nhân và sự việc, là tự mình đóng khung tình thương và đóng khung cõi lòng vào đối tượng được chọn lọc theo tâm ý và ý thức. Trên đường hành pháp vì tha nhân thức tâm tu học, tình thương và cõi lòng mở ra trong trường hợp này là tình thương và cõi lòng nằm vào mắc xích nhân duyên thuận vòng luân hồi nghiệp báo!

8.Trở lực do tâm ý và ý thức chuyển đổi:

81.Vài hoạt động tổn lực sanh động tâm!

811.Vài thí dụ tiêu biểu từ các căn:

Thí dụ 1: Nói nhiều hao tán khí lực, sanh động tâm và tổn thương âm đức!

Có vị giao tiếp nói năng nhiều do môi trường làm ăn, nên dễ sanh động tâm vì hao tổn khí lực.

Có vị thường hay luận bàn phê phán cách sống - tác phong sống hay nhân cách tha nhân nên dễ mở đường cho lý trí phân biệt hoạt động làm chủ.

Có vị thường nhìn sự việc xảy ra rồi luận bàn theo thể thái nhân tình, tâm ý phóng theo bên ngoài đi vào sự việc xảy ra nên dễ động tâm. Hơn nữa, luận bàn phải trái này có thể khiến tha nhân sanh hờn giận - ghen ghét, tinh thần không ổn định. Thế nên, không những mình tổn hao âm đức, mang nghiệp vào thân mà tha nhân cũng sanh động tâm không ít”.

Tâm ý thả chạy theo môi trường bên ngoài, tư tưởng thay đổi chuyển biến theo sự việc nên tinh thần không ổn định.

Thí dụ 2: Nhìn nhiều sanh động tâm!

Có vị thường xem ti vi, nhất là những trận túc cầu - đấu võ đài với nhiều “pha hồi hộp” tác động tâm ý đang chăm chú nhìn. Tâm ý phóng ra những “đợt sóng xung động làm xáo trộn nội tâm”. Sau khi nghe xong, những đợt sóng xung động này vẫn còn kéo dài một thời gian khiến cho tinh thần không thể yên lặng thanh thản được.

Thí dụ 3: Nghe nhiều sanh động tâm!

Có vị nghe kể lại câu chuyện thật thương tâm hay nghe cải lương với tình tiết thật cảm động - thương mến - sầu khổ: Tâm ý mình bị phóng theo câu chuyện mà động niệm khởi sanh làm rối loạn lòng mình không ít.

Thí dụ 4: Gặp việc bất thường sanh động tâm!

Có vị gặp việc không may như: Tổn hại nhiều về tiền bạc, cửa cải, danh vị, quyền lợi mà mình đang có trong tay, một cách thật đột ngột - thật bất ngờ, liền sanh ra lo lắng, đi đứng không yên vì chỗ mất mát bất ngờ này. Tâm ý cứ nổi lên, cứ phóng ra đủ mặt mà mình không sao làm chủ được, giống như những ngọn sóng nhấp nhô nhảy.

Có vị gặp việc may bất ngờ như: Gặp lại người thân hay bạn thân xa cách lâu nay; làm được việc khó làm mà mình đã từng bỏ công sức ra; thấy được một vài điểm tâm pháp quý mà thường

ngày mình hằng lưu tâm tìm hiểu: Nỗi vui mừng vô hạn làm sanh lòng tháo động không yên ổn!

812. Thử tìm một hướng đi thích ứng cho mỗi chúng ta!

Từ 4 thí dụ trên cho thấy:

Mỗi một giác quan có một phạm vi hoạt động riêng của nó. Mỗi một giác quan hoạt động là yếu tố góp phần làm cho hao mòn dần tiềm năng nội thể như: Tinh lực - Khí lực - Thần lực!

Chúng ta đang trên đường tu tập và tâm ý còn động nhiều vì ngoại cảnh, nếu như quá phung phí sự hoạt động của các giác quan trong sinh hoạt thường ngày thời rất dễ tổn hại lực định do công phu đem lại, tạo cơ hội cho ý thức lý trí và tình cảm làm chủ tạo tác hành vi thân khẩu ý.

Như vậy, không phải chúng ta bo bo ôm giữ sợ mất lực khi hành động để rồi trở thành chỉ biết có mình mà là không nên phung phí sức vào những việc không đâu! Và chẳng, chúng ta đang sống nơi trường đời mà!

Chúng ta nên nghiệm và học lời dạy của Đức Ngài:

Tinh Khí Thần ban đêm tụ ở trái cật, ban ngày ở 3 nơi khác nhau: Tinh ở lỗ tai, Khí ở miệng, Thần ở con mắt. Miệng nói, tai nghe, mắt thấy cái này cái nọ làm cho lần lần hao mòn Tinh Khí Thần. Người tu hành phải lấy Chơn Ý thu Tinh Khí Thần đem vào trong Kim Đảnh (bộ óc). Đó là Tam Huê Tụ Đảnh!

“Tu thiền cố gắng bớt nói, hơi không thoát ra
đặng giữ Khí. Khí được tụ là dưỡng Tinh không
lậu ra lỗ tai, không ở sắc tướng mà ngưng Thần.
Thần không lậu ở con mắt thì mọi việc đều
không. Như vậy, Tâm đi vào trong, tai không
nghe bên ngoài, được gọi Vô Lậu Chơn Nhơn, đó
là Pháp Bế Nhĩ Căn!”

82.Thí dụ về nghi ngờ:

Có vị đến với pháp đạo mang tính thăm dò, tìm
hiểu hay mở rộng thêm nhu cầu tìm hiểu của bản
thân. Về mặt hữu vi, tướng hạnh khéo léo của
các vị tỏ ra là người thật tình đến học đạo và có
thể được nhiều người tin mến. Về mặt vô vi, tâm
hạnh các vị không thể che dấu tự thân mình. Và
chẳng, lần lượt trải qua nhiều thử thách thuận
nghịch thô tế từ hữu vi đến vô vi thời các trạng
thái tâm hạnh đều lộ diện ra hết!

Có vị đến với pháp đạo và trải qua thời gian tu
học, nghe nói pháp khác hay hơn - tu chứng
nhiều “cảnh giới cao siêu” hay đạt thần thông,
lòng sanh nghi pháp mình đang tu tập không biết
có đúng đường không. Hơn nữa, có vị lại “bắt cá
hai tay” bằng cách tìm học thêm 1 hay vài pháp
khác cho chắc ăn, nếu lỡ có sa chân pháp này thì
còn có pháp khác nương tựa.

Việc này, trong quá khứ có vị đã vấp phải và
được nhận lãnh hậu quả tương ứng với tâm ý và
hành vi tạo tác của mình.

Từ hai thí dụ này giúp nhận ra:

Người đến học đạo thì nhiều và lần lượt trải qua thử thách trên nhiều phương diện, tâm hạnh đi vào sự việc hay cái thức thể hiện tánh hạnh nơi tâm - thể hiện tướng hạnh ở hữu vi đều hiện bày ra cả!

Thế nên, đạo pháp không phải dễ tìm mà cũng không phải khó tìm! Một khi tìm được cũng không phải dễ hòa nhập khai sáng tâm tánh vì mình còn đang mang nặng cái tôi qua sự sống hay sinh hoạt thường ngày. Tất cả đều tự nơi tâm mình!

Chỗ tình thật chưa có hay chưa ổn định thì làm sao có được trợ lực khai sáng tâm tánh trên phương diện tâm pháp?! Đức Ngài dạy: “Của quý không ép nài!”

83. Thí dụ về sự biến chuyển của tâm thức:

831. Sự biến chuyển của tâm thức theo tuổi tác!

Khi còn trẻ, ý thức sống được hình thành qua học hỏi mang nặng “tính động” và đi vào sự việc thể hiện tâm tánh động tương ứng. Đến tuổi trưởng thành, “tính động” này giảm dần. Đến tuổi cao niên, tính động thiên về “tính tịnh”. Sự chuyển biến của hình thành ý thức sống theo tuổi tác là bước chuyển tâm thức mang tính động sang tâm thức mang tính tịnh. Đây là sự chuyển biến bên trong tâm thức, còn căn bản chuyển tận gốc tâm thức hay là tâm thức chưa có!

832. Sự chuyển biến của tâm thức do học hỏi!

Từ gia đình đến nhà trường rồi bước chân vào đời, tiếp thu rất nhiều sự hiểu biết cùng kinh nghiệm từ tha nhân và tiền nhân lưu lại hậu thế:

Cái thức hiểu biết biến chuyển làm thay đổi dần từ tâm ý đến cái hạnh hành sử nơi thể sự qua sinh hoạt thường ngày. “Cải tiến hay đổi mới tư tưởng trong trường hợp này là chuyện thường tình của dòng tâm thức sống, không có gì là giải thoát tâm thức vọng ngã cả!”

Đây là chuyển biến của tư tưởng, ý nghĩ hay ý niệm của tâm thức mang dạng khác. Dạng khác của tâm thức biến chuyển này là hình thức rời bỏ cái thức cũ đi tìm cái thức mới, nên đồng vương vào tâm thiên biến vạn hóa do nhân duyên chi phối.

Hãy buông đi cái thức do nhân duyên, do đi tìm sự mới lạ! Hãy buông đi cái dục vọng hiện hành chi phối dẫn đi tìm cái mới mà mình đã áp đặt sẵn bản ngã nơi đó! Mọi tìm kiếm hay mở rộng tiến hóa tư tưởng trong trường hợp này chỉ là chuyển hóa bên trong cái thức, từ cái thức mang dạng này sang cái thức mang dạng khác, đưa chúng ta trôi vào mộng tưởng, sống trong mộng cảnh tâm thức.

Hãy tự nhìn chính mình bằng cách nhìn thẳng vào “tâm thức chuyển biến đó” để nhận ra mọi chuyển biến hình thành cái thức chế ngự bản thân. Đó là nhìn thẳng tận gốc sự biến chuyển của “vọng thức hay giả thức thay đổi bất thường” của mình thì may ra có thể tỉnh thức mà chuyển đổi tận gốc hình thành tâm thức bản ngã, hầu có thể nhận diện cái “thức thật” và sống thật với cái “thức thật” của mỗi chúng ta!

Từ đây cho thấy: Những thấy biết sáng suốt của thời trẻ mang tính động đến lúc cao niên có thể trở thành mai một hay lỗi thời, thậm chí sai lầm hay mâu thuẫn từ trong tư tưởng hay ý nghĩ mà mình đã một thời luôn cho là đúng. Cho nên, sống với ý thức dù động hay tịnh đều là sống với Vọng. Động hay tịnh này chẳng qua là sự chuyển đổi từ bên trong tâm thức chứ không có gì mới mẻ cả!

Nói chung: Các thí dụ qua sinh hoạt hằng ngày này là loại phiền não thường gặp mà chúng ta dễ bị tác động sanh tâm ý không ổn định. Nó là một phương diện của vọng khởi, khiến cho tinh thần tư tưởng không yên ổn - các căn không có khả năng ổn định vì ngoại cảnh. Chỗ này tỏ rõ lực định từ các căn chưa có!

9. Trở lực do Tri và Hành!

91. Tâm tưởng cuộc đời là giả tạm vô thường!

Lời Đức Ngài dạy trong Thánh Giáo giúp nhận ra cuộc đời là nơi khổ, là cõi tạm, là nơi dễ đưa chúng ta chìm vào đam mê dục vọng, là nơi tạm mượn thân xác như ngôi nhà để ngụ mà tu học. Chúng ta đến cõi đời này với hai bàn tay không và khi nhắm mắt từ giả cõi đời cũng với hai bàn tay không!

Tất cả đều vô thường! Đến với mình rồi cũng ra đi, không có gì là thật cả. Từ đây, tâm trí đi vào chấp lấy chỗ gọi giả tạm - vô thường - không thật và tâm trí mang ấn tượng cuộc sống của mình là tạm không có gì chân thật cả. Thậm chí có vị đọc lời cổ nhân “tâm như tường đá, mới vào được

đạo!” đã tạo cho mình mất hết tình cảm sinh động bình thường của một con người bình thường nhằm không vướng víu vào chỗ gọi giả tạm vô thường này. Đây là vọng khởi đi vào cuộc sống tâm tưởng!

Tuy hiểu giả tạm vô thường như vậy nhưng hàng ngày vẫn hiện diện - vẫn tiếp xúc - vẫn sống với cái gọi không thật, như: Ăn uống, ngủ nghỉ, giải trí vui chơi, sinh hoạt làm việc như người đời. Tuy nói giả tạm vô thường nhưng vẫn hiện diện cùng với nó, có phải tự mâu thuẫn chăng? Chỉ vì tâm sống thật tế hằng ngày chưa đủ mở ra để thấy rằng đạo pháp nằm vào tâm hồn và thể xác chính mình, từ ý niệm đến hành động sinh hoạt hằng ngày, chứ không đâu xa cả:

- Chỗ vọng ngã chi phối mọi hành vi từ tư tưởng đến hành động của thể nhân là chơn ngã đi vào mọi hành vi của các vị giác ngộ.
- Chỗ thể hiện phàm tánh qua mọi sinh hoạt thường ngày của thể nhân hiện bày qua hạnh hữu vi chính là chơn tánh thể hiện vào mọi sinh hoạt thường ngày của các vị giác ngộ cũng thể hiện qua hạnh hữu vi này.
- Chỗ gọi cuộc đời giả tạm vô thường với thể nhân do tâm sanh diệt khởi là chỗ chân thật của các vị giác ngộ tự chủ đi vào “chỗ gọi cuộc đời giả tạm vô thường”.

Bên cạnh, do trí phàm chưa đủ sáng nên không ít vị học đạo thường khen chê lựa chọn và luận bàn các giáo pháp tu tập mà vô tình chìm sâu thêm

vào chỗ gọi giả tạm vô thường, tức thể hiện bản ngã ôm trụ giả tướng giả tạm vô thường chứ không phải lìa bỏ giả tướng giả tạm vô thường. Thế nên, người học đạo tâm còn vương vấn thật giả - phải trái - chánh tà mà muốn hiểu đạo hay ngộ đạo là mộng ảo!

92. Áp đặt tâm vào mộng cảnh:

921. Từ bước đầu tu sửa:

Chúng ta ai cũng biết tu là sửa, sửa việc làm xấu thành việc làm tốt, sửa việc làm sai thành việc làm đúng, “sửa lại tâm mình cho thanh không bợn, sửa lại tánh mình cho lành không nhơ”, sửa mình trở thành người có đức tánh đạo đức. Hiểu lý là như vậy! Khi đi vào đối diện sự việc tuy nhìn thấy điểm xấu, điểm sai, điểm thể hiện phạm tánh trần tục mà mình cần phải sửa nhưng tiềm lực bản ngã dẫn dắt hành vi từ tư tưởng đến hành động vẫn còn làm chủ mình và cái dũng lực để hành chưa đủ để vượt qua. Sự cách biệt giữa biết và hành trong bước sơ cơ này rất thường thấy nơi chúng ta.

Nhân thí dụ này lấy làm điểm tựa cho thấy rằng với các vị còn mang nặng cái tôi bản ngã vào học lý đạo cho thật nhiều mà chưa hành bao nhiêu lại cho mình là người hiểu đạo là một cách sống trong tâm tưởng, sống trong mộng cảnh hiểu đạo.

922. Đến các vị từng bước thanh lọc tâm thức thanh sạch dần:

Lìa bỏ dần tâm ý và ý thức, tâm thức thanh sạch dần - trong sáng dần và mở trí tạm gọi là ngộ lý đạo. Tuy ngộ lý đạo nhưng chưa đủ lực sống với

nó, tuy ngộ lý đạo và trên đường hành pháp nhưng chưa đủ lực đi vào hành dụng: Trong trạng thái này, chúng ta dễ chìm vào “mộng cảnh ngộ đạo - mộng cảnh hành pháp” và ôm lấy mộng cảnh này làm nơi nương tựa. Nói cách khác, tiến bước thì không đủ lực hành dụng thể hiện chân lý, buông ra thì không biết nương vào đâu nên đành phải trụ tâm vào mộng cảnh!

Giả như trong trạng thái mộng cảnh này mà đi vào hành pháp hướng dẫn tha nhân và đặt để tha nhân làm như vậy - tu tập như vậy và kết quả thành đạt như vậy, đó là một cách cột tâm vào pháp tu tập và kết quả. Tức cột tâm vào mộng cảnh!

923. Gọi ngộ đạo sao ở vào mộng cảnh?

Cũng nên biết thêm: Từng bước mở trí ngộ đạo do từng bước tương ưng lìa bỏ dần phàm trí, lìa bỏ dần phàm ngã nên chỗ thấy biết này vẫn còn nằm vào “mộng cảnh” chưa phải chỗ tột cùng của sự thật hay chân lý.

Tuy có mở trí nhưng chưa đủ lực hành, đây là trở lực ngăn bước tiến tu trên đường thể hiện tri và hành đi dần đến hợp nhất chỉ vì tâm trụ vào chỗ gọi là hiểu biết - chỗ gọi là ngộ mà có. Vả chăng, từ chỗ thấy chân lý và đi vào hành dụng sống với chân lý, chúng ta lần lượt nhận ra các vi tế ngã pháp chấp hiện đến mà mình phải vượt qua mới có thể từng bước thanh lọc toàn diện tâm thức hoàn hảo.

Đến đây, Đức Ngài nhắc nhở chúng ta thêm: “Định đến, hôn trầm vọng động theo đó sanh”. “Nếu huệ sanh, vọng tưởng theo đó cũng sanh”. Với chúng ta trên đường tu tập thì “tất cả phát hiện hay những gì hiện đến với tâm này” đều từ tâm thức hiện bày. Chúng ta nên lấy đây làm phương tiện pháp đối chứng nhìn lại tự tâm, nhận ra chỗ mộng cảnh - nhận ra chỗ ôm lấy mộng cảnh này vốn là cội rễ chấp sẵn có từ nhiều đời kiếp. Chúng ta nên lấy đây làm phương tiện pháp đối chứng để nhận ra chỗ vương vấn của tâm do chưa đủ định lực giải phóng tiềm lực ngã pháp chấp.

Ngoài ra, nên nhìn lại mình qua 2 điểm có thể nhận ra mức độ tri hành:

- Tâm rối tung khi đối diện sự việc hay tuy hiện diện cùng sự việc mà tâm mình như người vô tư vô sự, đến mức nào?
- Đối diện sự việc phải hành sử với tánh hành động thanh thản đi vào sự việc thì tuy hiện diện nơi sự việc mà nơi sự việc không có tâm mình bị trôi lăn theo, đến mức nào?

Nói cách khác: Từ nội tâm đến ngoại cảnh đều không vương vấn vào tâm và không có tâm ý mình áp đặt lưu vương vào đó, là chỗ học tự tại của mỗi chúng ta!

93. Đức Ngài dạy:

- “Hiếu đạo không chưa đủ, cần phải công phu, phải biết áp dụng đạo lý một cách nhuần nhuyễn vào đời sống thường ngày”.
- “Hễ tu là phải chứng! Điều này chỉ đúng khi chúng ta biết tri hành hợp nhất”.

10. Trở lực do nghiệp lực từ tiền kiếp:

Nhiều việc làm từ tiền kiếp thường do tham sân si, do danh lợi tiền tình tạo nên nghiệp lực, tạo nên cái thức lưu hành vào nhiều kiếp lai sinh.

Thí dụ: Tiền kiếp đã từng làm nghiệp xấu, cái thức làm việc xấu lưu vào hiện kiếp vẫn còn. Hiện tại, tuy thức tâm tu học nhưng nếu gặp môi trường thuận tiện cái thức xấu hiện ra và vị này có thể phải khó khăn lắm mới tránh được hành vi xấu xảy ra.

Nghiệp lực do làm việc xấu từ tiền kiếp là Nhân xấu, nay hưởng Quả xấu và chịu đựng nhiều nỗi khổ tâm khổ trí.

Tiền kiếp đã từng tu tập theo pháp môn tụng kinh - niệm phật - lạy chuỗi. Hiện kiếp, tuy thọ pháp Vô Vi Quy Nguyên nhưng cách tu tập từ tiền kiếp vẫn còn giữ khiến tâm ý đi vào tu học hay hành vi sống như một khuôn khổ nhất định mà không nhận ra rằng các việc làm đó “không ngoài sự xem xét - trau dồi - chỉnh đốn - trui rèn bản tâm mình trở thành trong suốt và thường chiếu”. Lời Đức Ngài!

Qua các buổi học về vô vi, chúng ta nhận ra nhiều vị pháp hữu từ nhiều tiền kiếp đã từng tạo nợ nần oan trái”: Hiện kiếp, tuy vẫn phải thọ nhận nợ nần oan trái này qua nhiều cách khác nhau nhưng nhẹ nhàng hơn hoặc được hưởng ân xá tạm ngưng sự hoành hành do nghiệp lực nhờ thật

tâm tu sửa và biết sám hối lỗi lầm. Tạm ngưng không có nghĩa là dứt!

Trái lại, có vị, hiện kiếp tuy tu học nhưng gặp phải nhiều oan trái cuộc đời mà mình phải trả. Đây cũng là một cách “trả nghiệp được ân xá” nhưng vì nhiều nghiệp khác nhau dồn dập đưa đến trong một thời gian của hiện kiếp thay vì phải trả làm nhiều kiếp. Chỗ này khiến nhiều vị hiểu lầm rồi than van tu hành gặp nhiều trắc trở khó khăn hay van xin ân xá! Các nợ nần tiền kiếp khiến tâm thường bị động, đời sống tinh thần không ổn định vì tâm thức dính liền với các nợ nần.

Nói chung, đây là nghiệp lực từ nhiều tiền kiếp do thân khẩu ý đã từng tạo ra. Ngày nay, cái thức này vẫn còn lưu giữ, đồng thời, vẫn tiếp tục nhận lãnh hậu quả của nó. Nên nhớ, “định luật nhân quả là tuyệt đối đúng!”, không ai có thể tránh né nó vì đó là hiện thân của dòng tâm thức lưu hành theo luân hồi nghiệp quả do chính mình tạo ra. Tuy nhiên, định số hiện kiếp có thể phần nào thay đổi nhờ thật tâm tu sửa và tạo nhiều công hạnh lành hầu thoát dần “cái vòng luân hồi nghiệp báo” là luật nhân quả của Thượng Đế.

Đức Ngài mở thêm cho chúng ta thấy: Tuy bảo rằng “tất cả do tâm, do tâm khởi xướng, nhưng trước khi có tâm thì vạn vật muôn loài, vũ trụ càn khôn đã có trước, con người và nghiệp dĩ tâm tư chỉ phát sanh khi đã vướng vào vòng luân hồi”.

11. Trở lực do thiên ma: Đối lực trên đường tu!

Thiên ma! Chúng tôi muốn nói đến các “đối lực tấn công” mà người tu hành chân chánh thường gặp phải. Ở đây, xin phép trình bày 2 hình thức tấn công thường gặp và dễ nhận dạng:

11.1. Vài thí dụ về đối lực nghịch cảnh:

Có vị sinh sống bình thường, nay phát tâm làm việc thiện giúp đời. Thiện ý giúp đời có thể dừng lại không thực hành được do đối lực. Hay có vị sống bình thường, nay thức tâm xin thọ pháp tu học, liền có thể gặp vài đối lực cản ngăn như:

- Người thân, bạn bè cản ngăn!
- Gia đình bỗng nhiên gặp tai nạn làm mất nhiều tiền của hay phương tiện sống hằng ngày!
- Bản thân bị bệnh, sức khỏe yếu kém nhiều không thể thực thi như ý đã định!

Có vị tu hành tinh tấn, có khả năng làm việc giúp nhiều cho pháp đạo, có thể gặp phải vài đối lực như:

Một vài cách thức hay hướng hoạt động của vị này có thể bị vài “thế lực” khác chống đối hay tạo điều kiện không thật dễ “vu khống ám hại”, làm cho không thực thi được.

Đối lực có thể tạo cho vị này bị tai nạn làm tổn thương thân thể hay tàn phế không còn khả năng làm việc như trước đây, thậm chí còn đe dọa cả tánh mạng bất cứ lúc nào. Các đối lực này đến với các vị tu hành không hẳn do nghiệp lực nhân quả từ tiền kiếp mà lực tấn công, kể cả dựa vào nghiệp lực nhân quả để tấn công, khiến vị tu hành

chân chánh thoái chí nản lòng buông bỏ thiện ý tu hành và phục vụ đạo pháp.

11.2. Vài thí dụ về đối lực thuận cảnh:

Có vị tu hành tinh tấn, được Thầy chỉ dạy tạo cơ hội hành pháp lập hạnh. Nhờ hành pháp nên có cơ hội đối diện nhiều sự việc giúp ích tha nhân và tự thấy khả năng tài trí của mình cũng mở ra.

Tâm trí có cơ hội mở ra hướng đến tha nhân rồi dần dần tự thấy mình có lòng vị tha, có lòng từ bi với nhân sanh, thấy được việc làm tạo nghiệp lực của nhân sanh đi vào luân hồi quả báo mà cảm thấy thương họ nhiều hơn. Từ chỗ thấy biết khả năng của mình mở ra và vị thế hành pháp này dễ đưa mình tự tôn - tự đại hay ngã mạn nếu không biết tự thắng. Đây là môi trường thuận cảnh dành cho vị tu hành tinh tấn, nhưng cũng là môi trường “nghịch cảnh tiến tu” dành cho các vị ôm lấy vào tâm và sanh động niệm.

Có vị thật tâm tu hành và quyết đem thân tâm này phụng sự đạo pháp nhưng khả năng về phương tiện hay tài chánh yếu kém nên không thể làm được nhiều như ý muốn. Đứng trước việc phải làm mà khả năng hiện tại chưa đủ, bỗng có người đến “cúng dường” đáp ứng những gì mình cần. Dần dần, ngay cả ý nghĩ phóng ra về nhu cầu cần đến liền có như ý. Các vị tu hành chân chánh cần cảnh tỉnh thuận cảnh này! Đây là môi trường thuận tiện cho tâm chìm vào dục vọng hay vọng tưởng. Đây không hẳn là nhân quả phước báu mà là đối lực thuận cảnh làm mê hoặc tâm động niệm, nhất là các vị tuy thật tâm vì đạo pháp

nhưng còn mang nặng bản ngã trên đường phụng sự.

11.3. Hoạt động của các đối lực:

11.31. Từ 2 thí dụ thuận và nghịch cho thấy:

Nướng vào thể xác mà tấn công như làm hư hoại một phần hay tàn phế không hữu dụng như trước. Nướng vào tâm trí động mà tấn công khiến cho khi đối việc cảm thấy sáng suốt đi đúng đường hay cảm thấy mờ tối không có lối đi hay những trạng thái hư hư thực thực tiến thoái lưỡng nan.

Các phương diện mà đối lực hoạt động nhằm vào mọi mặt sinh hoạt - mọi sự việc từ đời sống vật chất đến đời sống tinh thần, từ nội tâm đến ngoại cảnh, từ phàm tánh đến các mức độ giác ngộ và cả những nghiệp lực tiền kiếp.

Thí dụ: Thuận theo hay nương theo tâm tánh vị tu hành nhất là điểm yếu về dục vọng, điểm kẹt gốc của nhân sanh tại cõi thế này: Đối lực tạo môi trường hay hoàn cảnh thích ứng để tác động dục vọng hiện hành. Một khi dục vọng hiện tức tâm ý động! Đứng về thử thách, chỉ cần một tích tắc tâm ý động là đủ rớt rồi! Những hành vi đối ứng từ tư tưởng đến hạnh hữu vi tiếp theo chỉ là sản phẩm từ tâm ý động này mà có.

Thưa các vị! Chỉ cần tâm trí các vị bị động, bị dẫn hay tâm trí các vị áp đặt - an trụ vào nơi nào đó là các vị đi vào vòng quỹ đạo dẫn dắt bởi đối lực. Không từ bỏ một cơ hội nào nếu có, đối lực đến với các vị tu hành chân chánh như một nguồn vui,

như một thú vui hay như một nhiệm vụ mà Thiêng Liêng ban. Chúng ta trên đường tu tập, nhận đối lực hay trở lực đến như bài học mở tâm tánh và học tâm trí tĩnh lặng hay học tự tại với mọi sự việc thời không vướng vào sự vận hành của đối lực và đón nhận chúng hiện đến như trò diễn tuồng - như trò chơi giải trí vậy thôi.

11.32. Vài cách tấn công:

Đối lực tấn công bằng 2 cách chính yếu:

Trực tiếp lên thân tâm bằng cách dụng tâm vọng động hay cái hạnh tạo tác phiền não của chính vị tu hành. Gián tiếp qua môi trường sống hay hoàn cảnh sống của vị tu hành.

Để thực thi hành vi tấn công, đối lực có thể:

- Dùng thẳng tâm trí vọng động của vị tu hành để vị này tự mình tạo trở lực cho mình.
- Dùng tha nhân, có thể là người xung quanh hay người thân, có thể dùng tha nhân là vị làm nhiệm vụ của thiên ma.
- Dùng môi trường sống hiện hữu để tạo điều kiện tác động tâm ý vọng động và tác động hành động của vị tu hành theo chiều hướng mà đối lực muốn. Hành vi từ từ tưởng đến hạnh hữu vi của vị tu hành trong trường hợp này thường nằm vào thế bị dẫn mà chính bản thân vị tu hành cũng không nhận ra được do khả năng trí lực nằm vào vòng chủ động từ đối.

Các vị tu hành chân chánh chưa được dịp gặp đối lực tấn công là do đạo hạnh chưa xứng đáng

để các đối lực đến. Nói cách khác: Đạo hạnh còn vương phải một số lầm lỗi như:

- Chìm vào nội tâm những tham sân si ái.
- Chìm vào bên ngoài những danh lợi tiền tình.

Tai hại hơn, không những chìm vào các thứ trên mà còn trở thành phương tiện phụng sự đối lực được ẩn núp dưới lớp áo đạo. Tức rơi vào vòng tay đối lực qua các sinh hoạt thường ngày mà vẫn tưởng là mình sống đạo và phụng sự đạo pháp.

11.4. Vài cách hành xử trước sự tấn công từ đối lực:

Vài sự việc đã xảy ra tại Đại Hùng Linh Điện, Việt Nam và vài nơi khác song song với cách đối ứng của các vị và sự giảng giải của Thầy Từ Minh Đạt dành cho các pháp hữu qua từng bước hành xử cùng kết quả đem lại, chúng tôi nhận ra vài điểm tuy không đầy đủ nhưng có thể góp phần nào trợ lực trên đường vượt thử thách:

11.41. Cách hành xử chung:

Đối lực tấn công thể xác! Nên nghỉ khỏe, không nên phí sức nhiều mà ảnh hưởng tinh thần sáng suốt cần phải có để hành xử việc khác.

Trở lực đến với mình phần nhiều từ thể sự và do thể sự trong tương quan với tha nhân, mà nguồn gốc phát sanh trở lực do tâm vọng động hay từ tâm vọng động thể hiện ra hành vi thái quá. Thế

nên, hành sử các trở lực này nên thuận theo phàm trí thể nhân, nương theo sự việc của đời thường. Không mong tâm trông nhờ vào “phép lạ” trợ giúp mà phải tự hóa giải trở lực vì đây là bài học thử thách dành cho bản thân. Mình mang thân xác nơi đời thì nương thuận theo con người nơi đời mà hành sử! Thuận theo phàm trí thể nhân, nương theo con người sống nơi đời mà hành sử không đồng nghĩa vận dụng phàm trí bản thân đi vào hành sử vì khả năng trí lực này tạo thêm tâm ý động và những gì trí lực này khởi phát đi vào hành sử đều nằm vào vòng tay thống lĩnh của đối lực, vô tình tạo thêm cơ hội cho đối lực làm chủ hoạt động dẫn đường .

Đối lực tấn công tâm trí! Chúng ta có thể ở vào trạng thái như:

- U mê! Hư hư thật thật! Tiến thoái lưỡng nan!
- Cảm giác các vị xung quanh, người thân hay pháp hữu duyên như đang xa mình dần không còn thân thiện như xưa kia!
- Vai trò hay chỗ đứng của mình nơi pháp đạo như lung lay, như chuyển hướng!

Trường hợp này không thể dùng phàm trí vì phàm trí đang bị đối lực làm chủ. Chỉ có trí giác mở sáng tâm hành đạo mới có thể soi tan trở lực! Nói cách khác, chân trí hay chân ngã mới có thể giải phóng tâm trí bị áp đảo!

11.42. Hành sử khi tâm trí bị tấn công:

Chúng ta chưa mở chân trí, phàm ngã chưa quy phục hội nhập chân ngã thì làm sao? Nên nhớ lời

Đức Ngài dạy: “Công phu là phương tiện đi vào thanh tịnh!”

Do vọng động vì tham sân si ái, vì danh lợi tiền tình hay vì lý trí phụng sự cho tình thức cùng các dục vọng nên người học đạo đón nhận hưởng thụ các phiền não trở lực này do đối lực tác động mà không hề hay biết, lại những tưởng là mình sáng suốt để rồi rơi vào trạng thái như chấp nhất - khẳng khẳng giữ lấy lẽ phải thuận theo phiền não trở lực mà luôn cho là đúng. Trong trạng thái trụ chấp này dù mình có đủ sáng suốt tỉnh tâm và quyết loại bỏ trở lực cũng không được. Vì sao? Trụ chấp hay loại bỏ - xả bỏ đều là một cách trụ chấp tuy mang dạng khác nhau! Công phu là phương tiện trợ lực đi dần vào định căn, đi dần vào thanh tịnh căn, áp lực từ các giác quan khi đối việc nhẹ dần - nhẹ dần đến không còn nữa. Các vọng thức chi phối tâm trí khi đối việc không còn cơ hội làm chủ, các ý niệm không bị động vì sự việc như một trở lực. Như vậy, trí sáng suốt mới có thể mở dần ra!

Thế nên, đối diện đối lực tấn công thì công phu tỉnh tấn mở ra lực định cho thân khẩu ý an trú khi đối diện sự việc là phương tiện có thể trợ giúp hóa giải dần các trở lực. Vì sao? Đối lực chỉ có thể hoạt động được khi tâm vọng khởi, khi trí động loạn! Đối lực tấn công tâm trí không còn đặt ra với định lực tự tại! Đối lực tự tan hàng, tự rút lui hay có thể chuyển hướng quay về với chúng ta vì không có đất dụng võ tạo tác hành vi gây rối. Đến đây, chúng ta có cơ hội nhìn hoạt động của

đối lực vừa qua như trò ảo thuật diễn bày vui vui vậy thôi.

11.43. Lời Đức Ngài dành cho các pháp hữu như khẩu quyết đối diện đối lực:

Thiên ma có thể biến thiên hình vạn trạng, chỉ thua Phật ở Lậu Tận Thông mà thôi. Do đó, các chú phải rèn luyện bản thể cho mực thước nhún nhường, tuyệt đối đừng để lộ thần thông! Các chú cần trau dồi thân khẩu ý được thanh tịnh! Tâm thanh tịnh trong mọi công việc lành dữ, đó là cốt yếu nhất của người tu! Trong thư ngỏ của Thầy Từ Minh Đạt gửi cho chúng pháp hữu VVQN trong và ngoài nước: “Thanh tịnh là điều Đức Ngài mong muốn ở mỗi người chúng ta!”

Tư tưởng - lời nói và hành động luôn luôn an trú trong chánh niệm!

12. Trở lực do tâm trí “mờ mờ tối tối” như màn lưới đen bao phủ:

Tâm trí mờ tối ở đây không do đối lực tấn công mà do chưa khai mở trên đường tu học. Giúp dễ hiểu, chúng tôi xin tạm đưa 2 phương diện đối nghịch có thể nhận ra chỗ mờ tối này:

12.1. Tam mượn 2 thí dụ về tinh thần sáng suốt:

Khi Đức Ngài còn tại thế, thỉnh thoảng chúng ta quỳ bên Đức Ngài xin ban điện lành. Khi vừa được ban điện lành, cảm thấy thân thể nhẹ nhàng và tinh thần thanh thản như không còn vướng vào chuyện vui buồn thế gian. Bên cạnh thanh thản nhẹ nhàng này, đôi khi chúng ta cảm thấy tâm trí tỉnh sáng lạ thường mà từ trước đến nay

mình chưa bao giờ có, kể cả những lúc thân thể thật khỏe với tinh thần gọi là sáng suốt cũng không thể sánh được. Trước đây, bản thân chúng tôi là người bệnh, được Đức Ngài nhiều lần ban điện lành và cảm nhận được các trạng thái này. Những buổi công phu đúng mực, tâm hồn thanh thản nhẹ nhàng, trí tỉnh tươi! Thậm chí, thức cả đêm sáng đi làm mà không biết buồn ngủ hay mệt mỏi là gì!

12.2. Tam mượn 2 thí dụ về tâm trí mờ tối:

Có vị sau khi ăn no cảm thấy buồn ngủ, mệt mỏi, uể oải, lười và thích nằm ngủ nghỉ. Ăn no là một phương diện của thể xác tạo nên buồn ngủ, uể oải, mệt mỏi ảnh hưởng tinh thần không muốn làm gì cả. Bên cạnh, tâm trí lúc này “dường như” không mấy sáng suốt, lười động não, lười suy nghĩ và đầu óc cảm thấy như có cái gì mờ tối che đi sự linh hoạt sáng suốt.

Có vị đi vào hành sự việc, cảm thấy như có cái gì đó bao phủ hướng dẫn chi phối hành vi thân khẩu ý. Đây có thể tiêu biểu ý niệm vô minh khởi dậy như lười mê làm mờ tâm trí tỉnh sáng! Từ đây, có thể tạo nhiều nghiệp lực quả báo mà chính bản thân trong khi hành động vẫn luôn luôn cho là đúng.

Hình dung sự tương phản giữa sáng suốt và mờ tối, giúp chúng ta nhận ra “bức màn mờ mờ tối tối” che tâm trí, như vàng mây đen, như hổ sâu đen thẳm phủ trùm lên làm chủ trong mọi sinh hoạt, khiến mình không còn linh hoạt sáng suốt:

Thực tế là khả năng phàm trí - phàm tánh làm chủ trong mọi sự việc đưa đến mà mình phải hành sử. Phàm tâm thức được gọi là thanh lọc nhường lại cho tâm thức bản ngã mang nặng hồng trần chiếm lĩnh.

12.3. Làm sao phá tan bức màn mờ mờ tối tối?

Tinh tấn trong công phu: Thanh điển là nguồn trợ lực thanh lọc dần phàm thức thấp kém, trợ lực thanh lọc dần tâm tánh phàm tục. Đây là mượn phương tiện công phu từng bước thanh lọc tâm thức, lia dần lý trí phân biệt và lia dần tình cảm cùng ham muốn của vị ngã.

Trau dồi đức hạnh: Thay cho hành vi thường ngày bị chi phối bởi vị ngã hạn hẹp, song song với công phu là trau dồi đức hạnh, một cách mở rộng dần tâm tánh, lia dần các tần số rung động của tâm thức vị ngã thấp kém, mở dần ra các tần số rung động của tâm thức thanh cao, hành vi từ tư tưởng đến hành động hướng thiện - hướng thượng - hướng đạo mở ra.

Đây là mở đường hành dụng, đi vào hành pháp! Con đường rèn luyện tâm tánh thật sự trong sạch thanh cao từ nơi thể sự phải mở ra trước mới có thể mở đường cho đời sống tâm linh thật ngã và chướng ngại do tâm trí mờ mờ tối tối như màn lưới đen bao phủ mới có thể từng bước tan đi! Sau hết, điểm cần yếu của người học đạo nên lấy lời Đức Ngài làm phương châm: “Tu là sửa! Công phu là phương tiện! Trau dồi đức hạnh là căn cơ!” Sự thành tâm tu học, tinh tấn trong công phu và phẩm hạnh có thể được trợ lực tiếp dẫn khai mở

tâm tánh và xóa tan dần bức màn mờ tối! Thực tế, khả năng phạm trí của người học đạo không thể đủ lực tự giải thoát khỏi chỗ u mê này!

Được trợ lực tiếp dẫn không đồng nghĩa “dọn sẵn - làm sẵn” tất cả cho chúng ta hưởng mà nên hiểu là mình có môi trường thuận tiện học hỏi, có dịp nhìn lại bản thân khi đối diện sự việc như phương tiện pháp đối chứng để tu sửa, có dịp đem khả năng đi vào hành pháp phát huy trí huệ và đức hạnh.

Học phải hành! Hành là hạnh! Đem cái hạnh đi vào thể sự học Đức Tánh của Tâm Thanh Tịnh mà Minh Tâm Kiến tánh! Đức Ngài hay các vị Minh Sư mở đường cho chúng ta tu sửa chớ không thể tu sửa thay chúng ta! “Chúng ta hãy tự thấp đuốc lên mà đi!” Vào thời gian cuối trụ thế. Đức Ngài dẫn dụ: Đức Ngài đã dọn sẵn mâm cơm và đút tận miệng cho chúng ta nuốt, nếu chúng ta không nuốt thì Đức Ngài cũng chịu thôi! Nuốt đây là cái Hành - cái Hạnh của người học đạo!

Kết Luận: Nói chung về các trở lực:

- Trên đường tu học, chắc chắn chúng ta không tránh khỏi vài trở lực mà mình phải vượt qua. Các trở lực này do tâm vọng động! Tâm động hay tâm bị động là do sự việc chi phối các căn làm khởi sanh các thức phân biệt, khởi sanh trí hiểu của phạm ngã, khởi sanh lý trí bị hướng dẫn bởi tình cảm và dục vọng, nên các trở lực này còn gọi là vọng.

- Các vọng hiện hành qua ý thức vì ý thức là chủ nhân trong mọi sinh hoạt thường ngày. Nó là dòng tâm thức bản ngã mà người học đạo phải Thức! Trái lại, tâm tịnh thì trở lực dù có dồn dập đến đâu cũng không đủ lực tác động các căn chi phối phàm tánh và hành vi nên chúng không có chỗ nương tựa để tiếp tục.
- Các trở lực thật đa dạng và hiện diện vào mọi phương diện từ nội tâm đến ngoại cảnh qua sinh hoạt thường ngày, còn gọi là trở lực tâm pháp.
- Các trở lực này là phương tiện pháp đối chứng trợ giúp chúng ta học tự tại nơi thể sự mà các bậc Thánh Trí thường dạy: “Nơi tâm vô sự! Nơi sự vô tâm!”

Hướng học của chúng ta: Công phu là phương tiện đi vào vô niệm để thanh lọc ô nhiễm nơi tâm - để thấy rõ nơi tánh qua trau dồi đức hạnh! Bí quyết thấy Tánh là Tự tại mà sự việc trong sinh hoạt thường ngày là phương tiện pháp! “Các trở lực có hay không là do nơi trí! Thiên đàng - Niết bàn do trí mà có!”

PHƯƠNG DIỆN TÂM PHÁP CỦA HÀNH VI BẢN NGÃ

Đức Ngài dạy: “Bản ngã của ta: Tư tưởng và hành động của “ta đây” là kiêu căng phách lối, tự tôn tự đại trong những hành động và tư tưởng!” Qua các buổi sinh hoạt, Thầy Từ Minh Đạt

thường nhắc nhở các vị pháp hữu hãy bỏ bản ngã của mình xuống!

Thưa các vị! Chúng ta đang sống với phạm ngã nên một ý niệm hiện hành - một phóng ý vào sự việc hay từ sự việc - từ diễn tiến ngoại cảnh tác động tâm ý khởi là nhân tố góp phần gia tăng tiềm lực hành vi bản ngã. Do đó, bài viết lần lượt phân giải vài phương diện hiện hành hành vi bản ngã trong sinh hoạt và đả phá chấp thủ hành vi bản ngã từ ý niệm cho đến sự việc. Chúng tôi cũng không ngại nêu vài hình ảnh đã đi sâu vào tiềm thức và trở thành thói quen bình thường trong sinh hoạt dường như không có gì là thể hiện bản ngã cả nên có thể làm phật lòng người đọc. Kính mời các vị cùng chúng tôi tìm hiểu:

1. Khái niệm về hành vi bản ngã:

Hành vi bản ngã là hành vi của cái ta hay cái tôi, còn gọi hành vi vị ngã. Hoạt động bản ngã thể hiện chỗ vì bản thân, cho bản thân, phục vụ bản thân hay vọng ngã. Hành vi bản ngã phô trần tâm tánh chưa rộng mở trong tương giao với tha nhân và sự việc.

11. Hai phương diện của hành vi bản ngã:

111. Phương diện cái tôi trong hành vi bản ngã.

Thí dụ:

Sống trong cảnh nghèo lấy làm than thân trách phận. Sống trong cảnh giàu, hy vọng có ngày giàu có hơn. Trong hoàn cảnh sống nào cũng cảm thấy không hài lòng. Đó là cái tôi than thân trách phận, cái tôi hy vọng, cái tôi không hài lòng!

Khi làm được việc lòng cảm thấy thỏa mãn! Khi được người khen lòng hớn hờ vui mừng! Khi người nâng mình lên, lòng tự cao cũng nổi lên theo! Đây là cái tôi thỏa mãn, cái tôi hớn hờ vui mừng, cái tôi tự cao!

Khi bị Thầy rầy, chúng ta lấy làm buồn, thậm chí ý nghĩ Thầy sao khó quá! Đây là cái tôi buồn, cái tôi ý nghĩ!

Cái tôi trong hành vi bản ngã thể hiện phản ứng của tâm trí - phản ứng của bản thân như lời đáp trả đối với sự việc!

112. Phương diện cái của tôi trong hành vi bản ngã. Thí dụ:

Trong sinh hoạt trao đổi góp ý kiến bàn bạc nhau: Nếu luôn giữ ý kiến của mình là đúng và quyết bảo vệ ý kiến này là thể hiện cái của tôi. Đồng thời, cũng thể hiện cái tôi hiện diện ngay nơi chỗ giữ ý kiến hay bảo vệ ý kiến đó.

Chúng ta có nhà để ở, tiền để chi tiêu, phương tiện để dùng trong sinh hoạt. Nhà, tiền, phương tiện là của mình, là vật sở hữu của mình. Ý nghĩ phương tiện chỉ dùng cho bản thân là thể hiện cái của tôi, đồng thời cũng thể hiện cái tôi hiện hành ngay nơi ý nghĩ đó!

Một sản phẩm bày bán được nhiều người ưa chuộng, nếu có người làm giả mạo hạ uy tín trên thị trường tiêu thụ, mình nghĩ nhiều phương cách đáp trả. Nghĩ nhiều phương cách đáp trả là hành vi bảo vệ quyền sở hữu sản phẩm, thể hiện cái

của tôi. Ý nghĩ bảo vệ quyền sở hữu đủ hiện bày cái tôi ngay nơi ý nghĩ đó!

Cái của tôi trong hành vi bản ngã thể hiện phản ứng của tâm trí - phản ứng của bản thân như lời đáp trả đối với sự việc của mình hay liên quan đến mình! Hành vi này là hoạt động của cái tôi!

12. Vài khuynh hướng thông thường trong hành vi bản ngã: Thí dụ:

121. Khuynh hướng vi kỷ hẹp hòi:

Đi đường gặp người già yếu cần “phụ giúp một tay” mà khả năng mình làm được nhưng lại lờ đi. Đây là hành vi vi kỷ, chỉ biết có mình! Nếu người già yếu là thân nhân thì nhanh chân phụ giúp. Đây là hành vi hẹp hòi vì nơi lòng còn phân chia thân sơ!

Vì công danh, vì danh dự, vì sự nghiệp, vì sự sống còn của bản thân hay gia đình mà đôi khi tuy biết việc làm của mình có phương hại đến tha nhân nhưng vẫn làm. Đây là hành vi chỉ biết có mình, làm lợi cho mình bất chấp hậu quả ập đến tha nhân.

122. Khuynh hướng tự cao - tự tôn:

Trong thân tộc, vì hoàn cảnh nên ít người có dịp tiến thân trên đường học vấn, trên đường tạo dựng sự nghiệp. Riêng bản thân, có được may mắn thành đạt hơn người thân rồi sanh tự hào, lấy làm hãnh diện về thành quả có được.

Bản thân làm được việc có ích cho tha nhân, cho xã hội mà bạn bè đồng cảnh - đồng tuổi không làm được rồi sanh tự kiêu, tự cho mình là hơn người hay thậm chí xem thường tha nhân vì họ không bằng mình.

Khi tha nhân nói xấu về mình, khi tha nhân có hành động thất lễ - xem thường mình, liền phóng ý hay hành động đáp trả vì bản thân không muốn ai xem thường mình.

Mình hơn người thật! Nhưng chỉ cần một ý niệm tự hào, một ý nghĩ tự kiêu, một phóng ý tự nâng mình lên đủ thể hiện hành vi bản ngã lộ diện nơi tâm trí.

123. Khuynh hướng khoe khoang:

Làm việc đem lại thành quả tốt liền khoe tài năng để đón nhận lời khen từ tha nhân. Chỉ cần một ý niệm khoe, một hiện ý đón nhận lời khen đủ phô bày hành vi bản ngã nơi bản thân.

Lời dạy của tiền nhân đôi khi có chỗ khó hiểu nhất là các kinh luận. Bằng sự miệt mài tìm hiểu, bất chợt tâm trí bừng sáng ra. Đem chỗ hiểu này trao đổi cùng bạn đồng học khi có dịp, nhưng nếu qua trao đổi mà khởi ý khoe - tỏ ý hơn người là thể hiện hành vi bản ngã!

124. Khuynh hướng sở hữu - chiếm hữu:

Đi chợ thấy món hàng đặc ý, dù không đủ tiền mua nhưng cũng tìm cách mua về làm của. Chỉ cần một ý niệm thu lấy món hàng làm của riêng đủ thể hiện ý niệm chiếm hữu của bản ngã. Nếu

có người mua, mình tranh mua là thể hiện tánh hành động chiếm hữu của bản ngã.

Bản thân từng bỏ ra công sức hoàn thành một tác phẩm. Tác phẩm được phổ biến đến nhiều người. Nếu có ai đó trích dẫn làm tài liệu riêng mà không xin phép mình liền phản ứng. Đó là hành vi sở hữu của bản ngã.

125. Khuynh hướng cực đoan:

Trong gia đình, mình là chủ nhà, là ông bà đối với con cháu. Khi quyết định một việc gì liên quan đến gia đình thường con cháu nghe theo vì chúng nó kính trọng mình, tôn trọng ý kiến của mình. Nhưng khi quyết định, chỉ cần một ý tưởng là con cháu phải nghe theo, đó là ý tưởng bản ngã cực đoan.

Là cấp chỉ huy, là giám đốc một cơ quan, mọi quyết định đều được thi hành. Nhưng khi quyết định mình thể hiện cái quyền đối với người thi hành, dù sự thể hiện này chỉ là một ý nghĩ - một lời nói bình thường - một cử chỉ hay một thái độ nhẹ thôi đủ thể hiện bản ngã cực đoan nơi tâm trí.

126. Khuynh hướng đua chen - tranh giành - hơn thua:

Trường đời là trường danh lợi! Thấy tha nhân có danh vị hơn, có quyền lợi hơn, có tiền của hơn, mình quyết vắn thân đua chen để thành danh, để có quyền lợi và thu lợi về bản thân thụ hưởng như người. Đây là hành vi bản ngã đua chen!

Thấy người làm việc lành giúp tha nhân, mình cố sức làm việc lành giúp tha nhân nhiều hơn người. Đó là hành vi bản ngã cố sức tranh làm việc lành!

13. Vài nét chung về hành vi bản ngã:

Hoạt động của hành vi bản ngã thật đa dạng, nó đi vào mọi phương diện sinh hoạt từ ý nghĩ đến hành động và việc làm. Một ý niệm, một phóng ý, một lời nói, một hành động, một cử chỉ, một nét thay đổi qua tư cách - một biến hiện qua tướng diện hay một mong muốn, một ước ao, một trông chờ, một cố gắng thực thi các khuynh hướng nào đó đều thể hiện hành vi bản ngã. Các hoạt động thể hiện vài đặc điểm chính:

131. Hành vi bản ngã là hành vi chấp! Thí dụ:

Hành xử sự việc, chúng ta đi theo dẫn dắt của lý trí hay của tình cảm, là chấp vào ý thức. Đối diện sự việc thường ngày, chúng ta hành động như một thói quen, hành động như một tập quán, là chấp vào cách hành động như một khuôn khổ đã in sâu nơi tâm trí. Thấy diễn biến từ nội tâm đến ngoại cảnh đều như thật là chỗ chấp của phàm trí.

Khi giải quyết vấn đề, chúng ta dựa vào một số chuẩn mực nào đó, là chấp vào hướng đi hay định hướng. Bước vào tu học, “an thân” vào pháp tu đã mở sẵn mà không phải “động tâm động trí” tìm hiểu; Thầy hướng dẫn hành xử sự việc, chúng ta tiếp nhận như một máy copy: Đây là thể hiện hành vi bản ngã!

Những gì chúng tôi trình bày nơi đây, các vị thuận theo hay an tâm đi theo cũng có thể là một cách chấp! Chính chỗ “thuận theo hay an tâm” như một máy copy là cơ hội cho cái thức tiếp nhận và dẫn dắt, phát huy hoạt động của bản ngã vì chỗ sáng suốt của tâm trí không có. Vì sao?

Chấp là đi theo - thuận theo một hướng đi, một cách hành động, một tiến trình như thói quen, như tập quán hay quán tính, như sẵn có, như chuẩn mực! Chấp là đem đối tượng vào tâm trí mở ra hướng đi, mở ra hướng hành sử là thể hiện tinh thần sống hướng ngoại. Cái gì là thật của mình đâu? Chỗ thuận theo hay an tâm đi theo này không hẳn là chỗ định lực của tâm đón nhận hay thấy biết sáng suốt sự việc, không hẳn là tâm thanh thân tự nhiên của người ung dung tự tại: Một sự việc diễn ra đi vào nội tâm đó là chỗ đón nhận của tâm ý - ý thức có khả năng gia tăng hành vi bản ngã.

132. Hành vi bản ngã thay đổi vô thường!

Thí dụ:

Khi còn trẻ, tánh năng động tỏ ra là người hăng say làm việc, thể hiện hành vi bản ngã động từ tâm trí đến bắt tay vào làm việc. Tuổi già sức yếu, tánh chậm chạp tỏ ra là người không thiết đến việc làm, thể hiện hành vi bản ngã thiên tịnh từ tâm trí đến bắt tay vào làm việc. Tác phong hành vi thay đổi theo thời gian tâm sinh lý, có gì là thật của mình đâu? Hành vi bản ngã là sản phẩm được tác thành theo tuổi tác!

Cùng một sự việc phải hành xử: Hôm qua, ý nghĩ tốt và đi vào hành động bảo vệ sự việc này. Hôm nay, ý nghĩ xấu và đi vào hành động từ bỏ sự việc này. Tác phong hành vi thay đổi theo tư duy, thay đổi theo tâm ý áp đặt vào sự việc, có gì là thật của mình đâu? Hành vi bản ngã là sản phẩm được tác thành theo tâm ý thay đổi, theo kinh nghiệm trải qua.

Tính vô thường của hành vi bản ngã là sản phẩm được hình thành do tâm ý thay đổi vô thường, thể hiện sự biến chuyển của tâm thức tự nó tạo nên phiền phức và mâu thuẫn cho chính nó!

Hành vi bản ngã có tính mâu thuẫn!

Thí dụ:

Hành vi bản ngã hiện hành vô số trạng thái lý trí - tình cảm - dục vọng luôn thay đổi với nhiều lớp áo bao phủ khác nhau.

Hành vi bản ngã mang nhiều sắc thái như thiện ác, tốt xấu, hay dở, phải trái, đúng sai. Tự nơi bản thân hiện diện đủ các mặt đối nghịch mà rõ nhất là vừa mang tánh ác vừa mang tánh thiện trong một con người. Thế nên, hành vi bản ngã “linh hoạt” có thể vo tròn hay bẻ cong sự việc làm sai đi sự thật.

Khi gặp việc phải hành xử, phải đối diện với những khó khăn, nhất là những phân tranh thắng bại hơn thua, bản ngã thường tìm cách biện minh cho cái tôi. Đây là cơ hội tạo thêm giả dối ngay trong mâu thuẫn và nuôi dưỡng mâu thuẫn trong mâu thuẫn. Hành vi bản ngã trở thành phương tiện phục vụ sự việc dẫn đi.

Vọng ngã chi phối hành vi tạo nên muôn màu muôn vẻ trong một con người. Chấp - thay đổi và mâu thuẫn luôn hiện diện cái tôi nơi đó. Cái tôi đó không phải thật của mình! Hành vi nào còn hiện hành cái tôi bản ngã thì còn chìm vào định luật vô thường - vô ngã - bất tịnh và khổ. Đây là gốc thuận theo luân hồi của thể nhân bị đi trong sanh tử!

2. Thể hiện hành vi bản ngã:

21. Hành vi bản ngã thể hiện trong ý tưởng chấp thủ:

211. Thí dụ 1: Sợ chết vì cho thân này là thật của mình!

Thể xác này rồi cũng tan rã, gọi là chết và thường thì ai cũng sợ chết. Qua các buổi học về vô vi chúng tôi nhận thấy:

- Từ bỏ thân này, bước sang cõi khác mang “hình hài” khác hoặc đầu thai trở lại dương gian cùng với cái thức lưu hành theo luân hồi. Mỗi một chúng ta đã trải rất nhiều kiếp sống. Mỗi một kiếp sống với “hình hài” riêng.
- Con người có chết đâu? Chẳng qua là sự thay đổi hình hài theo nhân quả nghiệp lực mà thôi!

Ý tưởng chết và sợ chết nơi mỗi chúng ta là do bản ngã áp đặt lên tâm trí cho rằng thân này là thật của mình nên sợ nó mất đi. Đây là ý tưởng sở hữu của bản ngã!

212. Thí dụ 2: Thiếu linh hoạt trong pháp tu tập do bản ngã chấp thủ!

Các vị đến với Thầy thọ Pháp tu học: Có vị Thầy dạy lễ bái! Có vị Thầy dạy lập hạnh! Có vị Thầy dạy công phu! Có vị Thầy giao việc làm! v.v... Tùy căn cơ và mức độ hiện có, Thầy hướng dẫn không đồng:

Lời hướng dẫn thích hợp vào giai đoạn này nhưng thời gian sau có thể không còn thích hợp nhờ tinh tấn trên đường tu tập.

Lời hướng dẫn cho vị này chưa hẳn thích hợp với mình vì mình đã học rồi hay đã trải qua từ tiền kiếp.

Như vậy, pháp tu tập là phương tiện dùng, không nên luôn luôn ôm giữ như “hành trang duy nhất của mình” mà trở nên thiếu linh hoạt! Sự thiếu linh hoạt này do bản ngã áp đặt vào “tâm trí ôm lấy” những gì mình có. Đây là bản ngã chấp thủ!

213. Thí dụ 3: Cội rễ hành vi bản ngã chưa chuyển!

Cội rễ hành vi bản ngã chưa chuyển về mặt tiếp nhận và truyền đạt:

Giả sử như mình được Thầy trực tiếp hướng dẫn hay được duyên may bên cạnh Thầy chỉ dạy trên đường hành pháp rồi “giữ làm của riêng” và không muốn tha nhân có được những hướng dẫn này mặc dầu lời chỉ dạy này của Thầy cần phổ biến cho nhiều người cùng học, góp phần mở rộng giáo pháp cho nhân sanh cùng các thế hệ mai sau đến với pháp đạo. Đây là bản ngã chiếm

hữu, thể hiện cội rễ ngã pháp của Mật Na Thức vẫn còn tiềm tàng khuynh hướng hẹp hòi vị kỷ.

Nếu nhìn theo người đời, tha nhân có thể trọng mình vì được bên cạnh Thầy chỉ dạy hay vì có được nhiều hiểu biết hơn. Nếu nhìn về mặt chuyển hóa tâm thức, tức cởi bỏ cội rễ ngã pháp chấp, thì việc tu học của mình tạo thêm nhiều trạng thái khác nhau cho tâm thức bản ngã, làm giàu thêm kiến thức - kinh nghiệm và tư tưởng cho tâm thức bản ngã, chứ không có gì là giải thoát khỏi hành vi bản ngã cả! Vì sao? Sự tích lũy trên đường tu học tạo thêm gánh nặng trói buộc tâm thức, căn bản là tâm ý và ý thức chưa có!

Một ý niệm giữ làm của đủ thể hiện ý tưởng bản ngã dẫn dắt. Một hành vi lưu giữ không muốn tha nhân cùng hiểu như mình đủ thể hiện lòng hẹp hòi do cội rễ chấp thủ từ Mật Na Thức. Đây là gốc gia tăng tiềm lực hành vi bản ngã trong hiện kiếp!

Cởi rễ hành vi bản ngã chưa chuyển về phương diện công phu và tu hạnh:

Thầy hướng dẫn công phu làm phương tiện trợ lực các căn lìa ngoại tướng, giảm áp lực giác quan chi phối vì ngoại tướng. Đây là phương tiện giúp lìa giới tướng nơi tâm! Thầy hướng dẫn tu tập hạnh là đi vào thể sự trên đường hành pháp. Đây là phương tiện giúp mở tâm trí!

Phương tiện công phu lìa giới tướng nơi tâm, đi vào tu hạnh - đi vào hành pháp, trợ lực nhận ra sự việc nơi thể sự không có thật, chúng là hình ảnh hư huyền.

Nếu như “ôm giữ công phu làm của” thời có thể đem lại tinh thần ổn định và hưởng thụ thiền lực. An trụ thân tâm trong thiền lực người học dễ đi vào trạng thái sống như hư ảo. Nhìn sự việc nơi cõi đời là không thật, là giả dối. Nhưng khi đối diện sự việc chỗ tinh thần ổn định này chưa đủ lực soi sáng sự thật hư ảo. Đây là hậu quả của bản ngã chấp thủ công phu là hơn hết!

Muốn khai mở tâm trí phải tu hạnh là đi vào sự sống thực tế mà hành dụng. Đồng thời, phải biết lìa bỏ phương tiện công phu để thoát khỏi ràng buộc vì phương tiện, phải biết nương theo sự việc mà hành động và không vướng sự việc nơi tâm nhờ lực định do công phu mang lại. Đối diện sự việc mà không vướng vấn lưu tâm mới có thể nhận ra chỗ hư ảo của sự việc.

Nếu chỉ biết tu hạnh mà không công phu là mở đường cho vọng ngã làm chủ, dọn đường cho tánh hành động đi theo nhân quả nghiệp báo. Đây là hậu quả của hành vi bản ngã chấp thủ lập hạnh, xem nhẹ công phu lực, làm sao đủ lực soi sáng sự thật hư ảo nơi thế sự?!

Bước thêm một bước trên đường lìa bản ngã:

Ngay cả ước muốn hay ý hướng thấu tỏ sự thật hư ảo nơi thế sự cũng đủ phô bày bản ngã nằm nơi ước muốn hay ý hướng rồi! Phóng ước muốn hay ý hướng thấu sự thật hư ảo tạo thêm hư ảo cho hành vi bản ngã! Từ đây cho thấy thêm vài nét vi tế trên đường tu học trở về nguồn cội:

- Một phóng ý đến nguồn cội là một ý hướng ngoại phóng ra hiện hành cái tôi bản ngã nơi đó!
- Một ý niệm giác ngộ đạo pháp hiện hành, một ý niệm thành đạt giải thoát thân khẩu ý đều là tiến trình củng cố cái tôi bản ngã.

Vì sao? Nguồn cội! Giác Ngộ! Giải thoát! Đó chính là tướng nguồn cội - tướng giác ngộ - tướng giải thoát và cũng là tướng phiền não của tâm! Dù một phóng ý vô tình hay một ý niệm khởi vô tình nhưng cái vô tình này đủ phô bày cội rễ ngã pháp chấp của Mạt Na Thức vẫn còn đó. Chỗ giác ngộ - giải thoát đó là thức tướng bản ngã!

22. Hành vi bản ngã thể hiện trong tình cảm:

221. Thí dụ 1: Tình cảm bình thường:

Môi trường làm việc thường bị người mạnh hơn, có quyền thế hơn, ép buộc mình phải làm theo họ, cảm thấy tủi nhục rồi sanh lòng oán hận. Tủi nhục, oán hận thể hiện tình cảm riêng của mình là cái tình vị ngã!

Có người thân, thương mến người mình thân. Rồi người thân ra đi, nỗi lòng thương nhớ tràn dâng! Đây là tình cảm do hành vi bản ngã áp đặt và cũng là tình cảm thiên lệch theo đối tượng của tâm ý.

Một niệm tình vì tha nhân, do tha nhân dù tốt hay xấu, là niệm tình bản ngã hướng đến tha nhân, trưởng dưỡng thêm cái tôi bản ngã.

222. Thí dụ 2: Tình thương đến với tha nhân.

- Nhìn vị triệu phú phung phí tiền của, lòng không mấy thiện cảm với họ.
- Nhìn người thân - bạn bè với cuộc sống vất vả, làm việc cực khổ, động lòng thương mến.

Tình thương yêu tha nhân nơi đây là tình thương phân biệt theo đối tượng giàu nghèo, chỗ chân thật của tình thương chưa có. Vì sao? Từ trong ý tưởng còn phân biệt thì dù có mở rộng tâm đến đâu vẫn là tình thương vị ngã thuận theo chiều hướng cá tính. Thương tha nhân mà thấy mình thương tha nhân đó là bản ngã đi vào tha nhân, áp đặt lòng mình vào tha nhân. Đây không phải tình thương chân thật, có chăng là tình thương của cái tôi bản ngã!

223. Thí dụ 3: Tình thương cứu độ tha nhân:

Một vị có cuộc sống vật chất đầy đủ, cảm thấy hạnh phúc đến với mình bằng vật chất, không thiết gì đến hạnh phúc tâm linh, không thiết đến tu sửa là gì. Nhìn vị này, chúng ta không mấy thiện cảm vì xem vật chất như cứu cánh cuộc đời.

Một nhân sanh thức giác xin thọ pháp tu học, chúng ta mở lòng cứu giúp.

Cái tình thể hiện với 2 vị và lòng rộng mở hay khép lại trong 2 trường hợp tương phản cho thấy tình thương cứu độ tha nhân chưa thật có vì còn phân biệt nơi tâm trí. Đến với tha nhân và cứu độ tha nhân: Điểm cứu độ đầu tiên phải là cứu độ từ tư tưởng - ý nghĩ, từ quan niệm nhân sanh hiện hành bản ngã đã dẫn dắt tha nhân đi vào cuộc

sống lâu nay chứ đâu phải nhìn vào hoàn cảnh sống của tha nhân mà cứu độ hay không cứu độ. Muốn thực hiện cứu độ từ tâm trí tha nhân thì phải cứu độ tâm trí phân biệt từ chính bản thân mình. Cái tư tưởng phân biệt, cái ý nghĩ vị ngã - vị kỷ từ nơi tâm trí mình phải được chuyển hóa tận gốc. Nếu không, tình thương cứu độ tha nhân dù có mở rộng đến đâu vẫn là cái tình hạn lượng. Lòng từ bi đến với tha nhân là lòng từ bi bản ngã.

Mặt khác: Các vị đi vào hành pháp với ước muốn cứu độ tha nhân! Một ý niệm ước muốn đến với tha nhân để cứu độ cũng là ý niệm hiện hành cái tôi bản ngã nơi đó rồi!

23. Hành vi bản ngã thể hiện trong hành động sống bình thường:

Mỗi ngày, chúng ta ăn uống, ngủ nghỉ, giải trí, làm việc, hành sự việc, tu sửa thân tâm. Hành vi này do lý trí và tình cảm hướng dẫn thể hiện nhiều mức độ ý thức làm chủ nhân dẫn đạo.

231. Thí dụ 1: Hành vi định kiến quy lợi về mình.

- Ăn uống! Chúng ta dùng thức ăn uống mình ưa thích - hợp khẩu vị cho thỏa mãn vị giác.
- Làm việc! Chúng ta chọn việc nhẹ lánh việc nặng, chọn việc đơn giản lánh việc phức tạp khó khăn.
- Khi nhận hành vi không đẹp liền đáp lại bằng hành vi không đẹp!

Tất cả hành động này đều thể hiện chỗ phục vụ tư tưởng được định sẵn. Đây là hành động bị trói buộc vì tư tưởng bản ngã. Tư tưởng bản ngã dẫn đạo hành động theo chiều hướng có lợi bản thân như một hướng đi có sẵn còn gọi là định kiến, như một phản ứng tự nhiên với phần lợi quy về mình, đủ thể hiện tinh thần vị kỷ của mỗi chúng ta.

232. Thí dụ 2: Hành vi bản ngã trong vài quan niệm nhân sinh quan:

Mỗi thế nhân một vẻ sống khác nhau nhưng không ngoài các quan niệm nhân sinh:

- Sống thiên về nội tâm: Nặng về đời sống nội tâm như suy nghĩ nhiều, buồn lo, thương yêu, ghen ghét, thường bị lý trí và tình cảm dẫn đường, nhất là tình cảm chế ngự lý trí phụng sự cho đời sống nội tâm. Những hành vi từ ý nghĩ đến hành động đều hiện hành cái tôi ý thức, thể hiện bản ngã từ trong tâm trí.
- Sống thiên về ngoại cảnh: Nặng về đời sống hướng ngoại thường bị ngoại tướng tác động giác quan chi phối tâm trí. Những tình cảm, ham muốn, ưa thích khi đối việc làm nên tướng phiền não nơi tâm, làm nên giới tướng nơi tâm. Tinh thần hướng ngoại hiện hành bản ngã nơi sự việc!
- Sống vừa nội tâm vừa ngoại cảnh: Thường bị dòng tâm thức bản ngã và hiện tượng giới tướng hiện hành bản ngã dẫn đi!
- Sống thiên về hiện tại: Hiện tại nội tâm là một mớ tình cảm và lý trí, nơi tâm có vô số

sự việc hiện hành chi phối. Hiện tại ngoại cảnh làm nên cảm nhận, nhận thức hay khởi phát tư tưởng, nơi sự việc là đối tượng cho bản ngã hiện hành. Như vậy, hành vi sống hằng ngày vẫn còn ràng buộc bởi ý thức do bản ngã làm chủ.

- Sống thiên về quá khứ: Dù là di sản tinh thần quý giá, nền văn minh rực rỡ của thời đại nào đó hay thành tích sáng chói về tinh thần - về vật chất mà mình đã trải qua, đều là tự khép mình đóng khung vào quá khứ lưu đến hiện tại và hành vi sống bị trói buộc vào đó.
- Sống thiên về tương lai: Lý tưởng hóa cuộc đời hay tiến trình sống hướng về niềm hy vọng, niềm tin tưởng, niềm phúc lạc trường tồn; hướng về mọi hiểu biết và thành quả, thỏa mãn những gì mình mong chờ; đó là tiến trình xây dựng hành vi sống theo tâm thức tránh né thực tế và nhìn vào tưởng tượng của ngày mai. Tư tưởng đi vào cuộc sống với hành động bản ngã không tưởng!
- Sống thiên về một tổng hợp: Tổng hợp ít nhiều các quan niệm nhân sinh vừa nói trên hay sống dung hòa tất cả các quan niệm này đều chưa thể thoát khỏi hành vi của bản ngã tâm thức.

Dù theo quan niệm sống nào đều hữu ích cho bản thân và xã hội trong tiến trình góp phần làm nên nền văn hóa chung. Quan niệm nhân sinh tuy đa dạng nhưng đều chưa thoát khỏi hành vi sống của bản ngã tâm thức. Hướng thân tâm vào

một quan niệm nhân sinh là mở ra quan niệm sống với định hướng chính là định hướng của cái tôi bản ngã. Một ý niệm hướng đến thời cũng đủ trưởng dưỡng cái tôi dù tiềm ẩn hay lộ diện.

3. Hành vi bản ngã trong môi trường giáo dục hiện tại!

31. Môi trường giáo dục trong hình thành hành vi bản ngã:

311. Thí dụ về giáo dục gia đình:

- Đứa bé lớn lên trong gia đình mà cha mẹ biết chăm sóc, tất nhiên được dạy dỗ tốt hơn so với đứa bé lớn lên trong gia đình mà cha mẹ bỏ mặc con trẻ.
- Đứa bé lớn lên trong gia đình mà cha mẹ trọng đạo và được tập sống theo tinh thần đạo pháp, ý thức sống đạo từ thơ ấu ít nhiều ảnh hưởng vào tuổi trưởng thành. Đứa bé lớn lên trong gia đình trọng khoa học thực tế và được hướng dẫn tin hiểu những gì khoa học phân giải rõ ràng, xác minh là đúng, ý thức sống theo khoa học ít nhiều ảnh hưởng vào tuổi trưởng thành.
- Đứa bé lớn lên trong cảnh mồ côi: Gia đình và hoàn cảnh sống xấu có thể là môi trường góp phần làm nên thanh thiếu niên phạm pháp với tác phong sống bụi đời. Gia đình và hoàn cảnh sống tốt có thể là môi trường trợ giúp tinh thần sống tự lập cho mai sau.

Như vậy, hoàn cảnh sống bản thân và giáo dục gia đình góp phần hình thành tác phong sống từ

thơ bé. Đây vẫn là ý thức sống bản ngã được nuôi dưỡng từ mầm non!

312. Thí dụ về giáo dục học đường:

- Một học sinh từ mẫu giáo đến hết phổ thông vào đại học trải qua nhiều vị thầy hướng dẫn. Vốn kiến thức và kinh nghiệm cùng cách làm việc - cách sống của các vị thầy góp phần không ít vào hình thành hành vi bản ngã qua đời sống tinh thần vị học trò.
- Một học sinh phổ thông hiểu biết tổng quát về nhiều phương diện. Một sinh viên chọn phân khoa hợp khả năng vì không thể học thâm sâu tất cả các phương diện hiểu biết của nhân loại. Một sinh viên từ đại học bước chân vào đời, tâm trí chịu ảnh hưởng ngành đã chọn học. Càng vấn thân vào chuyên ngành, càng đi vào chiều sâu chuyên môn trong phạm vi thu nhỏ lại. Thí dụ như:
- Tốt nghiệp ngành luật (một phương diện của khoa học xã hội): Một vị luật sư ngày nay không thể thông thạo các lãnh vực luật pháp từ quốc gia mình đang sống đến luật pháp quốc tế, mà phải đi vào chuyên ngành, tâm trí bị đóng dần lại vào chiều sâu chuyên môn.
- Tốt nghiệp y khoa (một phương diện của khoa học thực nghiệm): Một vị bác sĩ ngày nay không thể thông thạo các lãnh vực y khoa và những gì liên hệ đến y khoa mà phải đi vào chuyên môn. Một vị bác sĩ chuyên ngành được người đời khen là

chữa bệnh giỏi, cứu nhiều bệnh nhân, nhưng tự thân vị bác sĩ này vẫn thấy mình còn yếu kém đang chờ đợi sự khám phá thêm của khoa học cùng kinh nghiệm hành nghề của bản thân, của đồng nghiệp cũng như kết quả từ bệnh nhân.

Hiểu biết rộng đi vào đời tuy được xã hội trọng và giúp ích nhiều cho cuộc sống đời. Nếu lấy đây làm hướng đi cho cuộc đời hay làm cứu cánh cho thành đạt là tạo cơ hội tâm trí tích lũy gánh nặng cho tâm thức. Những hiểu biết chuyên môn chất chứa nơi tâm thức đi vào sinh hoạt thường ngày thể hiện hành vi bản ngã dính mắc vào đó, tự gia tăng thêm trói buộc từ hành động đến tâm thức!

313. Thí dụ về giáo dục ở tuổi trưởng thành - trung niên:

- Một vị trưởng thành tại Việt Nam với tác phong sống thiên về tinh thần trọng đạo. Một vị trưởng thành tại Hoa Kỳ có tác phong sống thiên về khoa học thực tế. Qua giao lưu Đông Tây, khoảng cách biệt này nhích lại gần hơn nhưng những gì học hỏi từ thuở bé vẫn còn là nhân tố góp phần chi phối cách sống - cách làm việc, đời sống tinh thần hiện tại trong tuổi trưởng thành.
- Một vị trưởng thành từ học viện quân sự, được rèn luyện cách sống - cách làm việc theo tinh thần kỷ luật nghiêm - tinh thần chỉ huy lãnh đạo. Tác phong quân sự này nếu đem áp dụng vào đời có thể bị chê là độc đoán, như nói là phải nghe, ra lệnh là phải thi hành.

- Tuổi trưởng thành hay trung niên thường có nhiều ký ức, kinh nghiệm, tư tưởng được hình thành qua đường đời tạo nên con người sống già dặn thêm chính là tạp khí phiền não chất chứa nơi tâm thức đi vào hành vi bản ngã dính mắc vào đó. Hành vi bản ngã từng trải nầy đi vào tiềm thức là trở lực cho thanh lọc thân tâm vì mọi thanh lọc do chính hành vi bản ngã từng trải nầy làm chủ! Thanh lọc tâm thức hay thanh lọc hành vi bản ngã trở thành gia tăng củng cố thêm! Có thanh lọc chẳng là chỗ chọn lựa lấy bỏ theo hàng rào tự bảo vệ của hành vi bản ngã.

314. Thử nhìn chung vào thực trạng!

Từ giáo dục học đường bước vào đời để đưa tâm trí con người đi vào chiều sâu cách biệt trước kiến thức của nhân loại. Hành vi bản ngã trưởng thành trong môi trường như vậy là tự cô lập vào khả năng và phân cách trong tương quan hiểu biết cảm thông đối với toàn diện sinh hoạt của xã hội con người. Đây là thực trạng chung của tâm trí phục vụ cho hành vi bản ngã!

Về tổng quát: Sự phân chia kiến thức nhân loại làm nhiều lãnh vực để dễ truyền đạt và học hỏi, sự phân chia chuyên ngành dành cho người học là một cách phân tán và thu hẹp tâm trí, góp phần không nhỏ vào sự mai một cho đời sống tinh thần nếu như tâm trí lo chạy theo ngành nghề và những gì liên quan. Tinh thần vị kỷ hẹp hòi của bản ngã có cơ hội phát huy!

Về truyền thụ: Người học trò chịu ảnh hưởng không ít về cách sống - cách làm việc từ các vị thầy truyền dạy, từ các bậc thức giả qua sách báo và các tài liệu hay phương tiện học hỏi. Sự ảnh hưởng này góp phần không ít vào hình thành tác phong bản ngã.

Về thành đạt: “Nền giáo dục nhà trường ngày nay thiên nhiều về thành công trên đường đời mà xem nhẹ thành nhân trên đường phát triển tâm linh”. Thật ra, nhà trường hiện nay chú trọng phần Giáo và xem nhẹ phần Dưỡng Dục. Đây là cơ hội cho tác phong bản ngã tự diễn!

Môi trường hoàn cảnh sống góp phần không nhỏ vào hình thành tác phong sống con người là lẽ bình thường. Tác phong sống này thể hiện cái tôi bản ngã được hun đúc - rèn luyện theo thời gian đã đi vào tiềm thức và rất khó khăn trong chuyển hóa tận gốc bản ngã tâm thức mở đường giác ngộ tâm linh! Hành vi bản ngã thâm nhập sâu trong tâm khảm và hội nhập vào đời sống thường ngày là một trở lực lớn cho hướng chuyển tâm thức giác của thể nhân. Thí dụ:

Qua thực tế trên đường hành pháp chúng ta đều nhận thấy rằng: Một nhân sanh tuy thức tâm tu học, siêng năng công phu đều và tập lập hạnh lành, nhưng việc tu sửa - việc chuyển đổi cái thức mang hành vi bản ngã vốn đã chìm sâu trong ký ức trong tâm khảm, vốn đã đi sâu vào tiềm thức, thật là khó! Có thể nhiều năm tu học nhưng cái thức mang hành vi bản ngã vẫn còn trơ ra đó!

Qua các buổi học về vô vi chúng tôi nhận ra: Có nhiều vị thật tâm tu học và được gọi là có tiến tu, đã trải qua nhiều trăm năm, thậm chí nhiều triệu năm, cái thức mang hành vi bản ngã này vẫn còn tồn tại hay có chuyển nhưng chỉ một chút ít thôi. Đây quả là khó khăn trên đường tu học vì cội rễ chấp thủ ngã pháp!

32. Nhận chân hành vi bản ngã trong môi trường sống:

Chúng tôi có phần dài dòng vài điểm về môi trường giáo dục là ngoài ý muốn! Sở dĩ nêu ra đây vì chúng ta sinh ra - trưởng thành và từng tẩm mình vào trong môi trường này; đồng thời, việc tu học của chúng ta là đi vào Đời Đạo Song Hành kia mà. Từ phần trình bày này có thể hiển minh 2 điểm chính yếu:

321. Nhận chân chỗ không thật của hành vi bản ngã:

Những gì học hiểu từ bé thơ đến tuổi trưởng thành đi vào tâm trí làm nên ý thức hệ hay quan niệm nhân sanh, đi vào đời sống hằng ngày, có ảnh hưởng không ít đến thói quen - tập quán - tác phong hay nhân cách mai sau, có thể đi theo mình suốt cuộc đời và nhiều kiếp lai sinh.

Hiện kiếp, cái thức sống này có thể thay đổi theo môi trường trưởng thành, theo hoàn cảnh xã hội, theo thời gian. Cái thức này chi phối đời sống tinh thần, chi phối nhân cách sống như một chủ nhân cuộc sống của mình. Nó là “cái vỏ tinh thần áp đặt lên hành vi sống thường ngày”. Sự chuyển hóa trên đường tu học thường là chuyển đổi cái

thức mang các dạng khác nhau hay chuyển đổi tác phong hành vi bản ngã thêm già dặn mà thôi.

Sống vì môi trường bên ngoài, sống vì nội tâm do môi trường bên ngoài tác động, là tự mình đánh mất đời sống tâm linh thật ngã. Cái gì là thật của mình đâu? Hành vi bản ngã có khác gì tầm bình phong bao phủ và dẫn đường trong mọi sinh hoạt thể nhân!

322. Nhân chân tinh thần hướng ngoại của hành vi bản ngã:

Nhìn lại, chúng ta có bao giờ tự hỏi:

- Đoạn đường đời trải qua mình học được những gì? Những học hiểu của mình từ đâu mà có? Do bên ngoài đem vào, do kinh nghiệm, do suy luận - nhận định, do tâm trí góp thu đem vào?
- Cách sống, cách làm việc hay tánh hành động từ đâu mà có? Do sự việc, do học hỏi, do nhận thức suy luận, do cái tôi bản ngã, do chủng tử nghiệp lực?
- Sự học hiểu đi vào tâm trí, lưu vào trí nhớ hình thành thức tướng, góp phần làm nên tác phong hành động do các thức chủ động và do ngoại tướng tác động làm nên như một phản ứng của bản ngã, cái gì là thật của mình đâu?

Nói chung: Môi trường sống góp phần hình thành nhân cách sống hiện hành hành vi bản ngã từ thuở ấu thơ đến ngày nay đã thâm nhập vào thân tâm trở thành lẽ sống bình thường của mỗi chúng ta. Tánh hành động hay tâm trí đối ứng khi gặp

việc là một vài phản ứng của bản ngã. Tất cả đều chưa giải thoát hành vi bản ngã! Nhận ra chỗ này là nhận chân một phương diện học lià tâm ý và ý thức qua hành vi nhân cách sống đi vào đời đạo song hành.

4. Hành vi bản ngã trong vi thể sống!

41. Vị trí mỗi cá nhân như sẵn có!

Từ vị trí làm con khi sanh ra đời, phần đông chúng ta lần lượt bước vào:

- Làm thành viên trong gia đình như: Làm chồng vợ, làm cha mẹ, làm ông bà.
- Làm công dân trong xã hội như: Nhà giáo, công nhân viên chức, quân nhân, nhà kinh doanh buôn bán, nhà từ thiện, mà bên cạnh là nhiệm vụ hay bổn phận và trách nhiệm đi theo.

Mỗi một vị trí của chúng ta góp phần làm nên đời sống gia đình, đời sống xã hội. Đã sinh ra đời, dù muốn hay không đều nằm vào mấy vị trí tương tự này như cái khuôn sẵn có mà tự mình đi vào và bị chi phối do gia đình hay xã hội gán cho.

Thí dụ: Tác phong sống tinh thần của mình thay đổi theo vị trí thích ứng, như:

Ở gia đình, tác phong của một người cha đối với con. Ở cương vị nhà giáo, tác phong của “nhà mô phạm” cho học trò - cho tha nhân và cho thế hệ mai sau học hỏi. Ở nhà sư, tác phong đạo đức làm gương cho đệ tử và thế nhân theo đó mà tin tưởng nơi mình hay không. Đây là tác phong sống bình thường của nhân sanh trong hội nhập

đời sống xã hội! Chỗ khác biệt của hành vi là tác phong đó có hiện hành cái tôi hay không?!

42. Đi đến hội nhập tiến trình xã hội:

Từ khi vào đời đến trưởng thành, hội nhập vào cuộc sống và tạo sự thăng tiến cho bản thân, một hướng đi như sẵn có của mỗi tổ chức xã hội được cải tiến từ thể hệ này sang thể hệ khác. Song song, bên cạnh là danh vị, quyền thế, quyền lợi mà chúng ta vẫn thân phục vụ với những vinh nhục thăng trầm theo cái nhìn của người đời. Đây là môi trường góp phần hình thành tác phong nhân cách hiện hành hành vi bản ngã trong hội nhập xã hội.

Thí dụ: Sự hoàn thiện nhân cách!

Mỗi vị có một vị trí - một thể đứng trong xã hội, được người đời kính trọng nên luôn cố gắng hoàn thiện nhân cách vì địa vị - vì việc làm - vì tha nhân trong tương quan giao tiếp. Như vậy là một cách khép mình vào khuôn khổ, nâng cao vị trí cái tôi vào hành vi! Đây là nhân cách đóng khung vào bản ngã tạo thêm thể diện của cái tôi, không phải nhân cách giải thoát bản ngã.

Qua thời gian, hoàn cảnh xã hội thay đổi, vị trí của mình trong xã hội cũng có thể thay đổi theo, thậm chí đảo ngược thành như “một kẻ trắng tay”. Chỗ nhân cách ngày trước không còn! Từ đây cho thấy, nhân cách - tác phong sống mang tính chất bản ngã đi vào hòa nhập theo vị trí mà xã hội gán cho chỉ là cái vỏ mà bên trong thì rỗng không, không có gì là thật của mình cả!

43. Hành vi bản ngã trưởng thành theo thời điểm sống:

Trưởng thành trong gia đình nghèo khó, tâm trí chịu ảnh hưởng bởi “cảnh cơ cực làm than”. Từ đây, mới biết quý các phương tiện cần cho nhu cầu hằng ngày. Đây lại là môi trường học tiết kiệm, học biết đủ, học chịu đựng khó khăn gian khổ đến với mình, học những hạnh lành khó học như giúp người trong sự thiếu thốn của bản thân. Hành vi bản ngã trưởng thành trong môi trường rèn luyện ý chí và tâm tánh, đồng thời già nua thêm tác phong bản ngã vào đời.

Trưởng thành ở nông thôn, quanh quẩn nơi xóm làng với sinh kế, tâm tánh thường thể hiện chỗ “thật thà, chất phát”. Trái lại, trưởng thành từ thành thị tiếp xúc nhiều mặt phát triển của xã hội mở ra theo giao lưu văn hóa tư tưởng từ nhiều nước đưa vào, tinh thần - tư tưởng hay tâm tánh cũng thay đổi theo. Hành vi bản ngã trưởng thành theo những gì mình tiếp thu đem vào sự sống.

Lịch sử, truyền thống văn hóa, đời sống tinh thần, đời sống tôn giáo của mỗi dân tộc góp phần chi phối hình thành tư tưởng và nhân cách sống. Hành vi bản ngã trưởng thành theo sự tiếp nhận từ bé qua gia đình và học đường cùng môi trường xã hội hiện hữu. Tư tưởng, nhân cách hay tác phong sống được hình thành và đi vào tiềm thức!

Ngoài ra, qua các buổi học về vô vi, chúng tôi nhận ra có vị hiện kiếp là người Việt Nam nhưng nhiều tiền kiếp đã từng sinh trưởng từ các dân tộc của các châu khác. Mỗi một kiếp sinh trưởng

phần nào chịu ảnh hưởng sự hình thành ý thức hệ hay nhân cách sống theo dân tộc đó. Hành vi bản ngã được trưởng thành qua dòng thức sống và có thể lưu hành theo luân hồi sanh tử.

Nói chung: Chỗ gọi đời sống tinh thần hiện có của bản thân hay hành vi sống trong hiện kiếp, do nhiều hướng tác động dòng tâm thức sống làm nên, có phải là thật của mình không? Trong sự sống hiện tại, đây là môi trường phương tiện giúp chúng ta nương theo học lìa bản ngã sống vô ngã!

5. Hành vi bản ngã từ kinh nghiệm đến tư tưởng vào đời!

51. Thành công và thất bại làm nên kinh nghiệm!

Sống phải làm việc! Việc làm có thành công và thất bại. Thành công thì tinh thần phấn khởi và tiếp tục. Thất bại thì rút kinh nghiệm để làm lại hay ngã lòng. Việc làm đem lại kết quả tạo nên con người làm việc có kết quả, việc làm không đem lại kết quả tạo nên con người làm việc không có kết quả.

Cuộc sống của chúng ta thường lẫn lộn vào sự việc do nhu cầu hằng ngày, bắt tay vào làm việc, kết quả thành bại. Mấy cái này làm nên kinh nghiệm! Kinh nghiệm là sản phẩm được tác thành! Thử hỏi, tâm trí đi theo kinh nghiệm có giải thoát khỏi bản ngã không?

52. Từ kinh nghiệm đến tư tưởng và hành vi:

Có kinh nghiệm thời tích lũy kinh nghiệm và học hỏi thêm rồi tích lũy thêm sở đắc học hỏi được. Kinh nghiệm sở đắc qua học hỏi và làm việc hình thành dần tư tưởng sống - quan niệm sống. Tư tưởng sống là hậu quả được tác thành! Tâm trí phong phú có được từ nguồn tư tưởng phong phú đó, đem vào cuộc sống “làm nên hành vi sống”. Thử hỏi hành vi sống đó có giải thoát bản ngã không khi mà tư tưởng chưa thoát khỏi kinh nghiệm và sở đắc thu thập do tiến trình sống đem lại? Thử hỏi từ nơi hành vi tự nó có giải thoát không khi mà hành vi đó còn là sản phẩm của tư tưởng tích lũy kinh nghiệm và tiến sống đem lại?

Nói chung: Học kinh nghiệm - tư tưởng người đi trước đem vào đời và để lại kinh nghiệm cho người đến sau là một diễn trình tích lũy cần cho thể hệ mai sau nhưng sự khai mở tâm trí - sự rèn luyện hành vi sống qua môi trường này chưa đủ để giải thoát bản ngã, Vì sao? Tâm trí - tác phong hay hành vi sống bình thường bị chi phối bởi kinh nghiệm, bởi tư tưởng, bởi sự việc diễn ra là tự trói mình vào bản ngã!

53. Vận dụng tư tưởng vào cuộc sống?!

Đọc xong một quyển sách giúp trí sáng thêm một ít. Sự học hỏi từ nhà trường, thầy cô, bạn bè, phim ảnh, các phương tiện truyền thông, vốn hiểu biết gia tăng. Chúng ta tôn trọng mọi hiểu biết mà tha nhân phổ biến và học hỏi mọi hiểu biết có ích cho đời sống.

Nhìn lại từ cổ đến nay với vô số tư tưởng của nhân loại được lưu truyền mà mình thu thập, góp

phần trở thành phương tiện chi phối tư tưởng chính bản thân. Từ tư tưởng tha nhân trở thành phương tiện chi phối tư tưởng bản thân thể hiện tâm trí bị động của bản thân đi vào cuộc sống.

Quá trình sống giúp thêm kinh nghiệm và hình thành dần tác phong tư tưởng ngày càng vững hơn. Đây là một cách củng cố bản ngã!

Thế nên, tư tưởng hay ý nghĩ khởi sanh khi đối việc, dù đúng hay không đúng đều là tự đóng khung mình lại, vun trồng thêm cái tôi bản ngã. Vận dụng tư tưởng vào hành vi, vào phong cách hay vào cử chỉ khi đối việc là một cách áp đặt cái tôi bản ngã vào hành vi, vào phong cách, vào cử chỉ. Sự hoạt động của tư tưởng mở rộng thêm cái tôi. Tư tưởng bản ngã đi vào cuộc sống vẫn còn đó! Từ đây, nhận ra hoạt động của tư tưởng là nhân tố huân trưởng vọng ngã, nuôi lớn cái tôi. Sự hiểu biết sáng suốt mở ra trong trường hợp này góp phần nuôi lớn thêm hành vi bản ngã.

6. Vài phương diện mở hướng giải thoát hành vi bản ngã:

61. Một phương diện giải thoát hành vi bản ngã từ Tu Sửa đến Trau Dồi Đức Hạnh:

611. Bước đầu sửa ác thành thiện!

- Những gì tốt - hay - phải - đúng, nói chung là thiện thì theo.
- Những gì xấu - dở - trái - sai, nói chung là ác thì không theo.

Đây là bước đầu tu sửa thân tâm trong mọi sinh hoạt! Hành vi tu sửa còn mang tính phân biệt với bản ngã hiện hành.

612. Đến lia bỏ cái tôi bản ngã đi vào tâm trí không phân biệt!

Những thiện ác là cái tướng thay đổi theo quan niệm nhân sinh của người đời cũng là cái tướng thay đổi theo tâm thức phân biệt mang tính không nhất định - không ổn định. Sự tu học không dừng lại nơi sửa ác thành thiện mà là học hành vi không hiện hành cái tôi bản ngã từ ý nghĩ - lời nói - hành động đến không hiện hành cái tôi bản ngã áp đặt vào sự việc.

Từ đây, chúng ta tập đi vào sự việc như phương tiện khi cần. Ý niệm phân biệt khởi - trí phân biệt thiện ác khởi được thanh lọc qua hành dụng đối diện trực tiếp sự việc, dù sự việc đó là thiện hay ác đối với chỗ nhìn của thế nhân. Thế nên, chúng ta không tham thiện, không lánh ác! Mọi sự việc đều là phương tiện học lia bản ngã!

Đây cũng là chỗ học Vô Niệm trước mọi sự việc, hội nhập tâm trí tĩnh lặng mà thông suốt sự việc: Thấy biết diễn tiến sự việc từ nội tâm đến ngoại cảnh bằng tâm trí tĩnh lặng!

613. Tập tự chủ hành dụng!

Từ chỗ học vô niệm đi vào mọi sự việc, dần dần chúng ta nhận ra chỗ gọi thiện ác vốn không thật có, do dụng của tâm mà có! Tướng thiện ác do dụng của tâm chỉ là hình ảnh hư ảo! Chúng ta học chỗ diệu dụng này đi vào sự việc thời chỗ gọi thiện ác không còn là thiện ác nữa vì đó là tánh hành động chân thật đi vào sự việc xuất phát từ tâm chân thật! Nội dung sự việc do tánh hành

động chân thật đi vào hạnh hữu vi có thể mang ý nghĩa thiện có thể mang ý nghĩa ác nhưng tâm tánh chân thật không hề khởi ý niệm bản ngã thiện hay ác áp đặt vào đó! Tâm trí tĩnh lặng hiện bày nơi đây!

614. Bước đầu học bình đẳng!

Tuy không thật có, vốn hư ảo, nhưng là diệu dụng từ tâm đi vào cuộc sống như thật, nên tự chủ đi vào sự việc mang 2 tính chất: Vừa thay đổi theo chỗ dụng của tâm vừa hiện hành tính chân thật của hành vi! Đây là phương tiện tùy duyên đối việc của các vị tự chủ đi vào đời như phương tiện dùng! Dùng mà không dính mắc, vào đời mà thoát đời!

Người học đạo thấy được, dùng được và sống với 2 tính chất song hành này thì không những thiện ác nơi đời không có mà thiện ác nơi tâm cũng vắng. Tất cả là tướng dụng từ tâm trí tĩnh lặng: Hành vi là chỗ dụng của tâm đi vào tánh hành động - đi vào hạnh hữu vi thể hiện cái tướng của tâm. Chỗ dụng và cái tướng từ bản tâm đi ra, hiển bày trí không phân biệt - hiển bày trí bình đẳng là đây. Thế nên, tất cả sự việc đến với mình đều như nhau với tánh trí bình đẳng đi vào thế sự. Nơi đây, người học đạo thực thi hạnh lành, thực thi hạnh nguyện trên đường hành pháp mở ra công đức hữu vi và công đức vô vi trên bước đường Trau Dồi Đức Hạnh. Nhìn vào đây thấy được Căn Cơ mỗi chúng ta trên đường tu học!

615. Vài nét về trau dồi đức hạnh:

Tướng hạnh bản ngã:

Bước vào tu học, các vị huynh trưởng khuyên công phu đều đặn và lập hạnh hay trau dồi đức hạnh. Công phu cũng là một cách lập hạnh!

Làm phước giúp người, đi viếng thăm ủy lạo các trại nuôi dưỡng người bất hạnh cũng là một cách lập hạnh. Dùng lời an ủi người giải tỏa nỗi khổ tâm khổ trí cũng là một cách lập hạnh. Đây là tướng hạnh do tư tưởng, do ý nghĩ đến mà hành trong bước đầu tu học.

Tuy lòng mình mở ra qua hạnh lành này, nhưng cái hành này chỉ tạo thêm phước báu hưởng thụ về sau mà không giúp cho mình giác ngộ hay giải thoát. Có chăng là tướng hạnh lành bao phủ bên ngoài gia tăng thêm tiềm lực bản ngã vì hạnh lành này do tư tưởng - ý nghĩ bản ngã dẫn, chưa phải là trau dồi đức hạnh. Đây là tướng hạnh lành do bản ngã dẫn, không phải tâm hạnh lành!

Đức hạnh là tâm hạnh không phải tướng hạnh bản ngã!

Đức hạnh! Không phải cái hạnh thuộc tư tưởng, ý nghĩ hay tướng hạnh bên ngoài. Càng vận dụng tư tưởng hay ý nghĩ vào lập hạnh, càng thể hiện hành vi bản ngã lập hạnh tuy rằng với người đời nhìn theo hình tướng mình là người lành người tốt.

“Đức hạnh là tâm hạnh hay công đức thể hiện qua đức tánh của tâm thanh tịnh!” Mọi vận dụng tư tưởng hay ý nghĩ vào việc làm tự là! Mọi sự việc tác động lên khối óc suy tính đi vào hành vi

tự lìa! Mọi mục tiêu thành đạt, mọi định hướng hay ý hướng áp đặt vào sự việc không còn! Đức hạnh thể hiện qua tánh hành động thanh sạch bất nhiễm đi vào tướng hạnh hữu vi còn gọi tịnh hạnh.

Đức hạnh thể hiện tâm tịnh đi vào sự việc chứ không phải thể hiện khối óc tịnh đi vào sự việc. Khối óc tịnh đi vào sự việc là chỗ úp tịnh của tư tưởng tâm thức. Tâm tịnh đi vào sự việc là chỗ của linh hoạt của trí giác tuy nằm vào tư tưởng nhưng không vướng vào tiến trình tư tưởng. Tâm tịnh đi vào sự việc thể hiện tánh hành động nơi tâm thanh thản tự nhiên do trí giác hướng dẫn, chứ không phải tánh hành động do tư tưởng tâm thức hướng dẫn, không phải tánh hành động do khối óc lặng chìm hay khởi động hướng dẫn.

Thế nên, hành hạnh lành song hành công phu tinh tấn là yếu quyết đi vào trau dồi đức hạnh. Chỗ học này đi từ công phu thiền định bước vào “giữ vững tình trạng công phu trong mọi sinh hoạt” là mở hướng từ thiền định vào vô niệm nơi thể sự. Hành vi bản ngã tự vắng! Tư tưởng - lời nói - hành động đi vào chánh niệm song hành cùng sự việc, còn gọi là Chánh Định. Đức Hạnh hay Công Hạnh Lành mở ra từ đây!

Nói chung: Từ đây nhìn lại thấy rằng, trên bước đường mở trí chúng ta nhận chân sự hiện hành của hành vi bản ngã, trên bước đường hành dụng chúng ta nhận ra hành vi bản ngã lộ diện từ thô đến tế. Các vi tế chấp lẫn lượt tan rã theo từng bước hành dụng mở trí chiếu tan các tạp khí

ô trước nơi tâm, soi sáng sự thật và chỗ từ bỏ cái ta hay từ bỏ bản ngã của mình xuống không còn đặt ra nữa.

Đức Ngài dạy: “Sửa những việc ác thành thiện, những việc xấu thành tốt,... chứ không phải vào chùa cạo đầu, lên núi mặc áo đạo là tu, trong lúc trong tâm mình không thành thật, thiếu những đức tánh đạo đức”.

Lời dạy mở hướng đi cả tiến trình giải thoát hành vi bản ngã: Mở thông sửa chữa từ tư tưởng đến hành động hiện hành “bản ngã của ta”, cho đến mượn công phu làm phương tiện đi vào vô niệm, lìa bỏ bản ngã, không vướng mắc vào vật chất, tức sống với tinh thần không ảnh hưởng giác quan hay ngoại tướng, mở ra đức tánh đạo đức - đi vào trau dồi đức hạnh.

62. Một phương diện mở hướng giải thoát hành vi bản ngã trong sinh hoạt:

621. Bước đầu nhận ra chỗ không thật của hành vi bản ngã.

Sự sống hiện có do ý thức làm chủ, thể hiện qua lý trí và tình cảm. Hành vi bản ngã bị chi phối bởi lý trí và tình cảm, thể hiện qua cảm nhận - nhận thức - tư tưởng - lời nói - hành động mà nội dung không ngoài lý trí so đo phân biệt, các tình cảm bình thường của con người và lòng ham muốn nơi mỗi chúng ta. Tất cả hành vi đi vào đời sống tinh thần và vật chất, tất cả hành vi mở hướng vào đời vào đạo như: Hướng thiện hướng ác, hướng thượng hướng hạ, hướng chân thiện mỹ hay phi chân thiện mỹ, do ý thức làm chủ, đều là

hành vi bản ngã! Giờ đây, chúng ta nhận thấy rằng hành vi bản ngã đó không phải thật là mình, không phải thật là của mình vì nó đưa chúng ta đi vào cuộc sống lâu nay như giấc mơ vậy thôi. Đây là bước đầu chuyển hành vi bản ngã nhận ra chỗ không thật của nó, nó như không đối với mình.

622. Mở hướng tư chủ dùng hành vi trong sinh hoạt!

Bước tiếp theo: Tuy biết là không thật có, nó như không đối với mình nhưng hằng ngày mình vẫn dùng hành vi này đi vào mọi sinh hoạt, đi vào sự sống nơi thế sự! Thấy là không thật nhưng vẫn dùng! Tức là sống trong chỗ không thật, thấy biết là không thật và tự chủ dùng chỗ không thật này!

Nói cách khác: Nhận ra chỗ giả dối của hành vi bản ngã, nó vốn “không phải thật” vì đưa chúng ta vào cuộc sống khác nào mộng ảo. Tuy biết “không phải thật” nhưng tự chủ dùng! Nên tuy “không phải thật” nhưng “không phải là không phải thật” vì mình vẫn dùng nó đi vào cuộc sống như thật kia mà. Cho nên, chỗ gọi hành vi bản ngã hiện hành từ tư tưởng đến hành động hữu vi là không phải thật nhưng không thể kết luận dứt khoát là “không phải thật” hay “không phải là không phải thật”. Mọi kết luận đều thể hiện tâm trí chấp thủ! Điểm yếu quyết là tự chủ dùng đi vào trong mọi sinh hoạt nơi thế sự thì hành vi bản ngã không còn đặt ra nữa!

Đây là một phương diện tự chủ đi trong sinh hoạt và vẫn dùng mọi hành vi từ tư tưởng đến lời nói và hành động. Tuy dùng mà thoát, tuy bước vào

thể sự mà thoát mọi ràng buộc nơi thể sự. Chỗ giải thoát hành vi bản ngã là đây vì từ tâm tánh tự chủ đi ra! Từ tâm tánh tự chủ dùng, không bị chi phối bởi nhân duyên căn trần tạo tác, không bị chi phối bởi áp lực các giác quan, nên chỗ gọi hành vi bản ngã hay hành vi chân thật vốn Vô Sanh. Ngôn từ giải thoát không còn đặt ra vì có chỗ nào gọi là giải thoát hay không giải thoát đâu?!

7. Thay lời kết luận:

Đường giải thoát hành vi bản ngã là hội nhập thể sự thực thi trau dồi đức hạnh thẳng vào sự sống nơi cõi thế. Các vị phát tâm bồ đề, các vị hành lục độ vạn hạnh, các vị xả thân phụng sự đạo pháp muốn giải thoát hành vi bản ngã không thể rời sự việc thế gian mà có! Các vị muốn nhập sự thật của nhân sanh và vũ trụ, các vị muốn thấu suốt thật tướng của sự sống thế gian không thể hiện diện cùng hành vi bản ngã mà thông suốt được, cũng không thể rời bỏ hành vi này mà thành tựu. Vì sao?

- Hành vi tự chủ hay hành vi tự tại của các vị giác ngộ chính là hành vi bản ngã của thể nhân!
- Ngay nơi thật ngã thường còn của các bậc Thánh Trí chính là bản ngã vô thường của thể nhân!
- Sự sống bất sanh bất diệt với các bậc chơn như hiện diện nơi sự sống sanh diệt đi trong sanh tử luân hồi của thể nhân!
- Bản thể vô sanh với các bậc chơn như chính là bản thể sanh diệt của tâm thức bản ngã!

MỤC LỤC

1	Lời mở đầu	1
2	Phương diện tâm pháp của chân tình	4
3	Vài nét về lý pháp thân tâm niệm khởi	15
4	Phương diện vô minh của hiểu biết	27
5	Phương diện tâm pháp của mê giấc	39
6	Phương diện tâm pháp của dục vọng	57
7	Có thể nào diệt Tham - Sân - Si	82
8	12 trở lực thường gặp trên đường tu	89
9	Phương diện tâm pháp của hành vi bản	13

PHÁT HÀNH NHÂN DỊP ĐẠI LỄ KỶ NIỆM
ĐỨC NGÀI HỒI VỊ
26 THÁNG 12 NĂM 2000
VÀ NGÀY
VÍA CỦA ĐỨC ĐẠI THỦA LIÊN HOA HÓA THẦN MINH
NGÀY 26 THÁNG 11 NĂM CANH THÌN
NHẪM NGÀY 21 THÁNG 12 NĂM 2000